



Bookeye[®] 4



V3



V2

Operation Manual

QUY TRÌNH VẬN HÀNH MÁY SCAN CHUYÊN DỤNG BOOKEYE 4

I. TỔNG QUAN VỀ MÁY SCAN BE4

1. Thông số cơ bản:

- Quét lên đến 14x24 inch tài liệu trong 7 giây.
- Độ phân giải quang học 400x600 dpi, 24 bit màu
- Kích thước màn hình xem trước bản quét: 19 inch
- Màn hình điều khiển cảm ứng
- Tích hợp 2 vị trí V- cái nôi
- Tích hợp 2 cổng USB
- Kết nối Gigabit Ethernet

2. Thông số kỹ thuật chi tiết:

Tài liệu

Kích thước tài liệu tối đa: 460 x 620 mm (18 x 24,4 inch), hơn 14% so với tiêu chuẩn DIN / ISO A2

Xuất

- Độ phân giải quét 600 x 600 dpi
- Pixel Dimension 9,3 x 9,3 mm
- Tốc độ quét màu:
 - + DIN A2 + @ 150 dpi: 1.2 s
 - + DIN A2 + @ 200 dpi: 1,6 s
 - + DIN A2 + @ 300 dpi: 3.4 s
 - + DIN A2 + @ 400 dpi: 4,6 s
 - + DIN A2 + @ 600 dpi: 6.8 s
- Độ đậm của màu: 36 bit màu, 12 bit màu xám
- Output Scan: 24 bit màu, 8 bit màu xám, bitonal, tăng cường bán sắc
- Các định dạng tập tin: PDF, PDF / A, JPEG, PNM, TIFF không nén, TIFF G4 (CCITT), nhiều trang PDF, TIFF

Thông số kỹ thuật

- Máy vi tính: 64 bit sử dụng hệ điều hành Linux, CPU Intel Core i3, bộ xử lý lỗi tứ, RAM 8GB, HDD 320GB; Lan Gigabit Ethernet / IP dựa trên giao diện Scan2Net TCP (R); Card điều khiển S2Nboard; 4 motor
- Máy ảnh: CCD Kamera
- Nguồn sáng Đèn LED trắng, theo IEC 60825-1: lớp 1, không có IR phát thải /

UV

- Tuổi thọ đèn Lamp Life Time: 50.000 h (typ.)

Kích thước

- Kích thước Scanner (H x W x D): 780 x 670 x 670 mm (30,7 x 26,4 x 26,4 inch)
- Trọng lượng Scanner: ~ 40,5 kg (90 lbs.)

Thông số kỹ thuật Điện

- Nguồn điện: 100-240 V AC, 47 - 63 Hz (bên ngoài cung cấp điện, phù hợp với ECO mức CEC chuẩn V)
- Công suất tiêu thụ ≤ 0,5 W (Sleep) / 2.5W (chế độ chờ) / 75 W (Sẵn sàng để quét) / 130 W (Scanning)

Điều kiện môi trường xung quanh

- Nhiệt độ hoạt động: 5-40 ° C, 40-105 ° F
- Độ ẩm: 20-80% (không ngưng tụ)
- Tiếng ồn <42 dB (A) (Scanning) / <33 dB (A) (Standby)

II. CÁC TÍNH NĂNG

1. Bookeye ® 4 Chức năng V2 Pro

- Máy quét màu các định dạng lên đến A2 + ; độ phân giải 600 x 600 dpi.
- Quét sách hình chữ V 120-180 độ
- Phần mềm mở cho hoạt động với BSW, BCS-2, Opus FF
- Chế độ thư mục để quét các thư mục tập tin hoàn chỉnh
- EMC (2) xác nhận
- Book Fold Correction - Quét tài liệu ràng buộc mà không bóng khó chịu
- ngón tay và tự động loại bỏ ngón tay cái
- Cắt tự động & Deskew
- Module thanh toán tích hợp
- Cân bằng màu kỹ thuật số
- Tích hợp ICC profile
- Cân bằng trắng tự động
- Scan2USB - Quét file gửi sang USB
- Scan2Print - Đầu ra cho bất kỳ máy in được kết nối hoặc thư mục nóng
- Scan2Network - Đầu ra cho bất kỳ trình điều khiển mạng
- Scan2Pad - vận hành máy quét không dây và lưu trữ cho iPad, Android
- Đầu ra định dạng: PDF, PDF / A, JPEG, TIFF, PNM, nhiều trang PDF

Bookeye ® 4 V2 Professional

- Đèn LED, không âm lên, IR / UV miễn phí
- Màn hình cảm ứng màu WVGA 7" dễ dàng thao tác.
- Giao diện người dùng tùy biến.
- Màn hình LCD xem trước bản quét kích thước 19 inch Led.
- Hệ điều hành Linux kháng Virus
- Tương thích Windows 7, 8, 10, Linux, Mac
- Kết nối máy scan thông qua bất kỳ trình duyệt web; IE, Safari, Chrome, Firefox...
- Dễ dàng cài đặt thông qua Scan2Net ®
- Bảo dưỡng và phân tích từ xa
- Cập nhật firmware từ Web
- Bảo hành 12 tháng + bảo hành mở rộng

Bookeye ® 4 V2 Professional Tùy chọn

- Foot Switch -- Hardware option for batch scanning
- Upgrade Client-Interface & 600 dpi -- Software option to production scanner
- Scan2ICC -- Subscription for ICC color management and profiles
- Scan2TWAIN -- TWAIN driver for Client-Interface & 600 dpi)
- Bảo hành mở rộng --Up đến 5 năm thuê bao cho gói gia hạn bảo hành và phụ tùng thay thế miễn phí

2. Bookeye ® 4 Professional - Thị trường & Ứng dụng

Bookeye ® 4 Professional chứng tỏ năng suất đầy đủ của nó khi thực hiện dự án quy mô lớn và là một công cụ có giá trị cho các thị trường và các ứng dụng sau đây. Danh sách này không phải là hoàn toàn không độc quyền, có thị trường và các ứng dụng được liệt kê hơn và nó sẽ chỉ được đưa ra như là một hướng dẫn chung. Nếu bạn có một ứng dụng cụ thể không được liệt kê ở đây, xin vui lòng kiểm tra với đại diện bán hàng của bạn

Bookeye ® 4 thị trường chuyên nghiệp

- Chính phủ và các tổ chức thương mại tư nhân
- Hệ thống Thư viện
- Văn khố
- Các trường Đại học

- Thiết bị thông tin

Bookeye® 4 ứng dụng chuyên nghiệp

- Tài liệu lưu trữ của các cơ quan chính phủ quốc gia và địa phương, cơ quan đăng ký và các tổ chức phi lợi nhuận
- Quét báo chí, tạp chí, catalogue, tạp chí
- Số hóa tập tin từ thư mục tập tin
- Số hóa tài liệu ràng buộc và ghim như hợp đồng, tài khoản và tài liệu
- Sách bảo tồn và các tài liệu lịch sử nhạy cảm.....

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Giới thiệu

Khách hàng thân mến

Chúng tôi xin chúc mừng bạn về việc mua lại các sản phẩm sáng tạo này từ Image Access. Chúng tôi rất tự hào về công việc chúng tôi làm; sản phẩm của chúng tôi là kết quả của tiêu chuẩn sản xuất cực kỳ cao và kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt.

Hướng dẫn hoạt động này được thiết kế để hướng dẫn bạn thông qua các tình huống điển hình nhất kinh nghiệm khi hoạt động với BE4- Profesional.

Vì lý do này, chúng tôi yêu cầu bạn phải đọc hướng dẫn hoạt động chăm chú trước khi bắt đầu làm việc với các thiết bị. Bằng cách đó, bạn sẽ tránh được lỗi hoạt động và bạn có thể kiểm soát tất cả chức năng có hiệu quả ngay từ đầu.

Sổ tay hoạt động cung cấp tất cả các thông tin cần thiết liên quan đến việc hoạt động bình thường và hành vi của các thiết bị. *Nó được viết cho những người chỉ vận hành thiết bị và không thực hiện các thủ tục cài đặt và hiệu chỉnh (Kỹ thuật viên).* Tất cả các yếu tố thiết bị và chức năng phần mềm được mô tả chi tiết, mặc dù một số trong số chúng có thể không bao giờ được sử dụng. Điều này không bao gồm bất kỳ phần mềm ứng dụng. Tham khảo hướng dẫn thích hợp để học về các phần mềm ứng dụng.

Hướng dẫn này được chia thành nhiều phần.

Mục A

Mô tả phần cứng của thiết bị và cung cấp cho người dùng một cái nhìn tổng quan của tất cả các thành phần và kết nối của máy quét. *Hãy nhớ rằng thiết bị này là một dụng cụ quang học chính xác và cần được xử lý phù hợp.*

Mục B

Mô tả các chức năng của màn hình cảm ứng và làm thế nào để vận hành máy quét với màn hình cảm ứng.

phần C

Cung cấp một giới thiệu ngắn và thông tin cơ bản về giao diện người dùng ScanWizard. Tất cả các chi tiết về giao diện có thể được tìm thấy trong phần văn bản tích hợp "Help" của các máy quét.

phần D

Thông báo về mức thiết lập nói chung và mô tả các cấp độ truy cập Người sử dụng chi tiết.

phần E

Chứa tất cả các thông tin kỹ thuật của máy quét và các tờ khai liên quan tới khai liên quan đến an toàn và khả năng tương thích điện từ (EMC).

A GHI CHÚ AN TOÀN

A1 Ghi chú An toàn

- Đọc và đảm bảo rằng bạn hiểu các ghi chú an toàn .
- Các ghi chú an toàn đã được viết để bảo vệ bạn và cho sự an toàn của bạn .

Thực hiện theo tất cả các ghi chú an toàn để tránh thiệt hại cho các thiết bị.

A.1.1 Đánh dấu các ghi chú an toàn

- Tất cả các ghi chú an toàn được đánh dấu bằng một dấu hiệu cảnh báo .
- Mô tả các mối nguy hiểm tiềm năng được tìm thấy ở phía bên phải bên cạnh các dấu hiệu cảnh báo .



WARNING!

<Text with description of potential hazard.>

A.1.2 Đánh dấu các ghi chú an toàn



CAUTION!

Laser Class 1

Không nhìn chăm chăm vào chùm!

Certified acc. IEC 60825-1:2008-05



LASER RADIATION

DO NOT STARE INTO THE BEAM OR VIEW
DIRECTLY WITH OPTICAL INSTRUMENTS

CLASS 2M LASER PRODUCT

Wavelength: 630-670nm

Max. Power: 5mW

≥ 7.5mrad

Certified acc. IEC 60825-1:2008-05

A.2 Biện pháp phòng ngừa an toàn

Warning: Vui lòng đọc tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn trước khi bạn vận hành máy quét. Chấn thương nghiêm trọng có thể xảy ra với bạn hay với người khác nếu bạn không biết làm thế nào để sử dụng nó một cách an toàn.



To prevent fire or shock hazard, **do not expose** this device to rain or any type of moisture.

Để ngăn chặn cháy hoặc sốc điện nguy hiểm, **không tiếp xúc** với thiết bị này khi bị nước mưa hoặc bị ẩm.

Thực hiện theo tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn để tránh chấn thương hoặc tổn hại đến thiết bị.

1. Khe hở trong hộp của máy quét được thiết kế để cho không khí lưu thông. Không che hoặc chặn các lỗ đó.

2. Không đặt máy quét gần nguồn nhiệt hoặc nơi phát ra nhiệt độ lạnh như máy sưởi, lò sưởi hay máy điều hòa không khí.
3. Không đặt máy quét gần bất kỳ thiết bị hoặc hộp điện phát ra điện áp cao.
4. Luôn đặt các máy quét trên một bề mặt ổn định.
5. Không đặt ly chứa chất lỏng hoặc các đối tượng khác trên máy quét hoặc trên những cái nôi sách (Bookcradle). Nếu sự cố tràn chất lỏng vào máy quét nó có thể gây ra thiệt hại. Nếu điều này xảy ra, tắt máy quét, rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm trên tường và liên hệ với Kỹ thuật viên.
6. Không đặt bất cứ đồ vật vào bất kỳ lỗ của máy quét trừ khi được chỉ dẫn phải làm như vậy bởi Kỹ thuật viên.
7. Không được tháo rời máy quét. Nếu cần phải tháo rời máy quét, xin vui lòng liên hệ với Kỹ thuật viên.
8. Không sử dụng máy quét nếu nó đã bị hư hỏng vật lý. Nếu điều này xảy ra, tắt máy quét, rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm trên tường và liên hệ với Hỗ trợ kỹ thuật từ hãng.
9. Máy quét chỉ nên được sử dụng với bộ đổi nguồn được đi kèm theo máy quét. Nếu bạn không chắc chắn, xin vui lòng liên hệ với Hỗ trợ kỹ thuật.
10. Sử dụng máy quét trong phòng máy điều hòa với công suất phù hợp.
11. Luôn luôn tắt nguồn và rút dây nguồn ra khỏi ổ cắm trên tường trước khi vệ sinh làm sạch máy quét.
12. Khi vệ sinh làm sạch, không sử dụng bất kỳ các giải pháp, mài mòn, hoặc axit như acetone, benzen, dầu hỏa, hóa chất, amoniac, hoặc axit nitric. Không sử dụng bất kỳ chất tẩy rửa có chứa các hóa chất này.
13. Không được xịt bất kỳ chất lỏng trực tiếp vào máy quét. Nên xịt chất lỏng làm sạch trực tiếp lên vải sạch và sử dụng vải để vệ sinh làm sạch các máy quét.

A.3 Nói chung

Hướng dẫn thiết lập này mô tả các thiết lập và chức năng sử dụng một thiết bị được trang bị với tất cả các tùy chọn. Có thể sai lệch với các thiết bị khác hoặc tùy chọn giảm.

A.4 Chứng nhận

Tất cả các yêu cầu an toàn của các tiêu chuẩn sau đây được đáp ứng bởi máy quét Bookeye® 4 :

IEC 60950-1 , tiêu chuẩn an toàn quốc tế cho các thiết bị công nghệ thông tin.

UL 60950-1 , an toàn cho thông tin Trang thiết bị công nghệ (tiêu chuẩn Mỹ)

CAN / CSA C22.2 No.60950-1 , an toàn cho thông tin Thiết bị công nghệ (Tiêu chuẩn của Canada)

EN 60950-1 , an toàn cho thông tin Trang thiết bị công nghệ (tiêu chuẩn châu Âu)

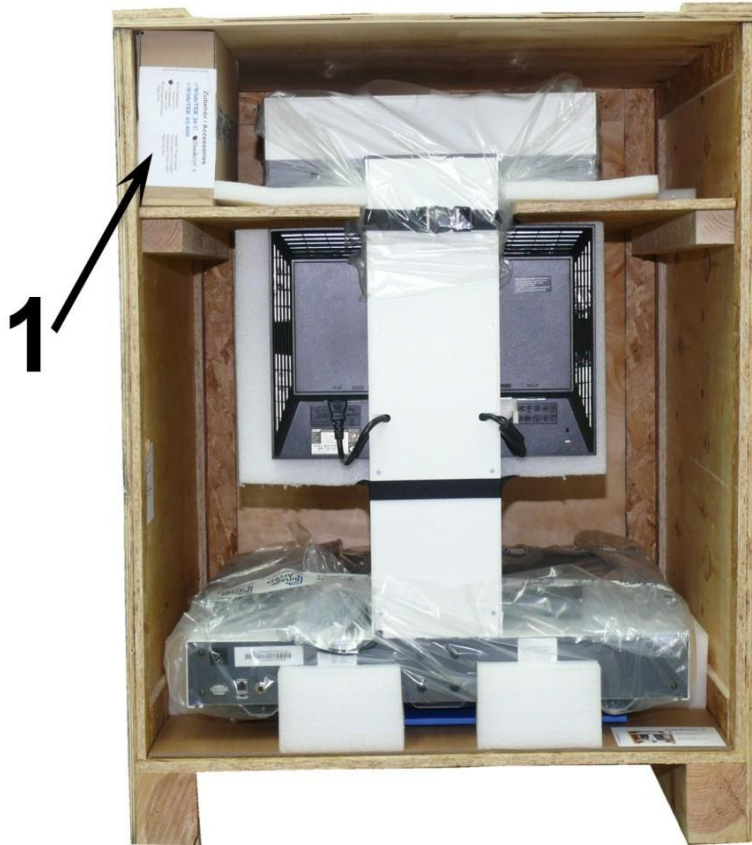
Tất cả các nhãn hiệu chính cho các chứng nhận nêu trên có thể được tìm thấy trên nhãn các loại thiết bị.

B Phần cứng

B.1 Về đóng gói giao hàng

B.1.1 Phiên bản Bookeye® 4 V2

Máy quét được đóng gói và vận chuyển trong một hộp gỗ.



Hình 1 : Máy quét Bookeye® 4 trong hộp vận chuyển
Hộp vận chuyển chứa máy quét, phụ kiện và các mục tiêu tham chiếu cho mục đích căn chỉnh.

Hộp được đánh dấu số (1) chứa :

- Một bộ đạp chân .
- Cable RJ45, chiều dài 3 mét .
- Key Recovery với hướng dẫn.
- Nguồn cung cấp điện bên ngoài và cáp điện.

Cặp thước với bốn tấm tham khảo CSTT -1 , hai tấm cân bằng trắng Reference BE4 - Z - V2 -A , và hướng dẫn sử dụng được đặt ở tông trượt bên dưới máy quét.

Xin lưu ý : Giữ lại hộp gỗ vận chuyển cho các lô hàng trong tương lai! Nếu máy quét cần được trả lại cho kho, nó phải được gửi trở lại trong hộp gỗ ban đầu để tránh thiệt hại khi vận chuyển.

B.1.2 Mở hộp gỗ vận chuyển

- Thùng và vỏ máy quét được đặt trong hộp gỗ đóng kín để vận chuyển.
- Trong thùng gỗ đựng máy được chia làm hai phần bởi một tấm gỗ mỏng dưới đầu camera (hình 2 mục 2). Đầu camera được bảo vệ bởi một tấm nhựa xốp, đã cắt ghép xung quanh.



Hình 2: Nhìn chi tiết trong hộp gỗ vận chuyển

- Bên cạnh đầu camera được đặt một hộp phụ kiện (mục 1).
- Đầu tiên kéo hộp phụ kiện ra.

Lưu ý: Vì lý do an toàn và vì trọng lượng của máy quét các bước sau đây cần được thực hiện bởi hai người.

- Kéo máy ra khỏi hộp gỗ từ bìa card tông slide-in dưới đáy rãnh. Khi máy quét được kéo ra, thảm nhựa xốp xung quanh đầu camera đu xuống.



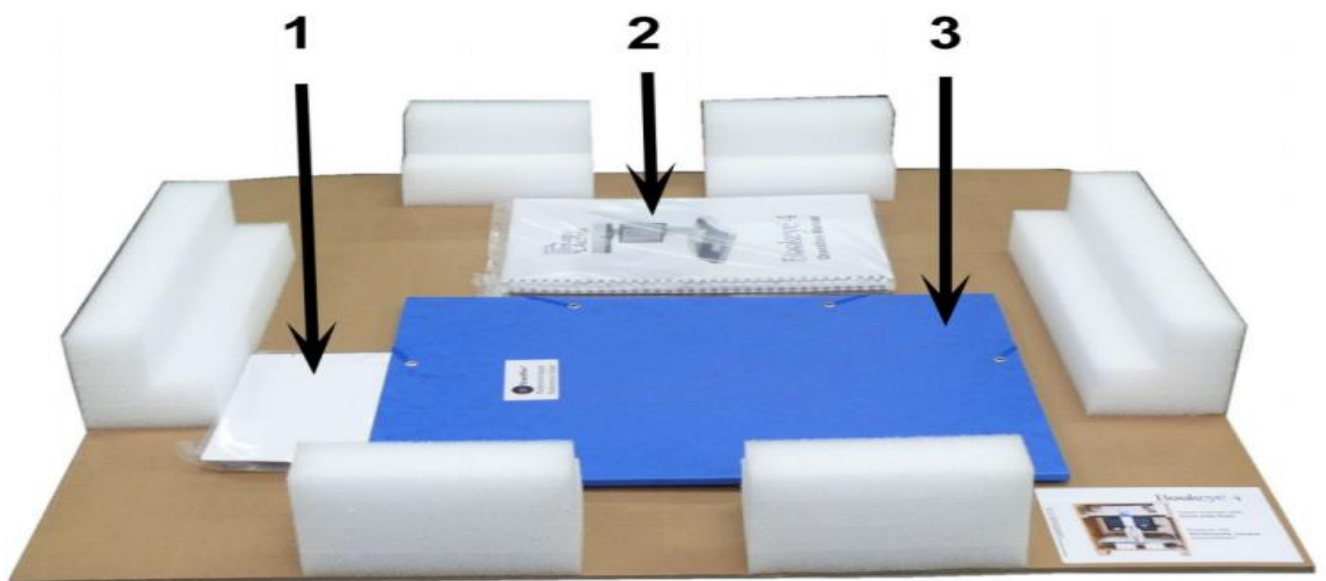
Hình 3: Nhựa bọt mát treo dưới đầu camera

- Từ đầu camera kéo tấm nhựa bọt mát xuống.
- Nhấc máy quét từ bìa card tông slide-in và đặt máy trên một mặt bàn vững chắc có khả năng chịu lực tốt.



Hình 4: Máy quét bên ngoài vỏ hộp vận chuyển

- Tháo bỏ túi nilong bọc máy.
- Màn hình TFT 19" được bảo vệ với một tấm nhựa xốp được giữ ở vị trí của hai dây đai. Mở fastener của dây đai và loại bỏ tấm nhựa xốp.
- Trên bìa card tông slide-in được đặt:
 1. Tấm thao chiếu để cân bằng trắng (White Reference targets) BE4-Z-V2-A.
 2. Sách hướng dẫn hoạt động.
 3. Các thư mục tham chiếu (gồm 4 tấm CSTT-2 reference targets)



Hình 5: Bìa card tông slide-in và các phụ kiện

B.1.3 Phiên bản Bookeye® 4 V3

- Máy quét được đóng gói và vận chuyển trong một hộp các tông .

- Máy quét cố định trong hộp vận chuyển bởi các yếu tố xốp nhựa đặc biệt .
- Hộp vận chuyển chứa máy quét, một hộp phụ kiện và mục tiêu tham chiếu cho mục đích căn chỉnh.
- Mở nắp hộp vận chuyển ở phía trên .



Hình 6: Máy Scan được đựng trong hộp các tông

- Trên đầu hộp vận chuyển là hộp phụ kiện có thể nhìn thấy. Nó chứa các phụ kiện và sách hướng dẫn.
- Hộp phụ kiện bao gồm:

- Bộ nguồn cung cấp bên ngoài và cable nguồn.
- Một bàn đạp chân.
- Key Recovery và hướng dẫn.
- Cable RJ 45 dài 3 mét.
- Dây cable điện cho màn hình bên ngoài.
- Hướng dẫn sử dụng.



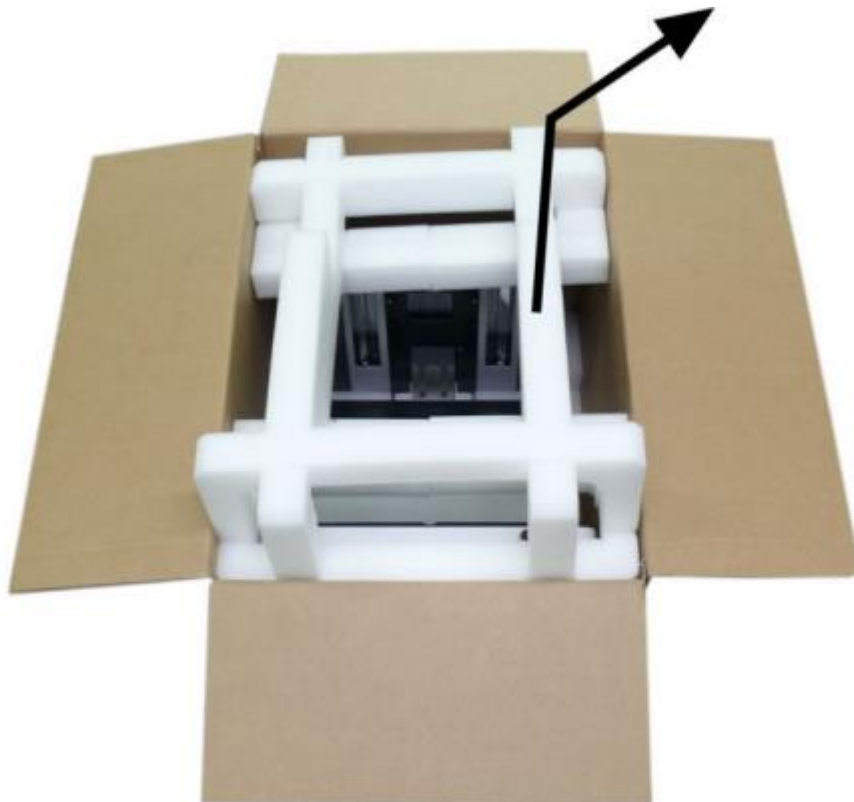
Hình 7: Nội dung trong hộp phụ kiện

B.1.4 Mở hộp vận chuyển

- Khi lấy hộp phụ kiện ra khỏi hộp vận chuyển các yếu tố xốp nhựa để giữ máy quét trong hộp vận chuyển có thể được gỡ bỏ.



Hình 8: Sốp bọt nhựa bao bọc xung quanh máy
- Kéo phần nhựa xốp như thể hiện trong Hình 9.

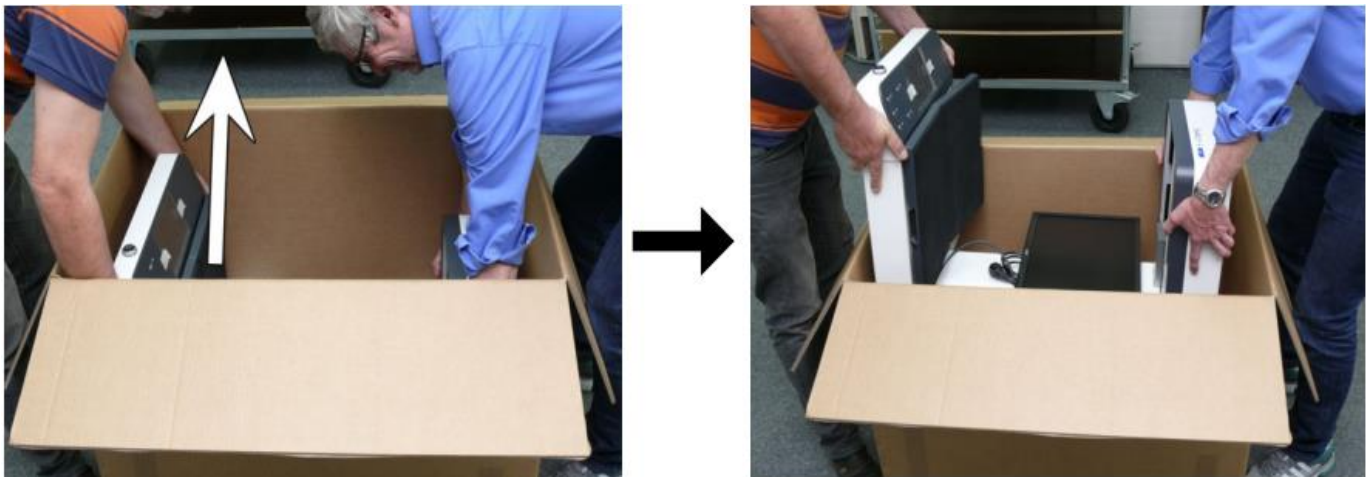


Hình 9: Loại bỏ các yếu tố nhựa xốp
- Bây giờ có thể thấy dễ dàng Máy quét ra - đóng gói trong giấy nilong bảo vệ.



Hình 10: Máy Scan trong túi bảo vệ

Quan trọng: Vì lý do an toàn và vì trọng lượng của máy quét các bước sau đây cần được thực hiện bởi hai người.



Hình 11: Nhấc máy quét a khỏi hộp vận chuyển

Ghi chú: Trong khi lấy máy quét cần nắm chặt vị trí để tay tránh đặt tay vào những nơi dễ hỏng hóc như đèn máy ảnh....

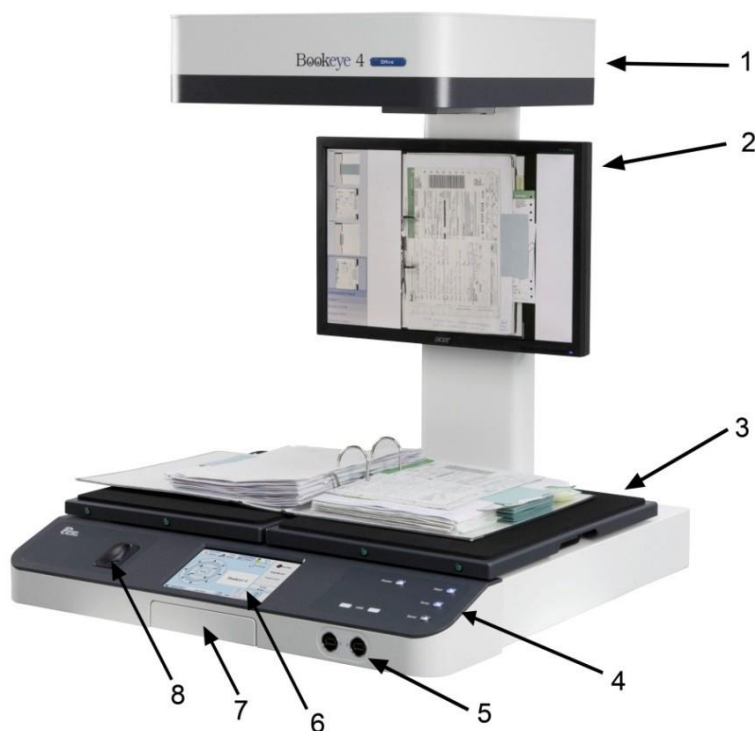
- Sau khi lấy máy quét ra đặt nó trên một bàn vững chắc.
- Tháo vỏ ngoài bảo vệ.



Hình 12: Máy quét đặt trên bàn và loại bỏ vỏ bọc
- ... Tháo bọt mat nhựa bảo vệ màn hình.

B.2 Tổng quan về thiết bị

Dành cho model: Bookeye® 4 V2 và V3 Bookeye® 4 . Sự khác biệt sẽ được ghi chú



Hình 13: Các yếu tố của Bookeye 4 V2

Một số thành phần chính của máy quét Bookeye® 4 đã được xác định trong hình trên.

- Các thành phần trên được chỉ rõ trong sách hướng dẫn hoạt động này.

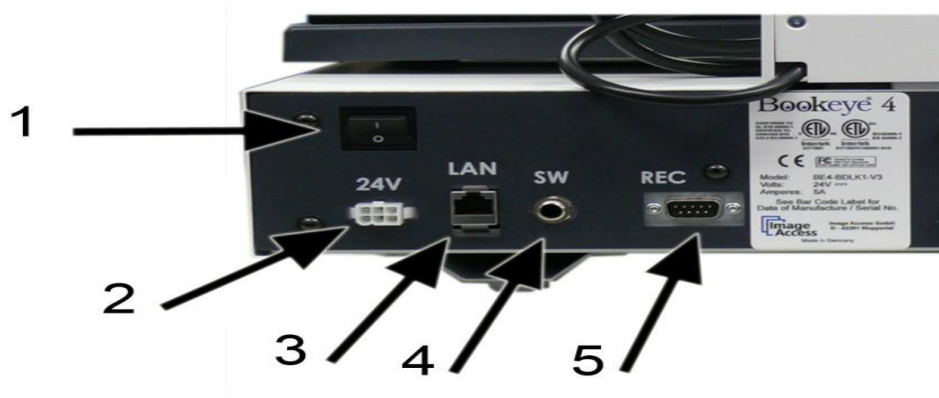
- Các yếu tố phần cứng chính của máy quét Bookeye® 4 là:

1. Đầu camera máy ảnh. Đầu máy chứa camera, Đèn laser ánh sáng màu đỏ, và bóng đèn.
2. Màn hình TFT 19". Hiển thị các hình ảnh quét. Tất cả những thay đổi của một hình ảnh, ví dụ như màu sắc chế độ hoặc kích thước quét sẽ được hiển thị ngay lập tức trên màn hình phẳng TFT.
3. Tấm Book cradle nội sách V-shaped. bề mặt hình chữ V. Có thể được cố định trong vị trí "V" hoặc nằm ở một vị trí bằng phẳng. Góc mở của các tấm bookcradle tại vị trí V-Position ở 120 độ.
4. Mặt trước. Trên bảng điều khiển phía trước, hai cổng USB (Bookeye® 4 V3 chỉ có một cổng USB) nút "Power", và các nút cho các hoạt động quét (Scan, Send) có thể được tìm thấy. Số lượng và chức năng của các nút phụ thuộc vào phiên bản máy quét.
5. Hai cổng USB (Bookeye® 4 V3 chỉ có một cổng USB) để kết nối thiết bị lưu trữ bên ngoài cho máy quét.
6. Màn hình cảm ứng 7 inch WVGA: Màn hình cảm ứng cung cấp quyền truy cập vào tất cả các chức năng trực tiếp từ máy quét.
7. giữ Pad. Một nơi để đặt một máy tính bảng iPad, Android hay điện thoại thông minh khi hoạt động máy quét bằng cách sử dụng ứng dụng quét Scan2Pad®. Chức năng này chỉ có ở model Bookeye® 4 V2 Kiosk.
8. Đầu đọc vân tay. Cho phép nhận dạng người dùng bằng dấu vân tay của họ. Chỉ có ở model Bookeye® 4 V2 Office.

B.2.1 Các cổng kết nối phía sau máy Scan

- Các kết nối tìm thấy ở phía sau của máy quét được mô tả trong hình sau đây và được mô tả dưới đây.

- Phía sau có một nắp nhựa. Trên bốn kết nối (# 2 đến # 5) có chữ dập nổi viết tắt giúp bạn tìm kết nối phù hợp.



Hình 14: Các cổng kết nối phía sau máy

1. Công tắc điện chính (bật, tắt).

2. Cổng nguồn điện DC in kết nối với Adapter 24V.

3. LAN: Kết nối Lan để truy cập vào các máy quét thông qua giao diện người dùng Scan2Net tích hợp và phần mềm BCS-2.

4. Kết nối bàn đạp chân.

5. Cổng nối tiếp cổng Com 9 chân/ cổng này là kết nối quan trọng cho việc (recovery) phục hồi lại chế độ ban đầu từ nhà máy.

B.3 Kết nối máy Scan tới nguồn điện

- Trước khi kết nối máy quét để cung cấp điện bên ngoài và các nguồn cung cấp điện vào ổ cắm điện, kiểm tra các mục sau đây :

- Đảm bảo nguồn điện đang trong tình trạng tốt và được nối đất.
- Đảm bảo ổ nguồn điện được trang bị cầu chì với công suất thích hợp.
- Các ổ cắm điện đặt gần máy quét để dễ dàng sử dụng.
- Kiểm tra các dây cáp điện và bảo đảm nó không bị hư hại
- Chỉ sử dụng cáp điện đi kèm với máy quét.
- Tắt máy trước khi cắm hoặc rút bất kỳ loại cáp.

- Các kết nối để cung cấp điện bên ngoài và chuyển đổi nguồn điện chính đều nằm ở bên phải phía sau của bàn để tài liệu.

- Sau khi nguồn điện được kết nối và bật công tắc, thì biểu tượng của nút nguồn "Power" sáng lên.

- Ánh sáng màu đỏ của nút "Power" là tín hiệu ở chế độ chờ

B.3.1 Khởi động Bookeye 4

- Nhấn nút nguồn "Power" ở bảng điều khiển phía trước để bắt đầu khởi động máy quét .



Nút nguồn

Hình 15: Bàn phím với nút Power

- Nút nguồn (Power) thay đổi sang màu xanh.

- Máy quét khởi động và tự kiểm tra, xác minh tất cả các thành phần hệ thống . thông điệp tình trạng sẽ được hiển thị trên màn hình phẳng TFT và trên màn hình cảm ứng màu WVGA .

- Vào cuối của chuỗi khởi động, màn hình cảm ứng hiển thị màn hình bắt đầu .

B.3.2 Chuyển mạch Bookeye 4 để chế độ chờ

QUAN TRỌNG : Luôn luôn sử dụng nút "Power" để khởi động máy quét ở chế độ chờ.

- Khi người dùng muốn tắt máy Scan: Bấm và giữ nút "Power" trong ít nhất ba giây . Trong khi nhấn nút, một "click" âm thanh sẽ phát ra tiếng Scan is Shutting down .

- Trong tiến trình đóng cửa màn hình phẳng TFT và màn hình cảm ứng hiển thị tên máy quét và phiên bản

- Trình tự tắt điện sẽ mất một vài giây .

- Cuối cùng màn hình phẳng TFT và màn hình cảm ứng tắt và nút "Power" sẽ được chuyển sang chế độ chờ màu đỏ .

B.4 Xác định phiên bản máy Scan Bookeye

- Máy quét Bookeye®4 có bốn phiên bản khác nhau về phạm vi chức năng:
 - **Basic**
 - **Kiosk**
 - **Office**
 - **Profesinal**
- Nhãn phiên bản máy quét được gắn ở phần đầu máy ảnh bên cạnh logo Bookeye®4



Hình 7: Nhận dạng phiên bản, ví dụ phiên bản Kiosk

- Tất cả các phiên bản máy quét đều có một màn hình cảm ứng màu 7 " WVGA ở giữa bảng điều khiển phía trước để điều khiển các chức năng quét . Phiên bản Bookeye® 4 V2 có bốn nút start màu xanh ở mặt trước của tấm bookcradle và hai cổng USB.



Hình 8 : Bảng điều khiển và Book cradel với các nút điều khiển

- Các phiên bản máy quét khác nhau ở bàn phím và các thiết bị phần cứng

B.4.1 Phiên bản Bookeye®4 V2 Basic

- Phiên bản Bookeye®4 Basic bàn phím được trang bị hai nút (Xem hình 8)
- **Power:** Nhấn nút "Power" để khởi động máy quét từ chế độ chờ. Bấm và giữ nút "**Power**" trong ít nhất ba giây để bật máy quét ở chế độ chờ.

- **Scan:** Trong khi máy quét đang chạy và nút nhấp nháy màu xanh, nhấn nút để bắt đầu một chuỗi quét.

B.4.2 Phiên bản Bookeye®4 V2 Kiosk

- Phiên bản Bookeye®4 Kiosk bàn phím được trang bị hai nút.

- **Power:** Nhấn nút "Power" để khởi động máy quét từ chế độ chờ. Bấm và giữ nút "Power" trong ít nhất ba giây để bật máy quét ở chế độ chờ.

- **Scan:** Trong khi máy quét đang chạy và nút nhấp nháy màu xanh, nhấn nút để bắt đầu một chuỗi quét.

- Ngoài ra phiên bản Bookeye®4 Kiosk được trang bị với một chỗ để giữ pad và một mô-đun WLAN nội bộ.

- Tại khung giữ pad cung cấp một nơi an toàn cho iPad, một máy tính bảng Android hoặc điện thoại thông minh khi điều khiển máy quét bằng cách sử dụng ứng dụng Scan2Pad.



Hình 9: Phiên bản Kiosk

B.4.3 Phiên bản Bookeye®4 V2 Office

- Phiên bản Bookeye®4 Office bàn phím được trang bị với bốn nút bấm và một máy quét dấu vân tay từ màn hình cảm ứng



Hình 10: Phiên bản Office

Power:

- Nhấn nút "Power" để khởi động máy quét từ chế độ stand-by.
- Bấm và giữ nút "Power" trong ít nhất ba giây để bật máy quét ở chế độ chờ.
- Sau khi khởi động máy quét từ chế độ chờ, màn hình cảm ứng cho thấy màn hình hiển thị.
- Nút "Start" nhấp nháy màu xanh.

Start

- Nhấn nút Start để kích hoạt menu xác thực.
- Các nút "Start", "Send", "Scan" được chiếu sáng màu đỏ trong khi đơn xác thực được hiển thị.
- Người dùng muốn vận hành máy quét phải chứng thực ngón tay vào đầu đọc vân tay hoặc bằng cách chọn tên người dùng và nhập vào mật khẩu trong menu ở màn hình cảm ứng.
- Sau khi xác thực thành công, nút "Start" sẽ sáng màu xanh.



Hình 9: Đầu đọc vân tay để xác thực người sử dụng

Scan

- Sau khi xác thực thành công, nút "Scan" nhấp nháy màu xanh.
- Nhấn vào nút "Scan" để bắt đầu một chuỗi quét. Trong khi quét, các nút "Send", "Start", "Scan" ánh sáng màu đỏ.
- Vào cuối của chuỗi quét màn hình TFT hiển thị hình ảnh, màn hình cảm ứng cho thấy trình đơn ứng dụng và nút "Scan" nhấp nháy màu xanh.
- Để quét thêm nhấn nút "Scan".

Send

- Nhấn vào nút "Send" để truyền hình ảnh tới các mục tiêu được xác định trước.
- Các mục tiêu transfer được xác định khi người sử dụng tạo.
- Trong khi chuyển dữ liệu nút "Scan" sáng màu xanh và nút "Send" nhấp nháy màu xanh.
- Sau khi chuyển hình ảnh màn hình cảm ứng hiển thị một thông báo trạng thái. Người dùng có thể lựa chọn bằng cách khai thác liệu:
 - Công việc quét kết thúc và hình ảnh được chọn để xóa khỏi bộ nhớ cache, hoặc là
 - Tiếp tục công việc quét và lưu giữ hình ảnh quét trước đó.
- Nếu công việc quét xong trở về màn hình TFT màn hình bắt đầu và màn hình cảm ứng cho thấy trình đơn ứng dụng.

- Nút "Start" nhấp nháy màu xanh sau khi kết thúc công việc quét.

B.4.4 Phiên bản Bookeye®4 V2 Professional

- Phiên bản Bookeye®4 Profesional bàn phím được trang bị hai nút.

- Khác với các phiên bản "Basic", "Kiosk" và phiên bản "Office", độ phân giải quét của Bookeye®4 Professional là 600 dpi, so với 400 dpi của các phiên bản khác.

Power

- Nhấn nút "Power" để khởi động máy quét từ chế độ stand-by.

- Bấm và giữ nút "Power" trong ít nhất ba giây để bật máy quét để chế độ chờ.

Scan

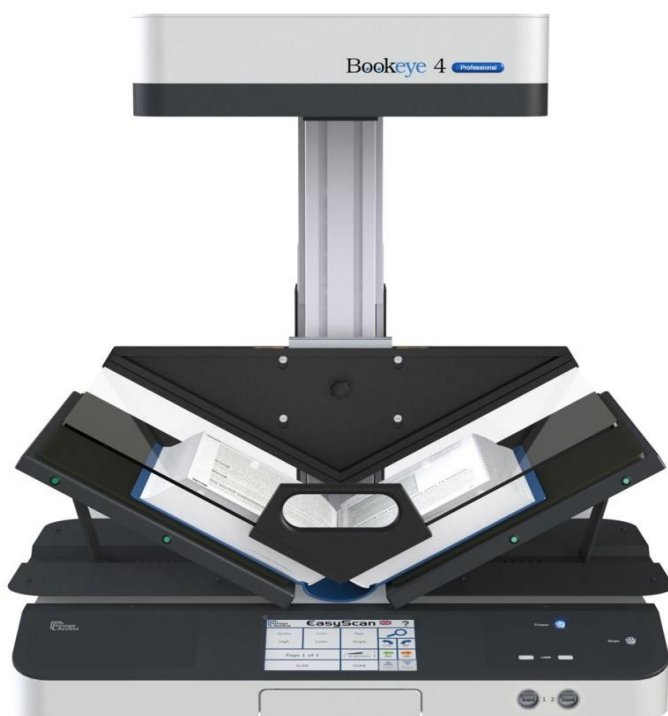
- Trong khi máy quét đang chạy và nút nhấp nháy màu xanh, nhấn nút để bắt đầu một chuỗi quét.

- Việc áp dụng Bookeye®4 Profesional chủ yếu ở những dự án số hóa kết hợp với phần mềm chụp hiệu suất cao.

- Trong những dự án máy quét được điều khiển bởi phần mềm chụp BCS-2 và ít sử dụng các nút trong bảng điều khiển phía trước.

B.4.5 Phiên bản Bookeye®4 V2 Professional Archive (Lưu trữ)

- Phiên bản Bookeye® 4 V2 Professional Archive được trang bị với một tấm kính hình chữ V thay vì màn hình màn hình phẳng TFT 19 inch.



Hình 12: Bookeye® 4 V 2Professional Archive

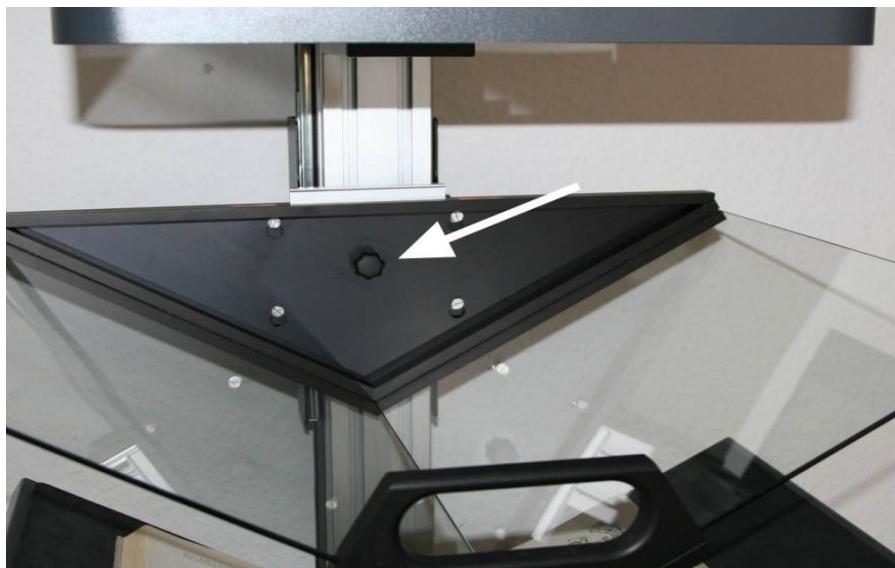
- Tấm kính hình chữ V được trang bị với một trọng lượng cân bằng ở phía sau của nó . Do đó chỉ cần một lực kéo, đẩy nhẹ để di chuyển tấm kính V lên, xuống.

- Tấm kính hình chữ V cải thiện kết quả trong khi quét tài liệu với tấm Book cradle đặt ở vị trí V .

- Nếu tài liệu nên được quét với tấm Book cradle ở vị trí bằng phẳng , tấm kính hình chữ V có thể tạm thời tháo rời và cất giữ.

B.4.5.1 Tháo và bảo quản tấm kính hình chữ V

- Tấm kính hình chữ V được giữ tại trục với bốn ốc vít có rãnh lớn và được cố định với vít vặn. Vít vặn được định vị ở giữa giữa bốn vít có rãnh (xem Hình 13).
- Ban đầu tháo vít vặn ở giữa trục tâm kính hình chữ V.



Hình 13: Vít vặn ở vị trí giữa
Tiếp theo, nhắc tấm kính từ các ốc vít có rãnh



Picture 14: Nhấc tấm kính

Quan trọng: Luôn giữ tấm kính hình chữ V với cả hai tay vì trọng lượng cao!

Lưu ý : Đôi khi nó được khuyến khích để nói lỏng các ốc vít có rãnh một chút. Điều này làm giảm lực cần thiết khi nâng tấm kính .

B.4.5.2 Đặt tấm kính hình chữ V trục giữa.

Quan trọng: Luôn giữ tấm kính hình chữ V với cả hai tay vì trọng lượng cao! Kiểm tra bốn vít có rãnh cho khoảng cách chính xác giữa các trục và vít đầu.

- Nếu khoảng cách là quá nhỏ, xoay vít một chút ngược chiều kim đồng hồ để tăng khoảng cách .
- Vít vặn phải được tháo rời trước khi đặt tấm kính hình chữ V ở trục giữa.

- Vị trí tấm kính hình chữ V trong bốn ốc vít có rãnh và chèn nó từ phía trên.



Hình 15: Chèn tấm kính hình chữ V

- Vặn chặt bốn ốc vít có rãnh và cuối cùng là đảm bảo các tấm kính hình chữ V với vít vặn ở giữa.

B.4.6 Phiên bản Bookeye®4 V3

- Phiên bản Bookeye® 4 V3 khác với Bookeye® 4 V2 trong các chi tiết sau đây :
 - Kích thước cơ khí nhỏ.
 - Kích thước của khu vực quét tối đa là nhỏ hơn các phiên bản khác.
 - Chỉ có một cổng USB ở mặt trước.
 - Không có nút Start ở mặt trước của tấm Book cradle.



Hình 16 : Bookeye® 4 V3 , Book cradle ở vị trí " V " và đóng.

- Hai phiên bản của Bookeye® 4 V3 giống nhau trong các chi tiết kỹ thuật và trong hệ thống quang học; chúng chỉ khác nhau về số lượng các phụ kiện và thiết bị phần mềm.

B.5 Bookcradle (Nôi sách)

- Máy quét Bookeye® 4 được trang bị với một cái nôi sách (book cradel). Các tấm bookcradel (nôi sách) có thể được đặt ở các vị trí khác nhau.



Hình 17 : Book cradle phẳng và đóng cửa

- Các tấm của book cradle có thể được kéo sang trái hoặc phải theo chiều ngang từ mỗi bên khác nhau. Điều này cho phép đặt tài liệu với một gáy sách lớn ở một vị trí có lợi hơn cho gáy cuốn sách .
- Khoảng cách tối đa giữa hai tấm book cradle là 85 mm (3,3 inch) .



Hình 18 : Book cradle ở vị trí " V " và mở

- Hai tấm cũng có thể được thiết lập ở vị trí " V ", với góc mở 120 độ . Điều này được khuyến khích để quét những tài liệu cũ . Các tấm được giữ đúng vị trí bằng một chân trụ ở mỗi bên .

B.5.1 Nút khởi động bổ xung

- Bookeye® 4 V2 là phiên bản duy nhất có thêm nút khởi động bổ xung.
- Để dễ dàng quét khi tay đang nắm giữ các tài liệu trong vị trí bằng phẳng, mỗi tấm nôi book cradle được trang bị hai nút Start ở phía trước



Hình 19 : Nút Start ở mặt trước tấm book cradle

- Khi vận hành máy quét của màn hình cảm ứng WVGA hoặc bởi một ứng dụng bên ngoài , trình tự Scan có thể được bắt đầu bằng cách bấm một trong bốn nút start màu xanh lá cây .

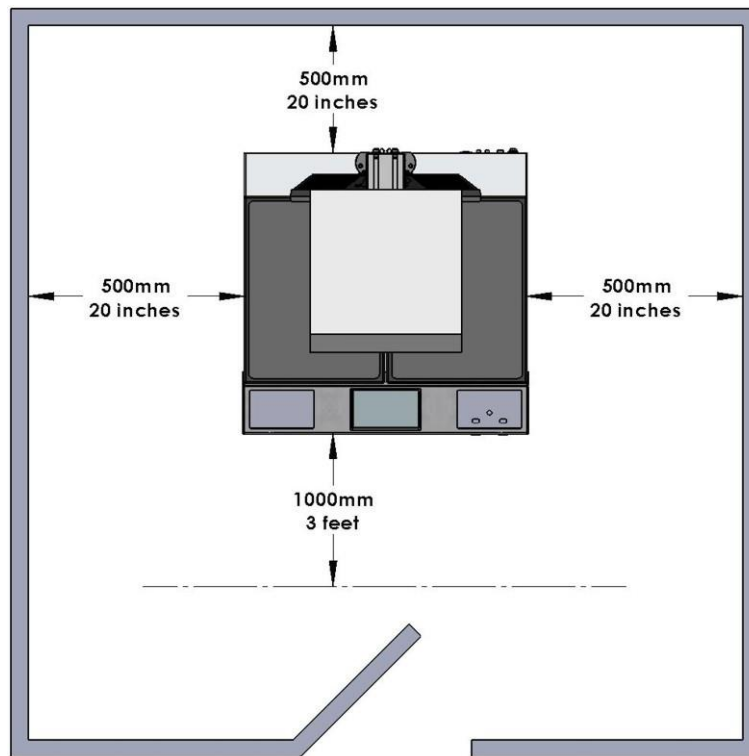
B.6 Vị trí đặt máy Scan

B.6.1 Môi trường xung quanh.

- Chọn một vị trí đặt phù hợp với các thông số kỹ thuật về nhiệt độ và độ ẩm. Để biết thông tin chi tiết về các thông số kỹ thuật, xem các chương G.4.

Lời khuyên của nhà sản xuất:

- Một khoảng cách tối thiểu là 500 mm (20 inch) từ bất kỳ bức tường bên,
- Một khoảng cách tối thiểu là 500 mm (20 inch) từ một bức tường phía sau,
- Một khoảng cách tối thiểu là 1 mét (3 feet) từ cửa đến máy quét.



Hình 20: Khoảng cách tối thiểu giữa máy quét và tường

- Không vận hành máy quét trong một khu vực có không khí lưu thông kém, hoặc thông gió kém.

- Đặt máy quét Bookeye® 4 trên cơ sở bằng phẳng và vững chắc. Khả năng chịu tải của các bàn đặt máy quét phải phù hợp với trọng lượng thiết bị.

- Kích thước của bàn đặt máy phải phù hợp với không gian sàn theo yêu cầu của máy quét.

Xin lưu ý : Trước khi sử dụng các máy quét Bookeye® 4 trong môi trường mới nên để máy yên tĩnh không sử dụng ít nhất một giờ để thích ứng nhiệt độ.

- "Nhiệt độ không thích nghi " có nghĩa là gì ?

- Một sự thay đổi nhanh chóng từ môi trường lạnh đến môi trường ấm có thể gây nên sự ngưng tụ bên trong máy. Điều này sẽ dẫn đến hình ảnh quét bất lợi và có thể gây thiệt hại vĩnh viễn cho các thiết bị đầu máy quét.

B.6.2 Ánh sáng môi trường xung quanh.

- Vị trí đặt máy quét Bookeye® 4 nên có ánh sáng môi trường xung quanh kiểm soát. Nên tránh ánh sáng mặt trời hoặc ánh sáng tại chỗ từ tia sáng như đèn chiếu trực tiếp vào máy quét.

- Ngoài ra nguồn sáng gây bóng sắc nét trên các tài liệu trên những nôi sách (book cradle) hoặc mức độ cao của ánh sáng xung quanh có thể ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả quét.

- Máy quét Bookeye® 4 là một hệ thống mở với một nguồn ánh sáng chất lượng cao được xây dựng bên trong đầu máy quét. Hệ thống mở có nghĩa là ánh sáng môi trường xung quanh được thêm vào ánh sáng nhìn thấy của máy ảnh.
- Vị trí đề nghị đặt máy quét Bookeye® 4:
 - Vị trí không tiếp xúc với ánh sáng ban ngày.
 - Không đặt máy trực tiếp bên dưới bị chiếu thẳng bởi đèn huỳnh quang với chấn lưu điện tử. Nếu cường độ của ánh sáng đèn huỳnh quang này trở nên quá cao, các đường sọc dọc khoảng cách thậm chí khoảng 8-12 điểm ảnh sẽ được hiển thị trên bản quét.
 - Ánh sáng mặt trời cũng có thể gây ra bóng riêng biệt trên bản quét.
 - Chùm ánh sáng từ đèn sân khấu cũng sẽ gây bóng riêng biệt. Trong hầu hết các trường hợp, chúng phát ra một mức độ cao của ánh sáng hồng ngoại. Tia hồng ngoại là không thể nhìn thấy bằng mắt thường nhưng với máy ảnh. Nguồn ánh sáng của máy quét Bookeye® 4 chính nó không có nội dung hồng ngoại ở tất cả, điều đó có nghĩa rằng máy không có một chất lượng hình ảnh bộ lọc hồng ngoại suy thoái. Quá nhiều nội dung hồng ngoại sẽ dẫn đến tiếp xúc quá.
 - Máy quét Bookeye® 4 có tích hợp chức năng "White Balance". Chức năng này sẽ bù đắp những ảnh hưởng ánh sáng môi trường xung quanh. Căn chỉnh lại "White Balance" được khuyến cáo khi kịch bản ánh sáng đã thay đổi.

B.7. Bảo trì

Quan trọng: Đảm bảo rằng không có chất lỏng sẽ thâm nhập vào vỏ thiết bị.

B.7.1. Màn hình cảm ứng

- Màn hình cảm ứng nên được làm sạch bằng một miếng vải sợi nhỏ.
- Trước khi lau chùi màn hình cảm ứng, Nên tắt máy quét Bookeye® 4 và đặt công tắc điện chính ở vị trí 0.

B.7.2. Bề mặt

- Dùng miếng vải mềm, miếng vải được làm ẩm để làm sạch bề mặt của máy quét. Đề xuất là một miếng vải sợi nhỏ

B.7.3. Cái nôi sách (Book cradle)

Quan trọng: Thảm cao su trên những cái nôi sách chỉ có thể được làm sạch khô! Sử dụng một máy hút bụi để làm sạch thảm khỏi bụi bẩn và các hạt bụi.

B.8. Sửa chữa

- **Xin lưu ý :** Người sử dụng không được sửa chữa bất kỳ bộ phận hoặc các thành phần của máy quét Bookeye® 4.
- Tất cả sửa chữa và dịch vụ nên được thực hiện bởi chỉ một kỹ thuật viên được đào tạo.

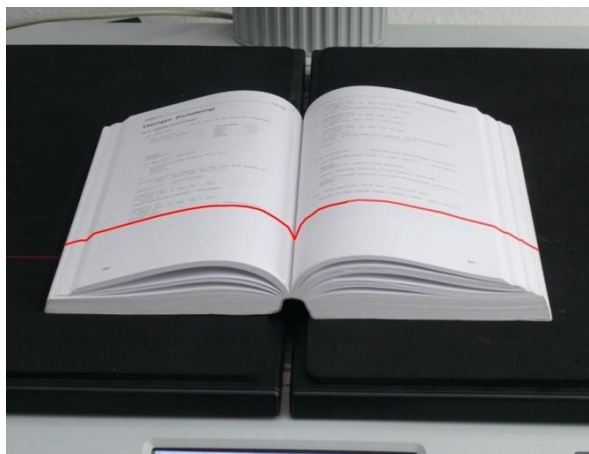
C Các chức năng đặc biệt

C.1. Chức năng Finger Removal (Chức năng loại bỏ viền tài liệu)

C.1.1. Chức vụ của tài liệu

- Máy quét Bookeye® 4 cung cấp một chức năng hữu ích trong đó phát hiện ngón tay ở lề sách và loại bỏ chúng khỏi hình ảnh. Đây là chức năng " Finger Removal ".
- Các yêu cầu để hiểu sau đây phải được đáp ứng để vận hành máy quét bằng cách sử dụng chức năng " Finger Removal " đúng cách:
 - Cái nôi sách (book cradle) có thể được thiết lập ở vị trí " V " hoặc vị trí bằng phẳng.

- Đặt cuốn sách như thể hiện trong Hình 21 hoặc Picture 22 trên cái nôi sách (book cradel).



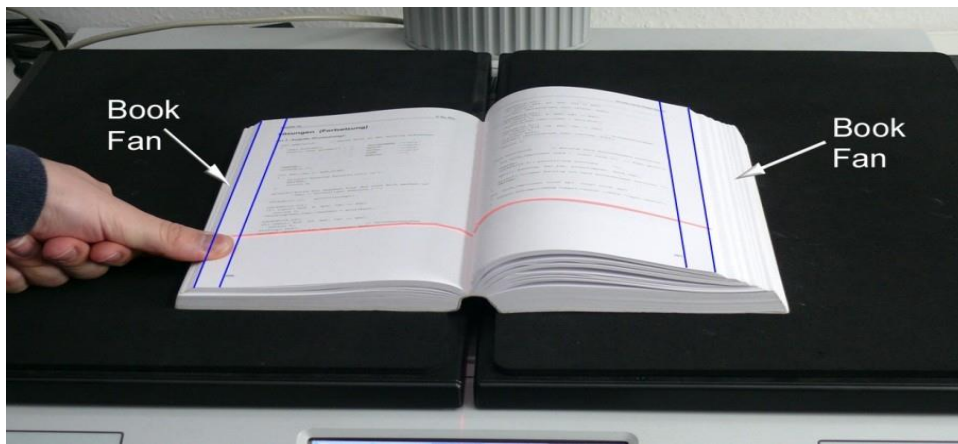
- Hình 21 : Sách tại (book cradel) cái nôi sách ở vị trí bằng phẳng
- Hãy để một khoảng cách nhỏ giữa phía dưới cùng của cuốn sách và lề dưới của cái nôi sách (book cradle).



- Hình 22 : Sách tại book cradle cuốn sách mở ra ở vị trí " V "
- Khoảng cách phụ thuộc vào độ dày của cuốn sách. Khoảng cách nên có ít nhất một nửa độ dày của cuốn sách.
 - Căn song song cuốn sách vào dòng laser đỏ ngang.
 - Đặt cuốn sách ràng buộc tại điểm thấp nhất trong book cradle , mở ra ở vị trí " V "

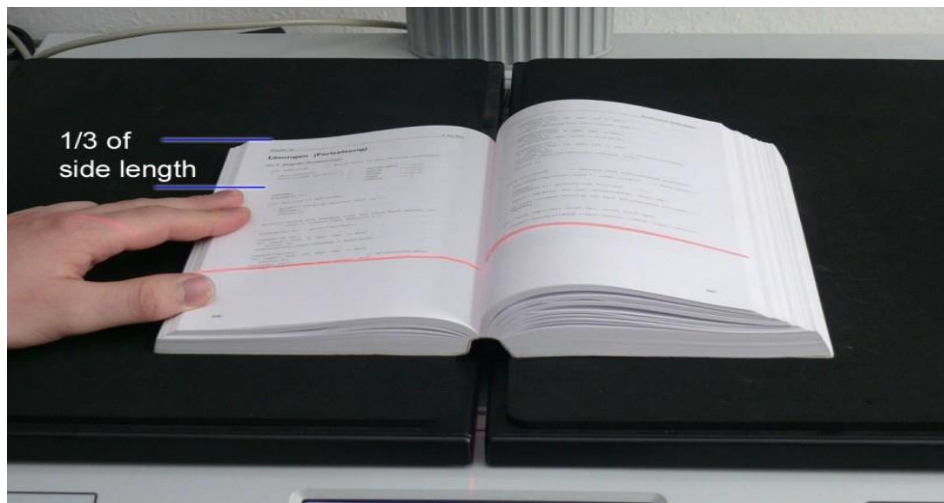
C.1.2. Vị trí ngón tay

- Một tiêu chí quan trọng cho một chức năng phù hợp của hàm "Finger Removal " là vị trí của các ngón tay giữ cuốn sách trong một vị trí bằng phẳng .
- Các ngón tay phải được định vị trong một khu vực dọc tối đa 1 inch chiều rộng = 25 mm đo từ mép cuốn sách (book fan) ở mỗi bên của cuốn sách.



Hình 23 : Vị trí để ngón tay đứng

- Hình 23 cho thấy các khu vực đọc đánh dấu với dòng màu xanh ở phía bên trái và bên phải của cuốn sách.
- Các khu vực mép cuốn sách (book fan) về mỗi bên cũng được đánh dấu .
- Các ngón tay phải được định vị với một khoảng cách ít nhất một phần ba chiều dài mặt cuốn sách từ góc trên bên trái của cuốn sách .



Hình 24: Khoảng cách thẳng đứng tối thiểu

- Cũng có thể giữ cuốn sách ở cả hai bên với một hoặc nhiều ngón tay nếu các tiêu chí mô tả ở trên được lưu giữ.

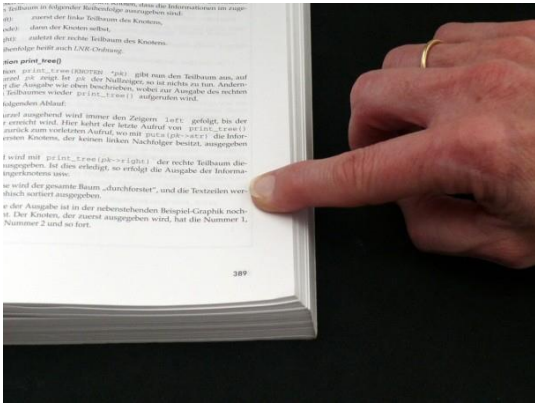
C.1.3. Vị trí Finger sai

- Một số vị trí ngón tay có thể gây ra sự cố của chức năng "Finger removal" . Các chương sau đây cho thấy một vài ví dụ về vị trí ngón tay sai và đúng .

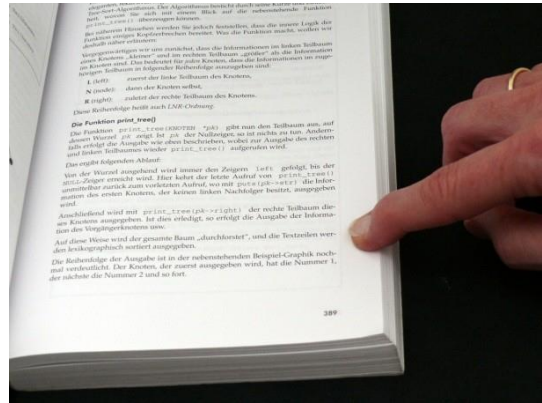
C.1.3.1. Khoảng cách quá nhỏ

- Các ngón tay phải được bố trí với khoảng cách đến các văn bản hoặc các yếu tố đồ họa trong tài liệu.
- Nếu khoảng cách là quá nhỏ, chức năng "Finger Removal" có thể không loại bỏ các ngón tay từ hình ảnh hoặc các yếu tố (ví dụ một phần của văn bản) sẽ được loại bỏ cùng với các ngón tay.

Sai



Đúng

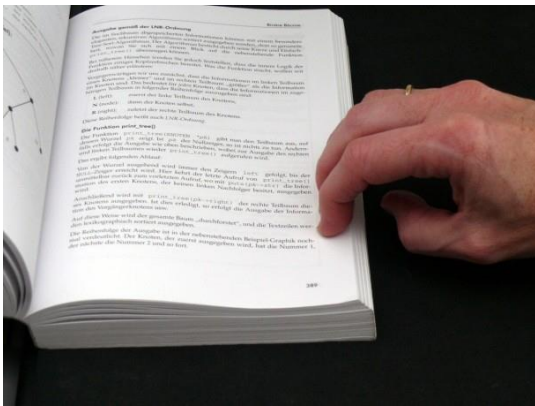


- Tãng khoảng cách giữa các ngón tay và văn bản hoặc hình ảnh

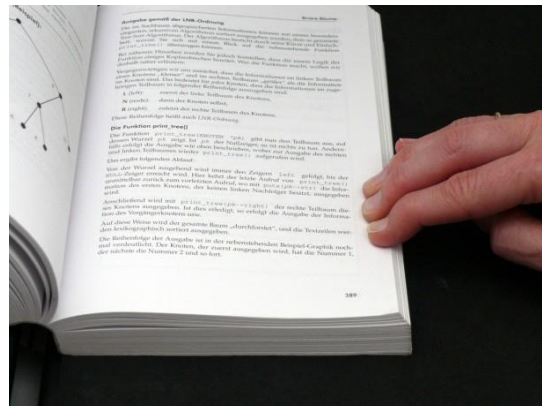
C.1.3.2. Vị trí ngón tay quá dốc

- Khi tằm book cradle (nôi sách) được thiết lập lại vị trí " V ", các loại đèn có thể tạo ra bóng tối xung quanh ngón tay nếu chúng tổ chức quá dốc.

Sai



Đúng

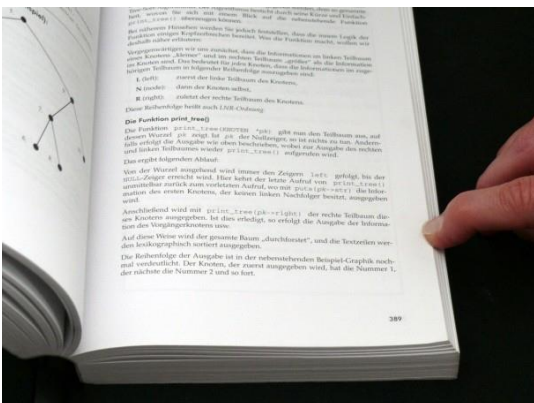


- Luôn đặt các ngón tay bằng phẳng trên các cạnh của tài liệu.

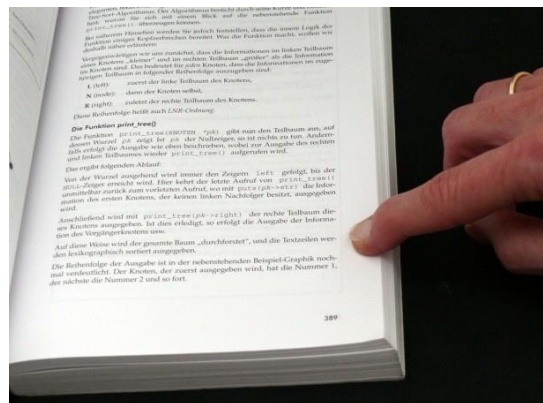
C.1.3.3. Ngón tay giữ quá gần với mép tài liệu

- Khi những ngón tay đang giữ quá gần lề của tài liệu, chúng sẽ không được gỡ bỏ qua chức năng " Finger diệt " .

Sai



Đúng



- Di chuyên ngón tay theo từng bước nhỏ từ mép của tài liệu để các bên và lặp lại

C.1.4. Ví dụ về Finger Removal

- Một số ví dụ trong các chương sau đây cho thấy chức năng "Finger Removal".

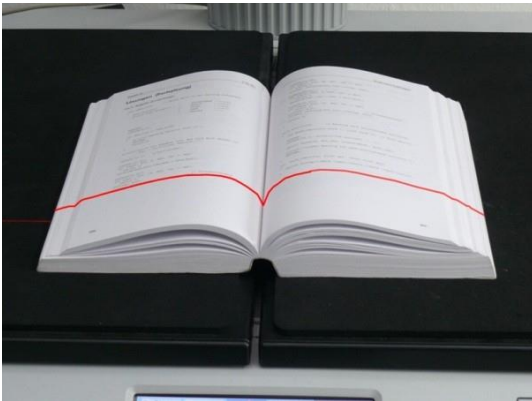
Finger Removal có sẵn trong tất cả các chế độ tài liệu Book mode (xem chương D.3.2.1 .) .

- Một yêu cầu là máy in được thiết lập để Book Mode trong ứng dụng ScanWizard hoặc trong các ứng dụng Scan2Net kiosk (xem chương D.3.2.1 và D.3.2.1.3) .

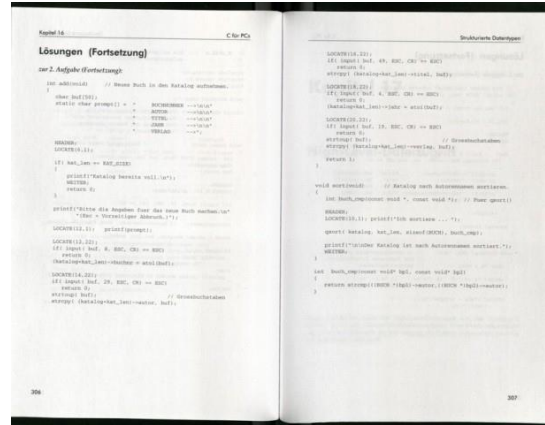
C.1.4.1. Sách đặt ở Book cradle (Nôi sách)

Book Mode, Finger Removal Mode: Book Fan

Vị trí cuốn sách



Kết quả scan



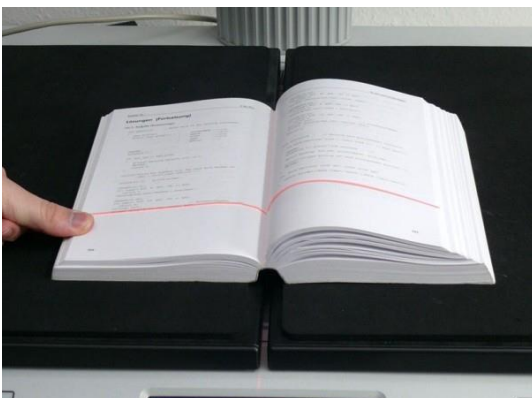
- Các thiết lập "Finger Removal Mode: Book Fan" cắt giảm đi những mép quạt của cuốn sách bên trái và bên phải của hình ảnh kết quả và flattens độ cong của cuốn sách ràng buộc.

C.1.4.2. Một ngón tay giữ cuốn sách (Singer finger holds the book)

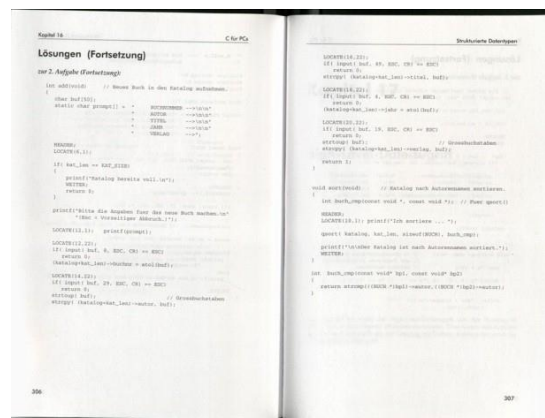
Book Mode, Finger Removal Mode: On, Finger Removal Color: Auto

Lưu ý: Finger Removal Color được sử dụng trong giao diện ScanWizard.

Sách và vị trí một ngón tay



Kết quả Scan



- Thiết lập này điều chỉnh lại ảnh kết quả với các thiết lập trước đó .

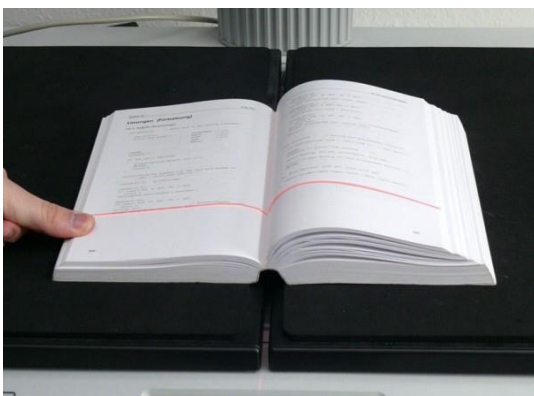
- Ngoài ra các đường viền ngón tay sẽ được phát hiện . Nó được loại bỏ trong hình ảnh và các khu vực đường viền ngón tay được lấp đầy với một mô hình hoặc màu sắc .

- Màu sắc lấp được tự động lấy từ các khu vực trên và dưới đường viền ngón tay .

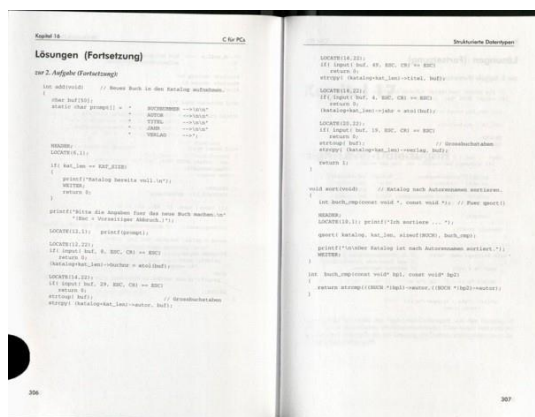
Book Mode, Finger Removal Mode: On, Finger Removal Color: Black

Lưu ý: Finger Removal Color được sử dụng trong giao diện ScanWizard.

Sách và vị trí một ngón tay



Kết quả Scan



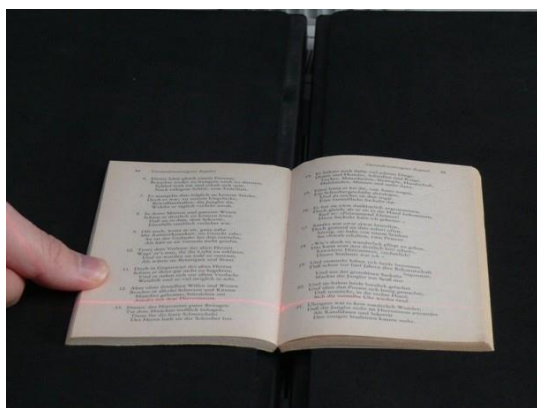
- Kết quả Scan cho thấy tại khu vực nơi đường viền ngón tay đã được phát hiện. Khu vực phát hiện đã được tô màu đen không lồ.

Cuốn sách nhỏ giữ phẳng bằng ngón tay

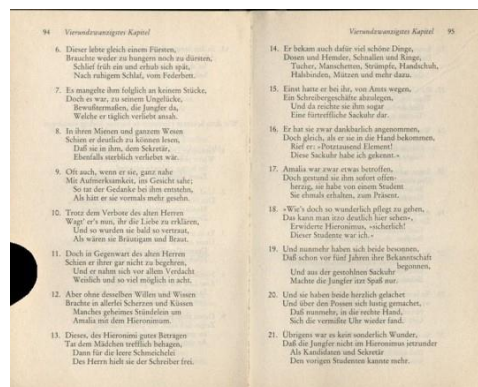
Book Mode, Finger Removal Mode: On, Finger Removal Color: Black

Lưu ý: Finger Removal Color được sử dụng trong giao diện ScanWizard. Chế độ "Finger Removal" làm việc đúng với sách của các kích thước khác nhau.

Sách và vị trí một ngón tay



Kết quả Scan



- Kết quả scan cho thấy vị trí đặt ngón tay đã bị phát hiện đầy màu đen không lồ

Vị trí cuốn sách trên cái nôi:



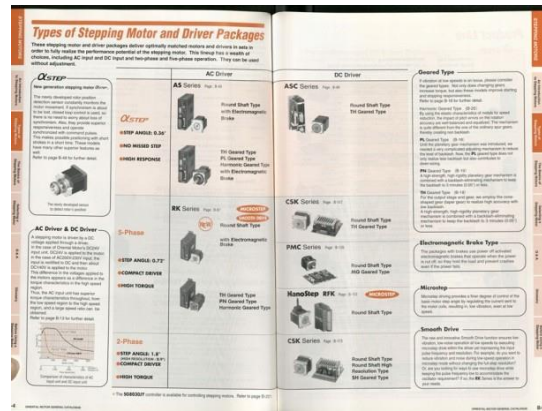
Cuốn sách lớn (ví dụ danh mục) giữ phẳng bằng ngón tay

Book Mode, Finger Removal Mode: On, Finger Removal Color: Auto
Lưu ý: Finger Removal Color được sử dụng trong giao diện ScanWizard.

Sách và vị trí đặt ngón tay



Kết quả Scan

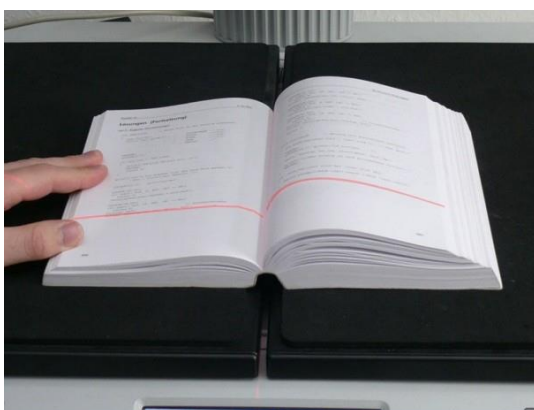


- Mép quạt cuốn sách đã được loại bỏ và các vùng màu đen xung quanh được giảm đến mức tối thiểu. Kết quả scan cho thấy ở góc dưới bên trái một phần của ngón tay.
- Lý do là các thuật toán phân tích phát hiện ở biên giới trái của một khu vực hình ảnh của mô hình hỗn hợp và màu sắc. Trong trường hợp này, nó là đăng ký của mục catalogue.
- Ngón tay ở cạnh dưới bên trái đã được giải thích như là một phần của việc đăng ký. Vì lý do này việc loại bỏ ngón tay đã không được thực thi..

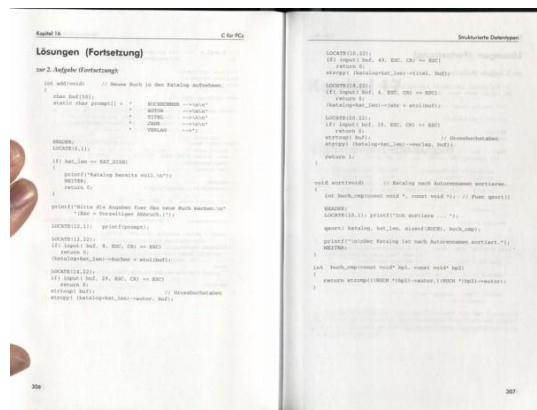
C.1.4.3. Nhiều ngón tay giữ cuốn sách

Book Mode, Finger Removal Mode: Book Fan

Sách và vị trí đặt nhiều ngón tay



Kết quả Scan



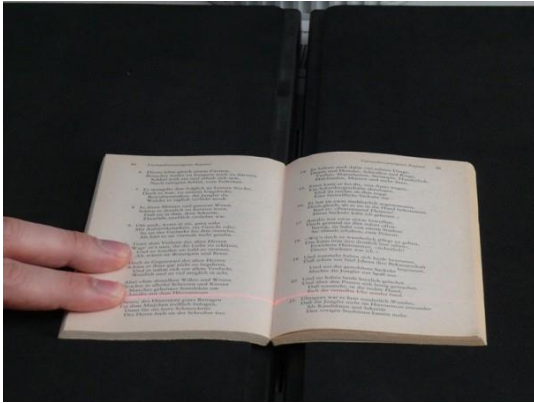
Cuốn sách nhỏ giữ phẳng bằng nhiều ngón tay

Book Mode, Finger Removal Mode: On, Finger Removal Color: Auto

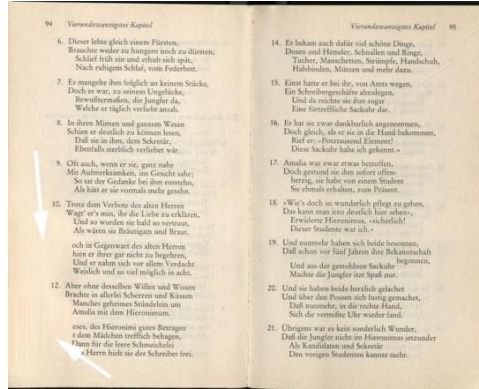
Lưu ý: Finger Removal Color được sử dụng trong giao diện ScanWizard.

- Nếu các phần của nội dung của cuốn sách được bao phủ bởi một ngón tay hoặc nhiều ngón tay, chức năng xoá phát hiện các đường viền và lấp đầy các khu vực với tùy chọn Fill.

Sách và vị trí đặt nhiều ngón tay



Kết quả Scan

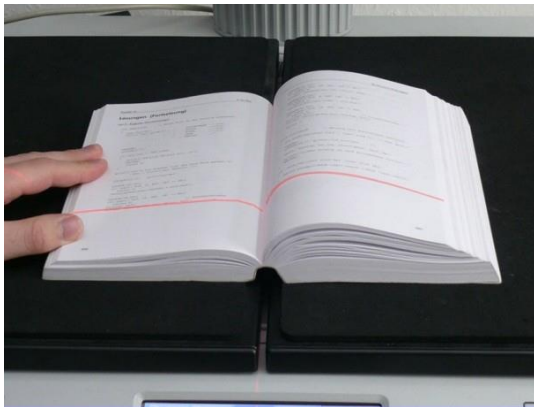


- Các mũi tên màu trắng trong hình ảnh kết quả scan đánh dấu khu vực nơi mà các đường viền ngón tay đã được lấp đầy với màu sắc tự động xác định.

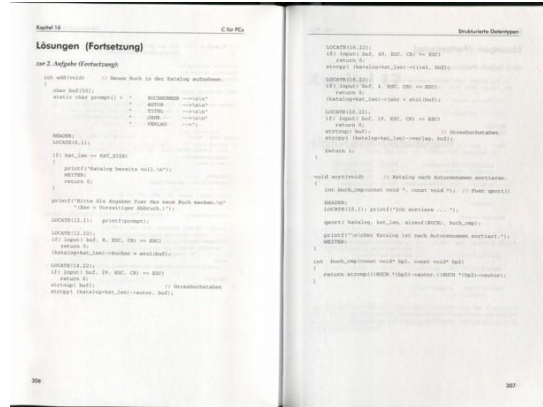
Book Mode, Finger Removal Mode: On, Finger Removal Color: Auto

Lưu ý: Finger Removal Color được sử dụng trong giao diện ScanWizard.

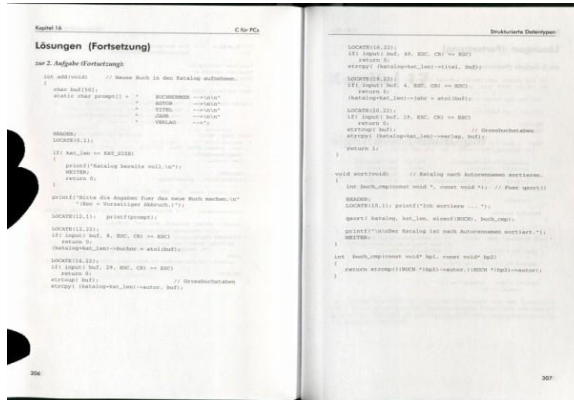
Sách và vị trí đặt nhiều ngón tay



Kết quả Scan



- Vị trí của ba ngón tay đã được phát hiện .
- Các ngón tay tại đường viền được loại bỏ trong ảnh kết quả scan và được làm đầy với một mô hình hoặc màu sắc .
- Nếu **Finger removal color** được thiết lập **Auto** màu sắc này hoặc mô hình được tự động lấy từ khu vực trên và dưới đường viền ngón tay.
- Khi đường viền ngón tay được phát hiện với màu đen không rõ , kết quả sẽ như thế này.

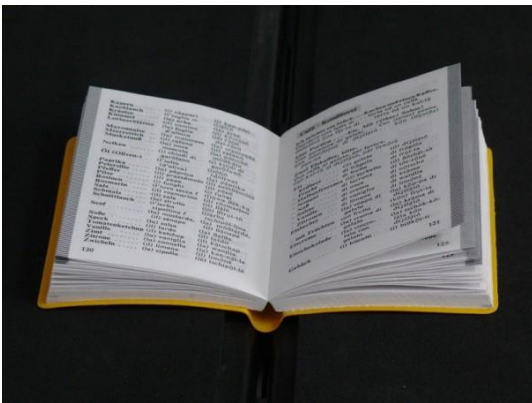


C.1.4.4. cuốn sách nhỏ với mô hình ở lề

- Nếu một cuốn sách có kích thước nhỏ, chế độ cắt bỏ ngón tay Book Fan thường rất hay mang lại kết quả tốt mà không làm phẳng cuốn sách bằng ngón tay.

Book Mode, Finger Removal Mode: Book Fan

Vị trí cuốn sách

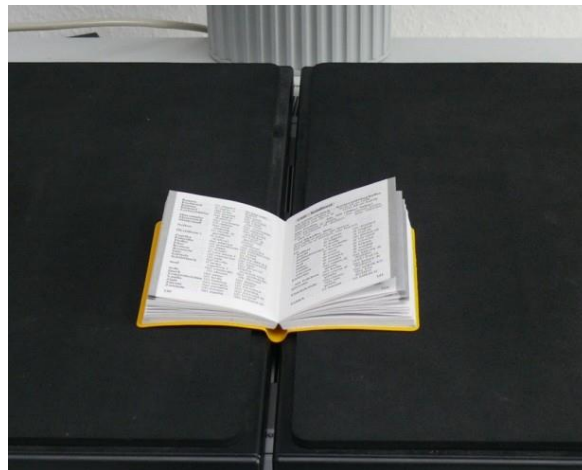


Kết quả Scan



- Kết quả scan cho thấy nội dung của cả hai trang . Độ cong của cuốn sách ràng buộc là phẳng và mô hình ở lề đã được gỡ bỏ .

- Vị trí của cuốn sách trên cái nôi cuốn sách (book cradle):

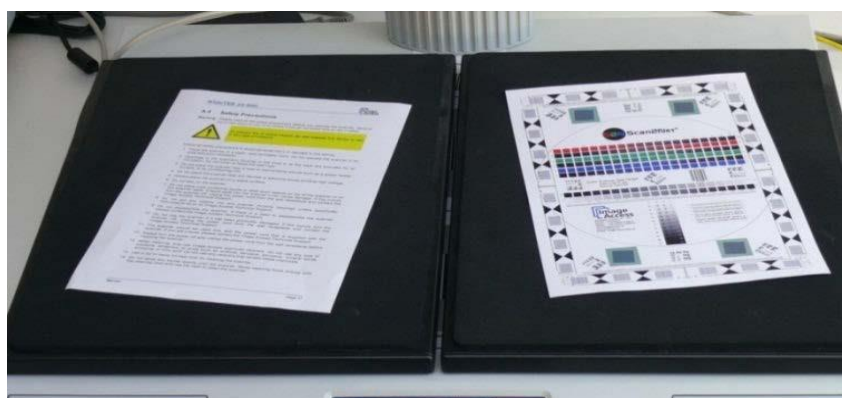


C.2. Chức năng tách (The Splitting function)

- Một chức năng hữu ích của máy quét Bookeye® 4 là chức năng tách (Splitting).
- Chức năng này chia tách tài liệu quét thành hai hình ảnh riêng biệt . Trang bên trái và trang bên phải của một cuốn sách mở ra có thể được quét một cách liên tục và sau đó được lưu lại dưới hai hình ảnh, hoặc hai tờ giấy có thể được quét mà không bị gián đoạn và được lưu dưới hai hình ảnh riêng biệt .
- Một lợi ích khác là sự kết hợp của chế độ tài liệu **Auto, định dạng (format) Crop and Deskew** và chức năng tách (Splitting).

C.2.1. Chức năng tách với hai tài liệu riêng biệt (Splitting” function with two separate documents)

- Hình 25 cho thấy là một ví dụ như thế nào các trang đơn lẻ có thể được đặt ở vị trí book cradle.



Hình 25 : Trang đơn trên book cradle

Nhìn chung: Các tờ tài liệu này sẽ có một khoảng cách ít nhất là 25 mm (1 inch) với khoảng cách giữa các tấm bookcradle .

- Các khu vực màu đen xung quanh tờ giấy cần thiết cho việc định dạng tự động phát hiện và cho Crop and Deskew .
- Xác định cài đặt trong menu màn hình cảm ứng như sau :

Document Mode: Auto Mode (see 0) or Flat Mode (see

D.3.2.1.4) Format: Crop and Deskew (see chapter

D.3.2.3.5)

Splitting Image: Auto (see chapter D.3.2.4)

- Xác định cài đặt trong giao diện ScanWizard (xem Hình 131) như sau :

Size menu → Flat Mode or no defined mode, which results in automatic selecting the matching mode

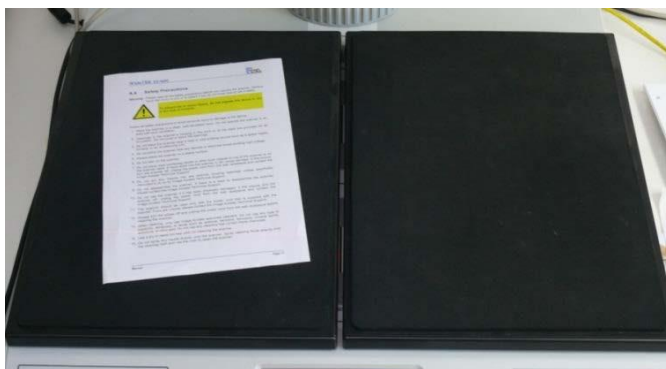
Size menu → Format → Auto or **Crop and**

Deskew Orientation → Splitting Image Auto

Hình ảnh thứ hai được phân phối sau khi nhấn nút **Scan Now** (trên màn hình cảm ứng) hoặc biểu tượng **Scan Now** (sử dụng giao diện người dùng ScanWizard).

C.2.1. Chức năng tách với một tài liệu duy nhất

- Chọn các thiết lập như mô tả trong chương C.2.1



Hình 26 : tài liệu đơn trên tấm nôi sách

- Với một tài liệu duy nhất được đặt trên một tấm book cradle của màn hình máy quét chỉ ảnh quét trên màn hình ngoài hoặc trong giao diện ScanWizard.
- Đối với các mặt trống của book cradle của máy quét cho thấy màn hình Bookeye.
- Giao diện ScanWizard cho thấy một thông báo lỗi trong cửa sổ riêng biệt .
- Nhấn vào nút **OK** để xác nhận thông báo lỗi .
- Nếu tài liệu được đặt ở phía bên phải của cái nôi cuốn sách, thông báo lỗi được gửi lúc đầu.
- Để có được hình ảnh, nhấn **Preview** hoặc nút **Scan Now** trong giao diện người dùng S2N một lần nữa .

C.2.3. Chức năng tách với một tài liệu duy nhất được đặt ở giữa book cradle (nôi sách)

- Tùy thuộc vào sự liên kết của các tài liệu và các chế độ định dạng (format) được lựa chọn, kết quả của chức năng "splitting" khác nhau.

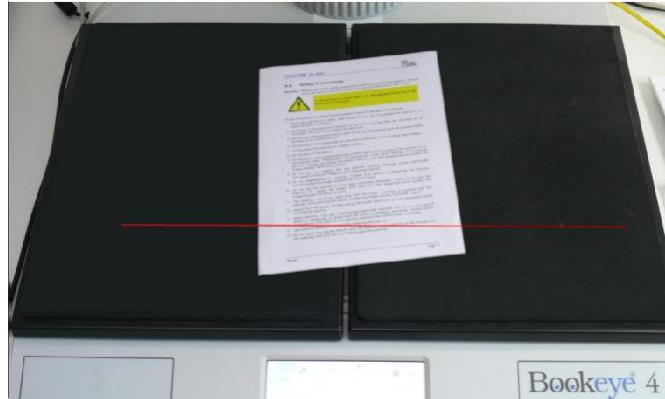
Format : Crop and Deskew

Các thông số thiết lập như sau :

Document Mode: Auto Format : Crop và Deskew

Splitting image: Auto

- Bắt đầu từ khoảng cách thẳng đứng giữa các tấm book cradle trái và tấm book cradle phải chức năng " Splitting " sẽ tách phần bên trái và phần bên phải với khoảng cách tới mép của tài liệu.
- Khoảng cách đo cho chiều rộng cho phần bên trái của hình ảnh chia.



Hình 27 : Vị trí tài liệu trên book cradle



Hình 28: Kết quả chia nhỏ file với định dạng = Crop and Deskew

- Sau khi chia tách các hình ảnh sẽ được sắp xếp (deskew) và các viền đen xung quanh sẽ bị xóa.

Format: Auto

Các thông số thiết lập như sau:

Document Mode: Auto Mode

Format: Auto

Splitting Image: Auto

- Nếu tài liệu được đặt ở giữa khu vực quét hình ảnh được chia dọc giữa phát hiện của tài liệu



Hình 29: Kết quả chia nhỏ file với Format = Auto

- Bức ảnh chụp được cho thấy các phần của tài liệu với một đường viền màu đen. Hình ảnh hiển thị bên trái và nửa bên phải của tài liệu quét.

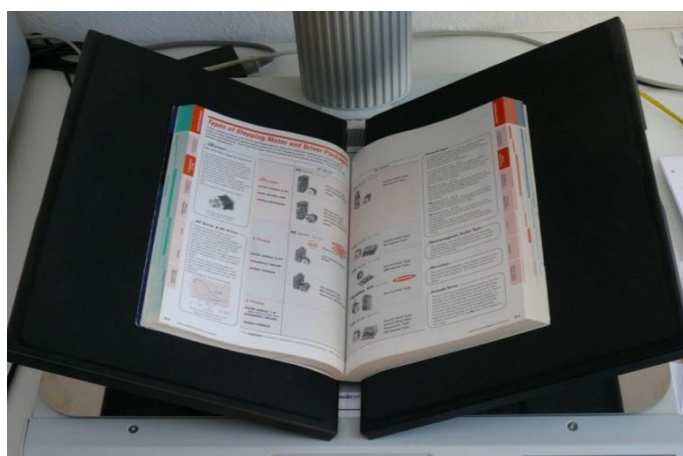
C.2.4. Chức năng tách với một cuốn sách

- Đó là đề nghị để thiết lập các tấm book cradle ở vị trí " V " khi quét sách hoặc tài liệu khác với một cột sống:



Hình 30 : Cái nôi sách thiết lập ở vị trí " V "

- Các tấm book cradle có thể được kéo theo chiều ngang từ mỗi phía khác nhau .Đây là khuyến cáo cho sách có một cột sống lớn.



Hình 31 : Cuốn sách lớn tại cái nôi sách ở vị trí " V "

Xác định cài đặt trong menu màn hình cảm ứng như sau :

Document Mode: Book Mode (see D.3.2.1.3) or Auto Mode
(xem 0) Format: Auto (xem chương D.3.2.3.4)
Splitting Image: Auto (xem chương D.3.2.4)

Xác định cài đặt trong giao diện Scan Wizard như sau :

Size → Book Mode or **Size → V- Mode**
Size → Format → Auto or **Size → Format → Crop and Deskew**
Orientation → Splitting Image Auto

Chức năng splitting phát hiện độ cong của ràng buộc và chia tách tài liệu tại vị trí này .

C.2.5. Vị trí đặt tài liệu có thể gây trục trặc

C.2.5.1. Trang đơn lẻ

- Luôn đặt trang duy nhất trên tấm book cradle ở vị trí bằng phẳng .

- Đặt các trang đơn lẻ với một khoảng cách tối thiểu là 25 mm (1 inch) giữa các trang



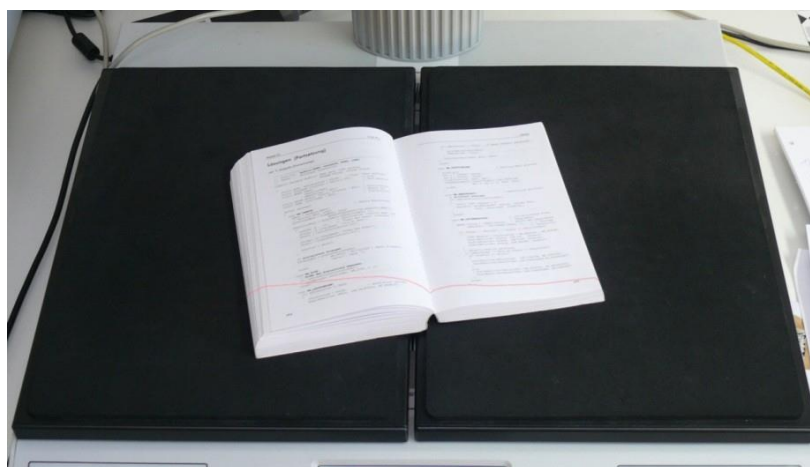
Hình 32 : Vị trí sai của book cradle và các trang

Hình 32 cho thấy hai lỗi:

- Tấm book cradle được thiết lập lại vị trí " V " .
- Các trang được đặt quá gần nhau.

C.2.5.1. Sách

- Sách nên luôn luôn được đặt thẳng vào dòng tia laser và các cuốn sách bẻ tấm nên được đặt ở vị trí " V " .



Hình 33 : Sách ở vị trí xấu cho tách (Split)

- Trong hình hiển thị ở trên, chức năng Splitting chia hình ảnh cùng dòng laser thẳng đứng .
- Nếu góc quay giữa cuốn sách và dòng laser là quá lớn, chức năng "Crop & Deskew" không thể sắp xếp hình ảnh cho một kết quả phù hợp của các chức năng tách.

D Hoạt động của màn hình cảm ứng Touchscreen Operation

- Máy quét Bookeye® 4 có thể được kiểm soát trong hai cách .
- Thông qua màn hình cảm ứng tích hợp và ứng dụng của nó hoặc bằng một trình duyệt web và các giao diện người dùng tích hợp.

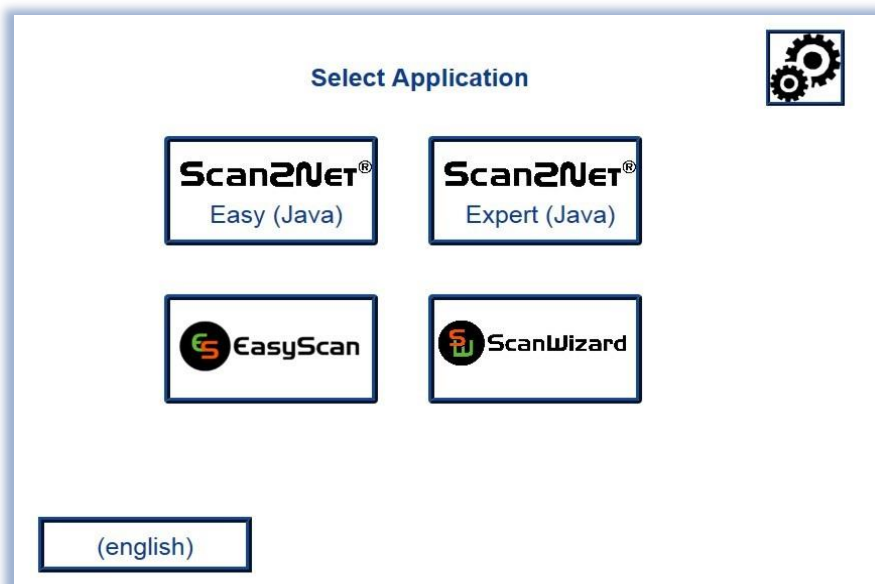
- Chức năng của các ứng dụng có sẵn từ màn hình cảm ứng được mô tả bắt đầu với chương D.3 .
- Một mô tả ngắn về các chức năng giao diện người dùng có sẵn khi kiểm soát máy quét bằng một trình duyệt web thông thường có trong chương E.1 . Phiên bản trình duyệt của giao diện ScanWizard cung cấp trợ giúp trực tuyến bằng cách lựa chọn phần **Administration** vào nút **Online Help**.

THÔNG BÁO CHUNG



- Hướng dẫn này mô tả các chức năng hoàn chỉnh của một máy quét Bookeye® 4. Nếu thiết bị của bạn không được trang bị với tất cả các tính năng, độ lệch là có thể.
- Tất cả các ảnh chụp màn hình được lấy từ một thiết bị đầy đủ với tất cả các tùy chọn và chức năng kích hoạt. Tùy thuộc vào chế độ lựa chọn, menu hiển thị trên màn hình có thể khác nhau .



D.1 Chọn màn hình ứng dụng

- Khi bật máy quét Bookeye® 4 bắt đầu từ chế độ chờ và kết thúc các thủ tục khởi động , màn hình cảm ứng hiển thị lựa chọn Select Application



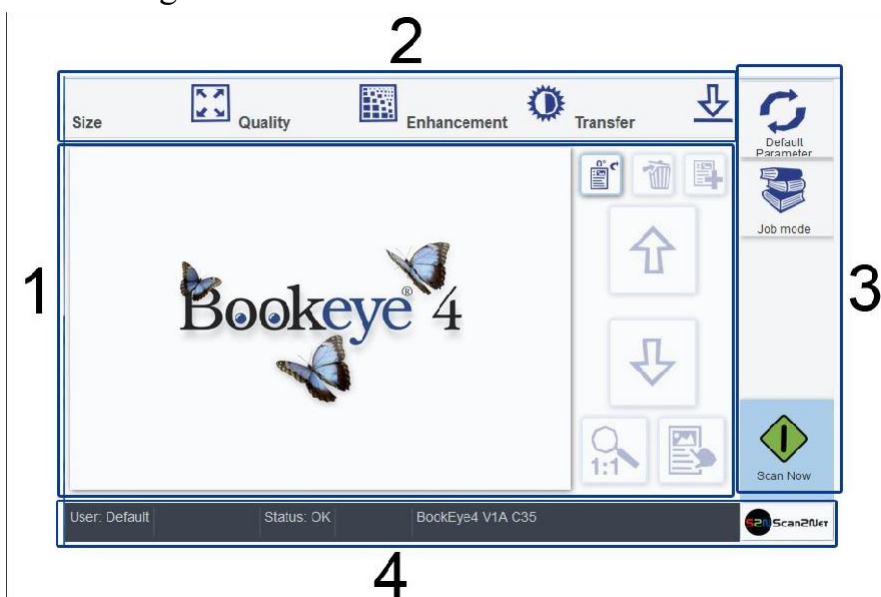
Hình 34 : Chọn màn hình ứng dụng sau khi khởi động

	<ul style="list-style-type: none"> - Chạm vào một trong các nút kích hoạt ứng dụng Scan2Net® kiosk. - Chế độ Easy khác với chế độ Expert (chuyên nghiệp) bởi các thông số có sẵn bị giảm .
	<ul style="list-style-type: none"> - Giao diện người dùng Scan2Net® mô tả với tất cả các thông số của chế độ Expert (chuyên nghiệp). Xem chương D.3 và subchapters

	<ul style="list-style-type: none"> - Chạm vào nút này sẽ chuyển sang một ứng dụng Scan dễ dàng. Khi nhà máy mặc định ứng dụng EasyScan được tích hợp . - Để thoát khỏi ứng dụng, chạm vào một phần bất kỳ tại dòng tiêu đề của ứng dụng. Xác nhận yêu cầu bằng cách chạm vào nút STOP
	<ul style="list-style-type: none"> - Chạm vào nút này chuyển sang màn hình bắt đầu của ứng dụng ScanWizard tích hợp.




D.2. Ứng dụng ScanWinzard






- ScanWizard là một giao diện người dùng trực quan cho máy quét Scan2Net® của bạn, cho phép người sử dụng kiểm soát máy quét và tất cả các thông số quét bằng menu cấu trúc rõ ràng



Hình 35 : Màn hình chính của ứng dụng ScanWizard




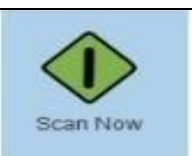
1. Phần xem trước. Các hình ảnh quét được hiển thị ở đây để xem trước. Các nút bấm bên cạnh cửa sổ xem trước có chức năng sau đây:


	<p>Turns the image in clockwise direction - Biến hình ảnh trong chiều kim đồng hồ</p>
	<p>Deletes the selected image. Only active in Job Mode - Xóa hình ảnh được chọn . Chỉ hoạt động trong chế độ Job Mode</p>
	<p>Marks where in the list an image should be inserted. Only active in Job Mode. - Đánh dấu ảnh được chèn vào. Chỉ hoạt động ở chế độ Job Mode .</p>

	Moves upwards through the list of images. Only active in Job Mode - Di chuyển lên trên qua danh sách các hình ảnh. Chỉ hoạt động trong chế độ công việc.
	Moves downwards through the list of images. Only active in Job Mode . - Di chuyển xuống dưới danh sách các hình ảnh. Chỉ hoạt động ở chế độ công việc.
	Displays the image in 100% size - Hình ảnh hiển thị có kích thước 100 %
	Fits the image size to the screen size. Alternates with the above displayed icon. Available, if the image is displayed in 100%. - Kích thước hình ảnh phù hợp với kích thước màn hình. Khuyết với các biểu tượng hiển thị ở trên. Có sẵn, nếu hình ảnh được hiển thị 100 % .
	Marks an image - Đánh dấu một hình ảnh

2. Nút menu bar. Được sử dụng để chọn các thông số quét và để thiết lập các thông số chi tiết.

3. Các nút chức năng

	Returns the scanner to default parameter settings. - Trả về chế độ mặc định cài đặt của máy quét.
	Activates the job mode - Kích hoạt chế độ công việc
	Touch this icon to end the job mode and to return to single mode. Only active in Job Mode . - Chạm vào biểu tượng này để thoát chế độ công việc và để trở về chế độ duy nhất. Chỉ hoạt động ở chế độ Job Mode .
	Starts the scan sequence. - Bắt đầu trình tự quét.

	<p>This icon is displayed if an image has been marked in the list for rescanning. Only active in Job Mode</p> <p>- Biểu tượng này được hiển thị nếu một hình ảnh đã được đánh dấu trong danh sách cho rescanning. Chỉ hoạt động trong chế độ Job Mode</p>
---	--

4. Dòng trạng thái . Hiển thị một số thông tin của máy quét .

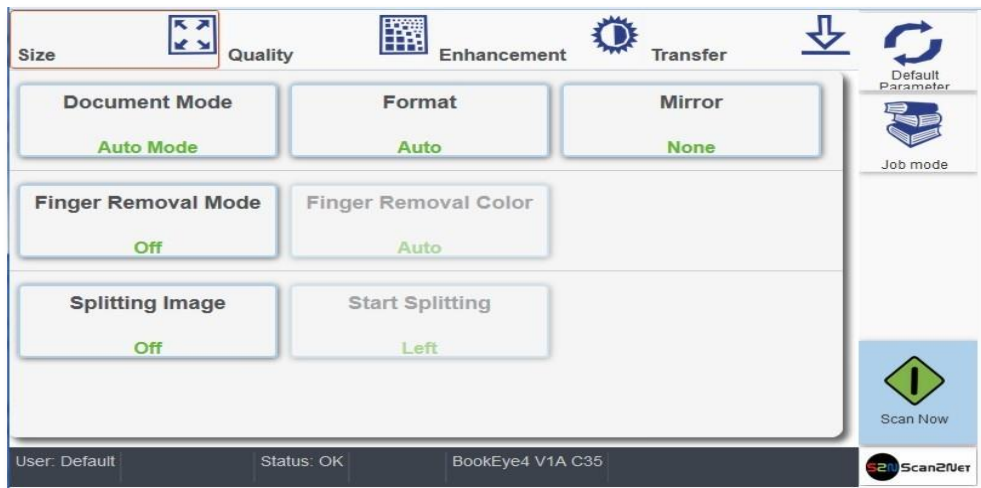


Touch the Scan2Net symbol to return to Select Application screen.

- Chạm vào biểu tượng Scan2Net để quay trở lại màn hình Chọn ứng dụng

D.2.1. Kích thước (Size)

- Chọn ở mục Size các thông số xác định các kết quả kích thước hình ảnh và kích hoạt tính năng đặc biệt .



Hình 36 : Menu với các thông số kích thước

D.2.1.1. Document Mode (Chế độ tài liệu)

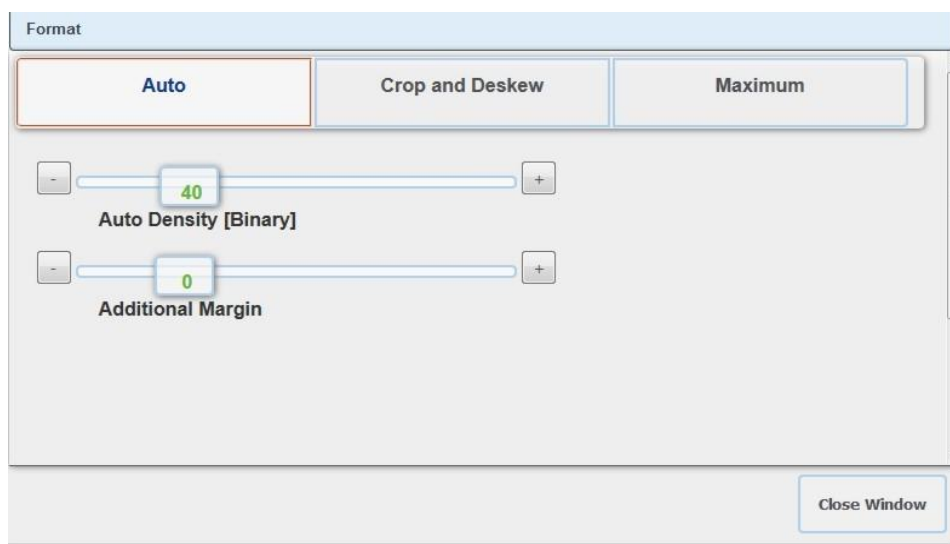


Hình 37: Lựa chọn chế độ tài liệu (Document Mode)

Document Mode Chế độ tài liệu	Function Chức năng
Auto Mode Chế độ tự động	<ul style="list-style-type: none"> - Chế độ này sẽ tự động phát hiện vị trí của book cradle và các loại tài liệu được quét. - Tiêu cự được thiết lập tùy thuộc vào chế độ tài liệu phát hiện phù hợp nhất . - Tài liệu ở chế độ này phải luôn được đặt ở giữa ngang trong book cradle. - Dòng laser cần phải được nhìn thấy tại tài liệu. Chiều rộng tài liệu tối thiểu: \geq Mười centimet - Một kích thước tối thiểu là bốn cm chiều rộng văn bản phải được đặt bên trái từ khoảng cách giữa các tấm book cradle. - Hình ảnh thu được cắt một hình chữ nhật bao gồm bốn góc tài liệu. Nếu tài liệu không đúng đắn phù hợp với đường laser, một biên giới nhỏ màu đen sẽ hiển thị trên tài liệu
Book Mode (Chế độ sách)	<p>Đề xuất để quét những cuốn sách.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cuốn sách bị cong sẽ được bồi thường và làm phẳng. <p>Tiêu cự sẽ được thiết lập tùy vào:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức và độ cong của cuốn sách. - Vị trí của các tấm book cradle. <p>- Nếu tấm book cradle được thiết lập ở vị trí " V " tiêu cự sẽ được thiết lập tự động theo độ cong cuốn sách được phát hiện.</p>
Flat Mode (Chế độ mặt phẳng)	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị tiêu cự sẽ được thiết lập phụ thuộc vào chiều cao tài liệu. Giá trị tiêu cự đo được sẽ được sử dụng cho khu vực quét hoàn tất.
V-Mode (Chế độ chữ V)	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng khi cuốn sách được đặt vào book cradle ở vị trí " V " . - Tiêu cự được tự động thiết lập phụ thuộc vào vị trí "V" của cái nôi sách.
Folder Mode (Chế độ Folder)	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ giá trị tập trung riêng biệt cho các tấm book cradle bên trái và bên phải. - Chế độ này được đề nghị khi quét tài liệu với sự khác biệt chiều cao đáng kể tại mỗi bên.

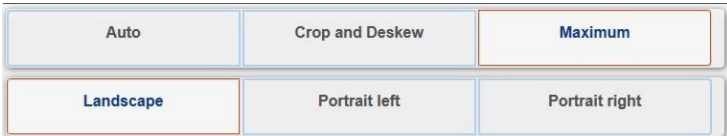
Glass Plate Mode (Chế độ tấm kính) - Chế độ Glass Plate Mode điều chỉnh hệ thống để thiết lập các tình huống chiếu sáng đặc biệt khi quét tài liệu kết hợp với một tấm kính phẳng .

D.2.1.2. Định dạng (Format).

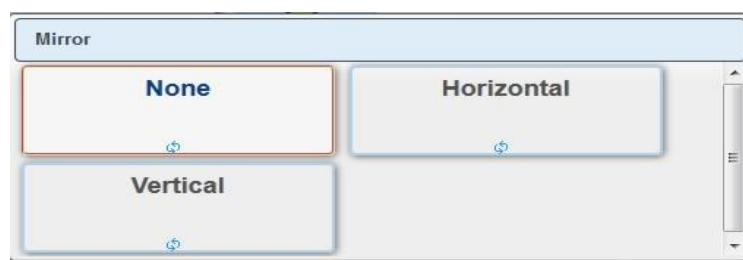


Hình 38: thiết lập định dạng cho khu vực quét.

Parameter Tham số	Function Chức năng
Auto (Tự động)	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực sau khi đặt hoàn thành sẽ được quét. - Hình ảnh thu được sẽ được giảm đến kích thước tài liệu. - Nếu tài liệu không phù hợp với dòng laser đỏ của hình ảnh kết quả sẽ có lề màu đen nhỏ nhất có thể . - Lề đen phụ thuộc vào kích thước của hình chữ nhật đó bao gồm các tài liệu đầy đủ .
Crop and Deskew	<ul style="list-style-type: none"> - Việc hoàn thành khu vực quét sẽ được quét. - Nếu một tài liệu không được đặt hoàn toàn phù hợp theo chiều ngang và chiều dọc , chức năng này sẽ tự động sửa và căn chỉnh. - Hình ảnh thu được cho thấy các tài liệu phù hợp mà không có biên giới nào.

<p>Maximum</p>	<p>In conjunction with Maximum, three more buttons will be displayed.</p>  <p>Landscape Quét quét khu vực tối đa trong định hướng phong cảnh</p> <p>Portrait left Quét khu vực bên trái từ khoảng cách giữa các tấm book cradle theo hướng dọc</p> <p>Portrait right Quét khu vực bên phải từ khoảng cách giữa các tấm book cradle theo hướng dọc</p>
<p>Auto Density</p>	<p>- Xác định độ nhạy của máy quét để phát hiện định dạng tự động. Xin lưu ý : Các giá trị số cao hơn, độ tương phản lớn hơn thì phải đặt giữa nền và tài liệu quét.</p>
<p>Additional Margin</p>	<p>- Thêm một tiện ích bổ sung cho kết quả hình ảnh đối xứng theo hướng ngang và dọc</p>

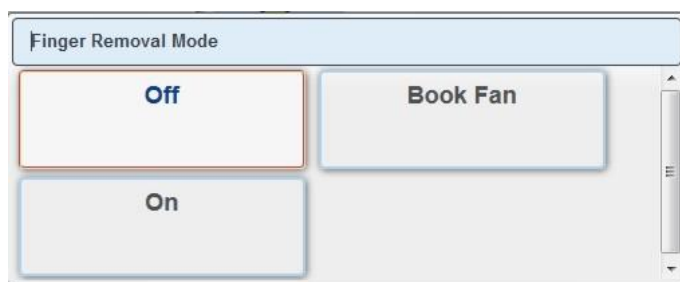
D.2.1.3. Gương (Mirror).



Hình 39: Thông số gương

- Việc chọn kiểm soát này phản ánh hình ảnh dọc theo trục gương.
- Sử dụng cài đặt này có thể hữu ích nếu quét suốt từ phía sau

D.2.1.4. Chế độ diệt (Finger Removal Mode)



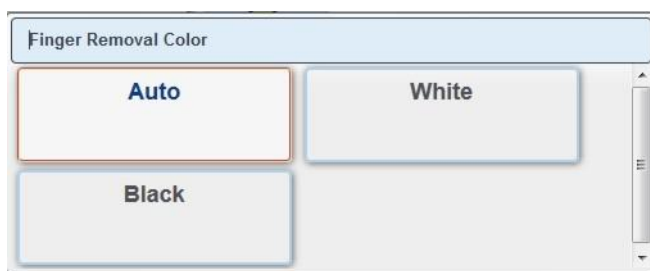
Hình 40: Chế độ finger diệt

- **Off:** Vô hiệu hóa chế độ diệt (Finger Removal Mode.)

- **Book Fan:** Các mép quạt cuốn sách ở mép bên trái và bên phải sẽ được phát hiện và loại bỏ từ hình ảnh.

- **On:** Các mép quạt cuốn sách ở mép bên trái và bên phải sẽ được phát hiện và loại bỏ từ hình ảnh. Nếu cuốn sách được giữ phẳng bởi một hoặc nhiều ngón tay, các đường viền của các ngón tay sẽ được phát hiện và loại bỏ. Các đường viền được phát hiện sau đó sẽ được lấp đầy với màu đen hoặc màu trắng hoặc với một mô hình tự động phát hiện. Các mô hình phụ thuộc vào màu sắc mà được tìm thấy tại hình được quét và trên các đường viền ngón tay.

D.2.1.5. Chế độ diệt màu sắc (Finger Removal color)



Hình 41: Chế độ diệt màu sắc

Auto : Màu sắc lấp đầy được tự động lấy từ các khu vực trên và dưới đường viền ngón tay .

White : Đường viền của các ngón tay bị phát hiện sẽ được lấp đầy với màu trắng.

Black : Đường viền của các ngón tay bị phát hiện sẽ được lấp đầy với màu đen.

D.2.1.6. Chức năng tách, chia nhỏ file ảnh (Splitting Image).



Hình 42: Thông số chia nhỏ file ảnh

- Chức năng chia nhỏ file hình ảnh chia tách các ảnh quét đối xứng ở hai phần.

Left: Phần bên trái của hình ảnh chia sẽ được hiển thị

Right: Phần bên phải của hình ảnh chia sẽ được hiển thị

Auto: Cả hai phần của hình ảnh chia sẽ được hiển thị liên tục như hình ảnh riêng biệt.

Off: Vô hiệu hóa chức năng tách

D.2.1.7. Bắt đầu tách (Start Splitting)



Hình 43: Xác định trang bắt đầu chức năng tách

- Xác định trang đầu nếu chia nhỏ file hình ảnh được thiết lập tự động.

Left: Phần bên trái của hình ảnh chia tách sẽ là trang bắt đầu.

Righ: Phần bên phải của hình ảnh chia tách sẽ là trang bắt đầu

D.2.2. Chất lượng (Quality)

- Chọn ở đây các thông số màu sắc, thiết lập độ phân giải và thiết lập chế độ quét.



Hình 44: Menu với các thông số chất lượng

D.2.2.1. Chế độ màu (Color mode)

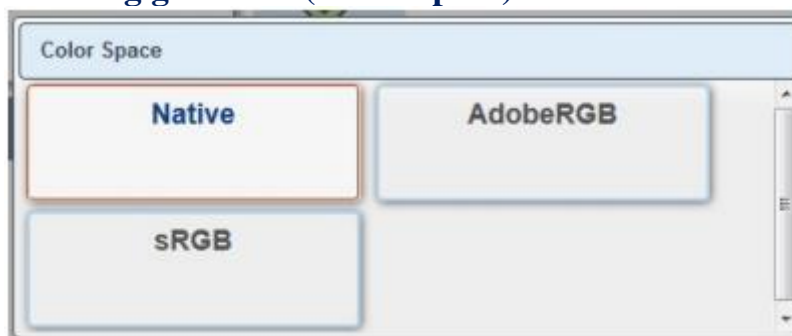


Hình 45: Các chế độ màu sắc có sẵn

- Chạm vào nút của các chế độ màu sắc mong muốn .

-Tùy thuộc vào các chế độ màu sắc được lựa chọn các mục menu khác được kích hoạt.

D.2.2.2. Không gian màu (Color Space)



Hình 46: không gian màu

- Tích hợp sẵn ba không gian màu được xác định trước, có thể được sử dụng trong khi quét. Chạm vào các nút để chọn không gian màu.

- **Native:** Không gian màu được xác định bởi phần cứng (máy ảnh CCD) của máy quét

- **AdobeRGB:** Đây là một không gian màu RGB, được xác định bởi Adobe Systems. Không gian màu Adobe RGB (đầy đủ sẽ là Adobe RGB (1998)) cho phép

ghi nhận được một phổ màu rộng hơn, nhất là vùng màu xanh lá cây, nó cho phép ghi nhận được nhiều sắc độ tinh tế hơn nơi vùng màu này, và nó có một phổ màu rộng hơn dãy tái hiện của CMYK(màu mực), nên khi người ta có nhu cầu sẽ sử dụng file ảnh để phục vụ lĩnh vực in ấn offset, người ta thường chọn không gian này. Không gian màu này, mới được đưa vào các dòng máy chuyên nghiệp thời gian gần đây, nhưng chưa có nhiều thiết bị đầu xuất tương ứng. Mà chủ yếu là tạo một không gian màu trung chuyển, đáp ứng yêu cầu những files sẽ được hoán đổi sang không gian màu CMYK (để phục vụ việc in offset, hoặc in phun cao cấp).

- **sRGB**: Không gian màu sRGB (chính xác là sRGB IEC61966-2.1) rất thông dụng, nó tương thích với hầu hết các "thiết bị đầu xuất" phổ thông, như các loại máy in phun (loại chất lượng trung bình), hay các Lab rọi hình, hay đưa lên trên mạng, ... Không gian này có một số nhược điểm nếu chúng ta có nhu cầu dùng file ảnh để in offset, vì sẽ mất khả năng tái tạo một số vùng màu, nhất là dãy sắc độ xanh lá cây.

D.2.2.3. ICC Profiles

ICC Profiles là gì?

ICC profile là 1 nhóm dữ liệu, tồn tại dưới dạng 1 tập tin riêng biệt, hoặc là 1 phần của 1 tập tin khác (dạng này thường gọi là profile nhúng). Về cơ bản mà nói, ICC profile là 1 bảng đối chiếu (look up table LUT) cho ta biết mỗi trị số màu của thiết bị ứng với trị số Lab là bao nhiêu (hoặc ngược lại: mỗi trị số Lab ứng với trị số màu nào theo tọa độ màu của thiết bị).ICC profile xác định màu sắc của thiết bị (profile của scanner, camera, printer...) hoặc xác định không gian màu của hình ảnh (sRGB, Wide RGB....)

```
R G B L a b
255 255 255 100 0 0
255 255 240 99 -2 7
.....
0 0 20 1 2 -9
0 0 0 58 0 0
```

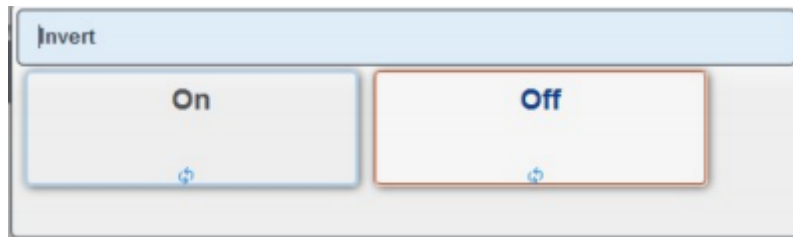
Bảng LUT thường có vài trăm trị số màu tiêu biểu. Các trị số khác được tính ra theo giải thuật nội suy. Monitor profiles have the same format as color space profiles. Profiles may contain additional data, such as a preferred rendering intent and gamma, Monitor profiles often contain instructions for loading video card lookup tables, i.e., for calibrating the monitor



Hình 47: Kích hoạt File ICC nhúng

- Chạm vào On để kích hoạt cấu hình ICC cho màn hình bên ngoài

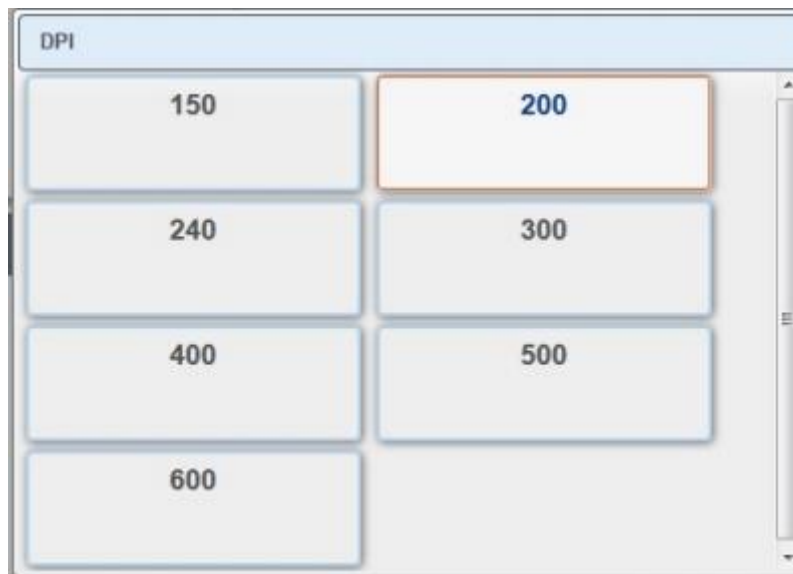
D.2.2.4. Invert (Đảo ngược)



Hình 48: Chức năng đảo ngược

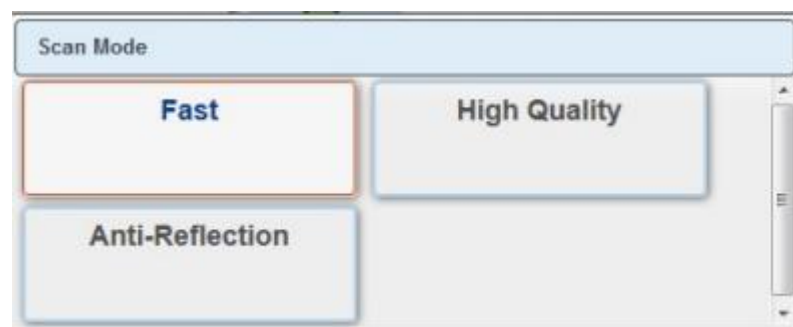
- Cài đặt này chỉ có sẵn với các chế độ màu nhị phân và Enhanced Halftone .

D.2.2.5. DPI (Độ phân giải)



Hình 49: Độ phân giải sẵn có của máy quét

D.2.2.6. Scan Mode (Các chế độ quét)

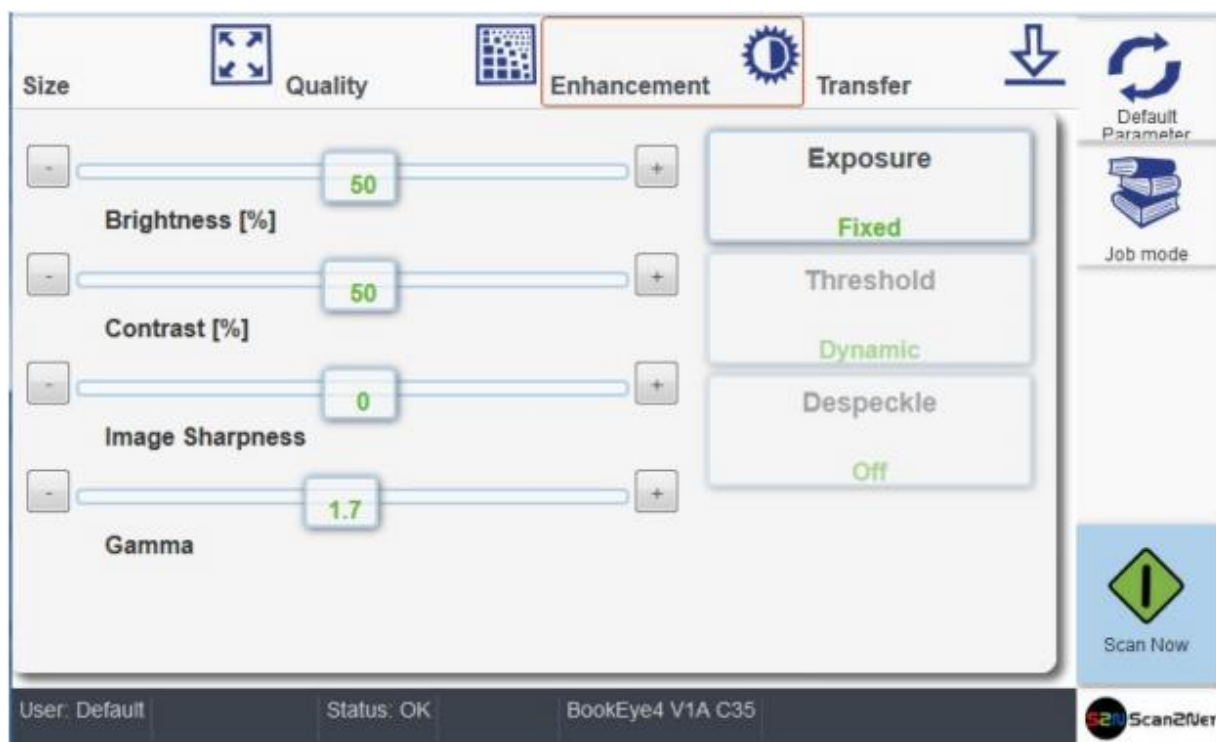


Hình 50: Các chế độ quét

- **Fast:** Quét với tốc độ bình thường. Tốc độ quét phụ thuộc vào độ phân giải lựa chọn. Điều đó có nghĩa, chọn độ phân giải càng cao thì tốc độ quét càng chậm.
- **High Quality:** Tốc độ scan giảm nhưng chất lượng quét tốt.
- **Anti-Reflection:**
 - + Tốc độ quét giảm. Cả hai đèn đang hoạt động trong chuỗi quét hoàn tất
 - + Chế độ này làm giảm sự phản ánh trong hình ảnh và cải thiện kết quả đáng kể trong việc quét tài liệu với bề mặt phản xạ

D.2.3. Enhancement

- Đặt giá trị ở đây cho việc nâng cao chất lượng hình ảnh.



Hình 51: Slider cho các thông số Enhancement

D.2.3.1 Brightness (Sáng - tối):

- Thanh trượt **Brightness** xác định độ sáng trong hình ảnh ảnh. Giá trị độ sáng thấp dẫn đến hình ảnh tối hơn, giá trị độ sáng cao dẫn đến hình ảnh tươi sáng hơn.
- Các giá trị gần 0 % hoặc 100 % có thể dẫn đến hiện vật không mong muốn . Chạm vào thanh trượt và di chuyển nó đến vị trí mong muốn để thiết lập giá trị . Nếu không chạm vào các nút + (cộng) hoặc - (trừ) để thay đổi giá trị.

D.2.3.2 Contrast (Tương phản):

- Thanh trượt **Contrast** xác định sự tương phản trong hình ảnh. giá trị tương phản thấp dẫn đến hình ảnh "mượt mà "; giá trị tương phản cao cho biết thêm chi tiết và hình ảnh trở nên "crisper " .
- Các giá trị gần 0 % hoặc 100 % có thể dẫn đến hiện vật không mong muốn . Chạm vào thanh trượt và di chuyển nó đến vị trí mong muốn để thiết lập giá trị . Nếu không chạm vào các nút + (cộng) hoặc - (trừ) để thay đổi giá trị.

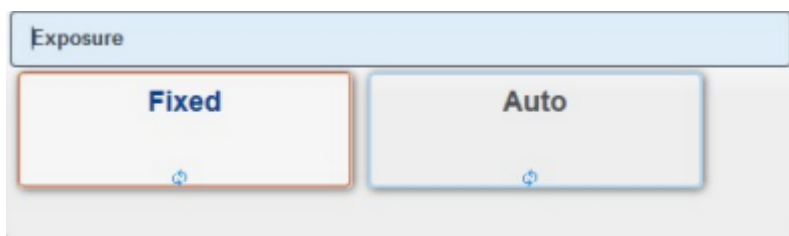
D.2.3.3 Image Sharpness (Độ sắc nét hình ảnh):

- Thanh trượt **Image Sharpness** là một thuật toán mài tự động tiên tiến làm sắc hình ảnh trước khi bất kỳ hoạt động khác được thực hiện.
- Giá trị "zero" vô hiệu hóa chức năng . Rất giá trị cao có thể sản xuất vật tùy thuộc vào loại tài liệu.
- Chạm vào thanh trượt và di chuyển nó đến vị trí mong muốn để thiết lập giá trị . Nếu không chạm vào các nút + (cộng) hoặc - (trừ) để thay đổi giá trị.

D.2.3.4 Gamma:

- Thanh trượt **Gamma** xác định hiệu chỉnh gamma trực tiếp bên trong các thiết bị điện tử máy ảnh. Một giá trị của 1,7 là một xấp xỉ tốt cho hầu hết các tài liệu . giá trị gamma cao cho thấy nhiều chi tiết trong vùng tối và vùng sáng nén của hình ảnh.
- Chạm vào thanh trượt và di chuyển nó đến vị trí mong muốn để thiết lập giá trị . Nếu không chạm vào các nút + (cộng) hoặc - (trừ) để thay đổi giá trị.

D.2.3.5 Exposure (Phơi sáng)



Hình 52: Chế độ phơi sáng

Fixed chức năng chuyển mạch tắt.

Nếu **Auto** được chọn, các thanh trượt của các thông số Enhancement (Hình 51) thay đổi.



Hình 53: Black / White Threshold sliders

- Các thanh trượt **Brightness** và **Contrast** không được hiển thị .
- Hai thanh trượt **Black Threshold** và **White Threshold** được hiển thị thay thế.
- **Black Threshold** : Thiết lập ngưỡng cho **màu đen (Black)** . Tất cả các giá trị điểm ảnh trong hình ảnh dưới giá trị đã chọn được thiết lập để **màu đen (Black)**.
- **White Threshold** : Thiết lập ngưỡng cho **màu trắng (White)** . Tất cả các giá trị điểm ảnh trong hình ảnh trên các giá trị đã chọn được thiết lập để trắng .

D.2.3.6 Threshold (Ngưỡng)



Hình 54: Lựa chọn ngưỡng (Threshold)

- Nếu chế độ màu sắc được thiết lập hoặc là nhị phân hoặc tăng cường bán sắc, Threshold (ngưỡng) được lựa chọn.

- **Dynamic** (Năng động): Nếu ngưỡng (Threshold) được thiết lập **Dynamic** , cho kết quả tốt hơn trên các tài liệu tương phản thấp.
- **Fixed** (Cố định): Nếu đặt **Fixed** , chức năng bị vô hiệu hóa .

D.2.3.7 Despeckle



Hình 55: Chọn Despeckle

- Nếu chế độ màu sắc được thiết lập hoặc là nhị phân hoặc tăng cường, Despeckle được lựa chọn
- Khi quét trong hệ nhị phân hoặc tăng cường bán sắc, đốm (chấm nhỏ mà thực sự là điểm ảnh phụ có thể nhìn thấy máy quét) có thể xuất hiện trên hình ảnh . Đốm có thể được gây ra bởi bụi , trầy xước hoặc khiếm khuyết trong bản in của tài liệu nguồn .
- Chọn Despeckle loại bỏ những khiếm khuyết từ các hình ảnh quét

4x4 Positive : Kích hoạt chức năng.

Off : Đóng chức năng.

D.2.4. Transfer (Chuyển)

- Chọn ở đây trong hai hàng trên các mục tiêu, nơi đến của hình ảnh nên được chuyển giao.
- Trong hàng thứ ba và thứ tư chọn các thông số của các định dạng tập tin và tất cả các thông số liên quan đến các định dạng tập tin.



Hình 56: Mục tiêu chuyển nhượng và các thông số tập tin cụ thể

- Các nút bấm của hai dòng trên không có một biểu tượng màu xanh ở góc dưới bên trái.

- Chạm vào đây để mở màn hình cảm ứng với các thiết lập của các mục tiêu chuyển nhượng được chọn. Các nội dung phụ thuộc vào mục tiêu chuyển nhượng được chọn.

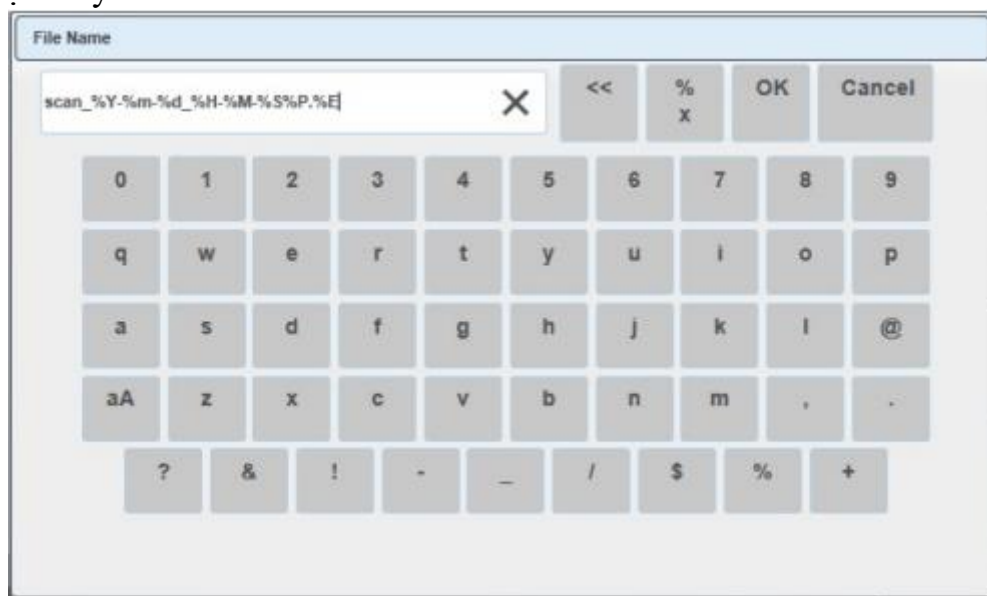
- Chương D.2.4.1 mô tả cách một mục có thể được thay đổi.

D.2.4.1 **Chỉnh sửa một mục nhập của các mục tiêu chuyển nhượng**



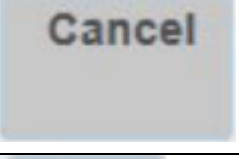
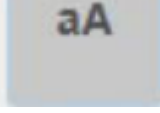
- Để thay đổi tên một tập tin, chọn một thư mục con hoặc sửa đổi các mục khác cho các mục tiêu chuyển nhượng, nhấp vào biểu tượng màu xanh . Màn hình cảm ứng hiện các thiết lập hiện tại

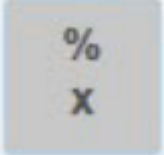
- Để thay đổi các mục, nhấp vào đường link tương ứng, ví dụ như " File name " .

- Những thay đổi màn hình cảm ứng và có bàn phím . Các con trỏ nằm ở phía sau mục được thay đổi



Hình 57: Bàn phím , hiển thị trên màn hình cảm ứng

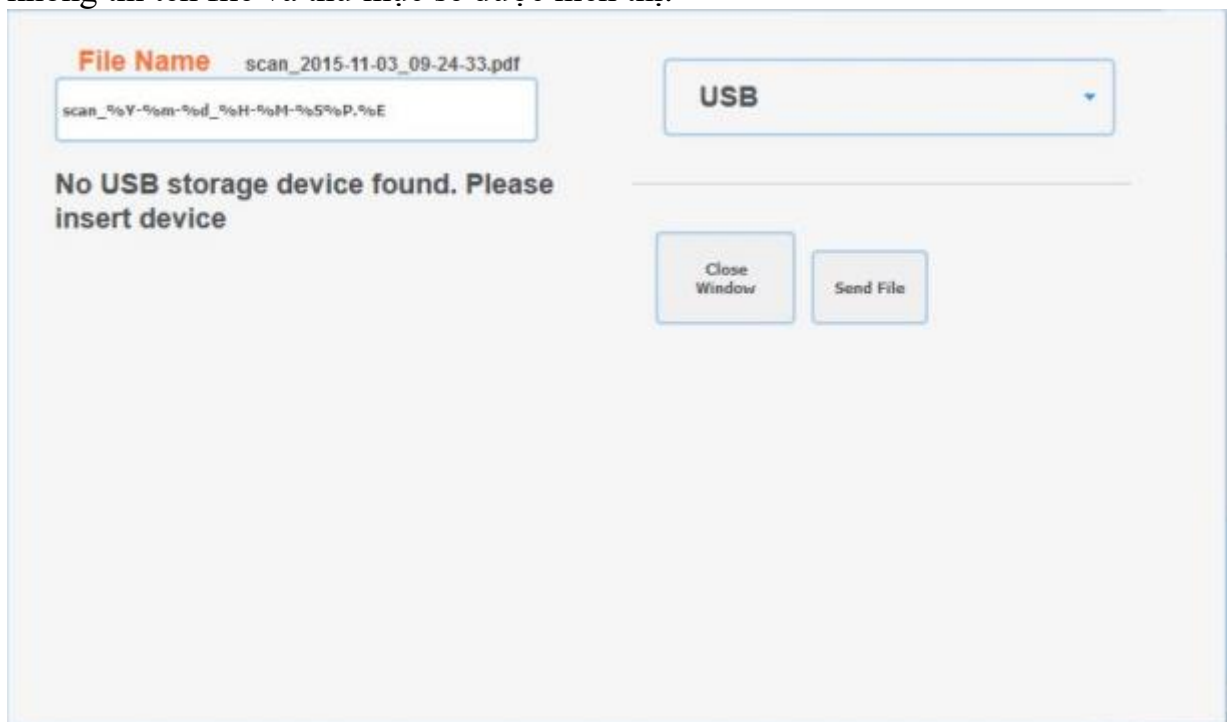
Key	Chức năng
	Xóa nhân vật (Delete character)
	Xác nhận thay đổi và trở về màn hình trước đây
	Hủy bỏ các thay đổi và trở về màn hình cũ
	nút Shift để trên / dưới trường hợp văn bản

	Thiết bị chuyển mạch bàn phím và hiển thị tất cả các biến mà có thể được sử dụng trong tên.
---	---

- Sử dụng bàn phím để sửa đổi mục nhập .
- Để xác nhận thay đổi, chạm vào nút OK .
- Trở lại màn hình trước mà không thay đổi , chạm vào nút Cancel.

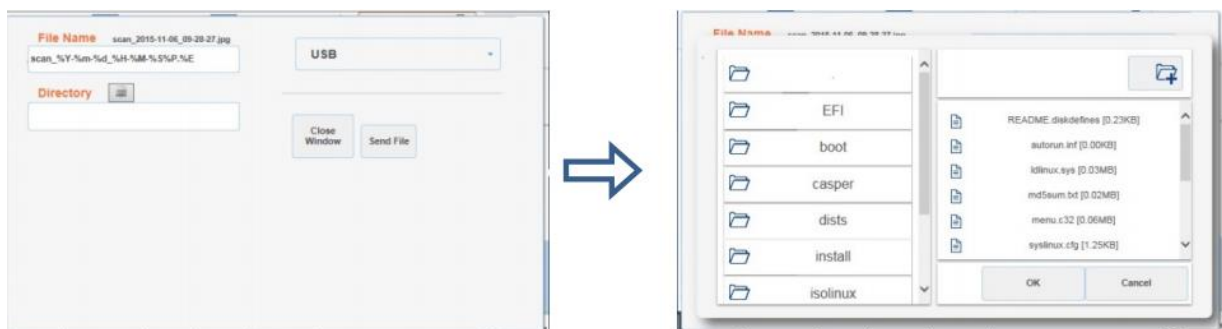
D.2.4.2. USB

- Chuyển giao các hình ảnh quét đến một thiết bị lưu trữ USB kết nối với máy quét .
- Nếu không có thiết bị lưu trữ USB được kết nối , bạn sẽ thấy một thông báo lỗi nếu không thì tên file và thư mục sẽ được hiển thị.


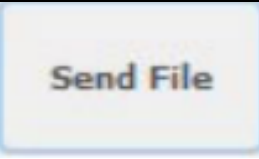


Hình 58: Thông báo lỗi nếu không tìm thấy ổ lưu trữ USB

- Nếu bạn muốn thay đổi tên tập tin, chạm vào đường dây với các mục nhập tên tập tin. Sửa đổi các mục như được mô tả trong chương D.2.4.1
- Nếu bạn muốn lưu hình ảnh của bạn vào một thư mục con trên thiết bị lưu trữ USB , nhấp vào biểu tượng bên cạnh Directory. Các thư mục sẽ được liệt kê



- Chọn thư mục . Chạm vào OK để xác nhận hoặc liên lạc Cancel để quay trở lại mà không cần thay đổi

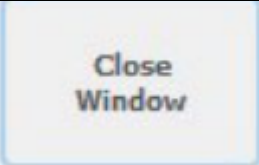
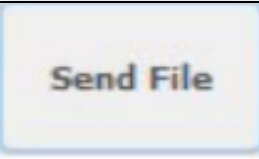
Key	Chức năng
	Chạm vào đây để đóng cửa sổ và trở về màn hình chính (Hình 35) .
	Chạm vào đây để gửi file cho các mục tiêu chuyên nhượng được chọn.

D.2.4.3. SMB

- Tải lên hình ảnh quét trực tiếp vào ổ đĩa mạng được xác định trước đó và thư mục hoặc thư mục con hoặc một ổ đĩa máy trạm và các thư mục
- Nhấp vào nút SMB để xem các thiết lập hiện tại
- Nếu cần thiết, thay đổi các mục cho SMB Path và / hoặc File Name.
- Chương D.2.4.1 mô tả cách các mục có thể được sửa đổi.



Hình 59: Mục SMB đường dẫn và tên tập tin

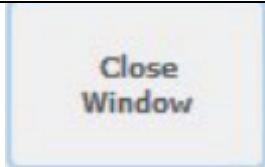
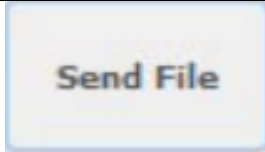
Key	Chức năng
	Chạm vào đây để đóng cửa sổ và trở về màn hình chính (Hình 35) .
	Chạm vào đây để gửi file cho các mục tiêu chuyên nhượng được chọn.

D.2.4.4. FTP

- Quét trực tiếp đến một máy chủ FTP
- Nhấp vào nút FTP để xem các thiết lập hiện hành.
- Nếu cần thiết , thay đổi các mục để tải lên đường dẫn Path hoặc File Name.
- Chương D.2.4.1 mô tả cách các mục có thể được sửa đổi.

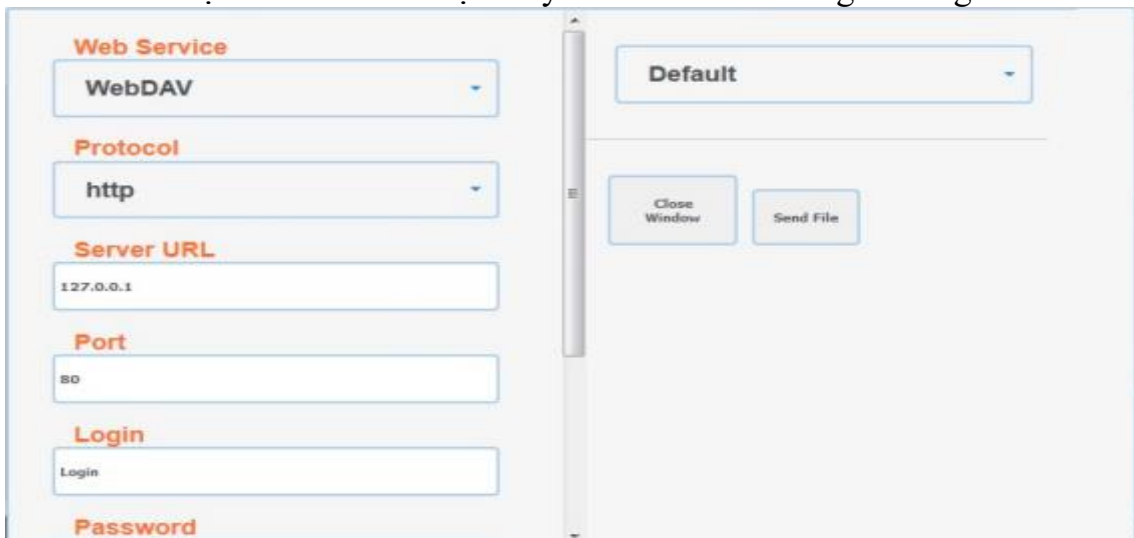


Hình 59: Mục FTP đường dẫn và tên tập tin


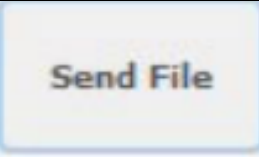
Key	Chức năng
	Chạm vào đây để đóng cửa sổ và trở về màn hình chính (Hình 35) .
	Chạm vào đây để gửi file cho các mục tiêu chuyển nhượng được chọn.

D.2.4.5. Default (Mặc định)

- Quét trực tiếp vào một thư mục được định nghĩa trong một dịch vụ điện toán đám mây
- Nhấp vào nút Default để xem các thiết lập hiện tại
- Tất cả các thông số có thể được xác định tại màn hình cảm ứng .
- Click vào mũi tên lựa chọn bên cạnh các mục của Dịch vụ Web và cổng Protocol để xem danh sách các thiết lập sẵn.
- Tất cả các mục khác có thể được thay đổi như mô tả trong chương D.2.4.1

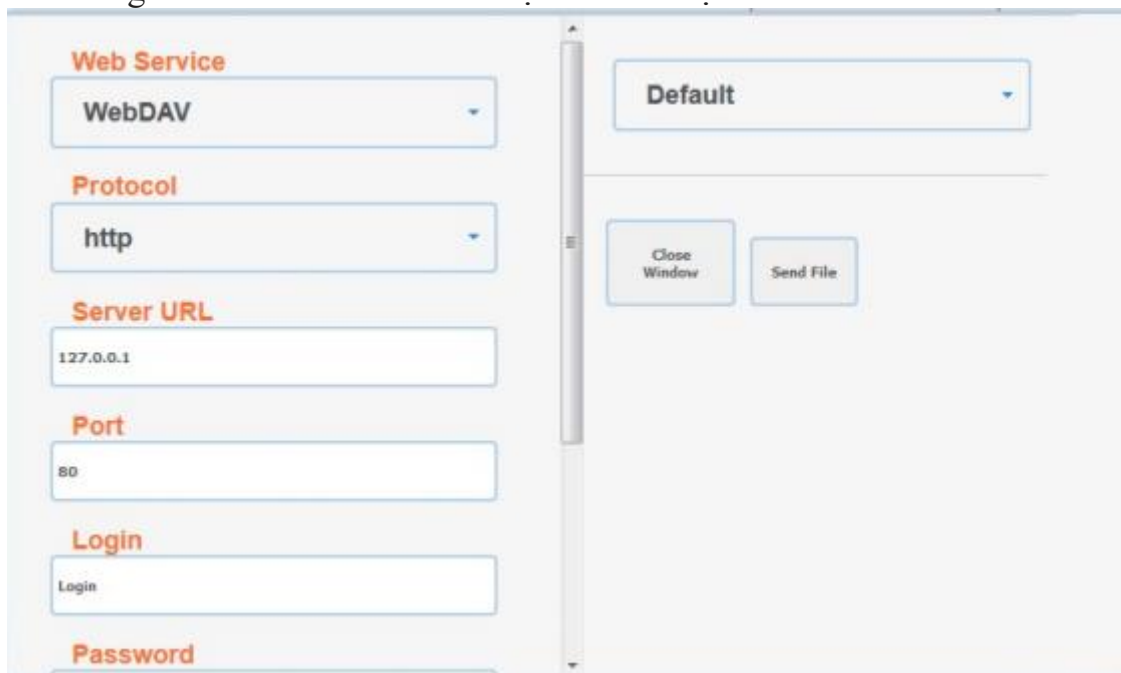


Hình 61: Danh sách các thông số đám mây


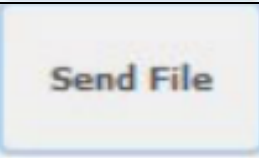
Key	Chức năng
	Chạm vào đây để đóng cửa sổ và trở về màn hình chính (Hình 35) .
	Chạm vào đây để gửi file cho các mục tiêu chuyên nhượng được chọn.

D.2.4.6. Mail (Hòm thư)

- Gửi hình ảnh quét email tới một người nhận email.
- Nhấp vào nút Mail để xem các thiết lập hiện tại.
- Các thông tin máy chủ mail, tên sender's , địa chỉ email và trả lời để giải quyết tất cả có thể được cấu hình bằng cách nhấp vào dòng tương ứng .
- Chương D.2.4.1 mô tả cách các mục có thể được sửa đổi.

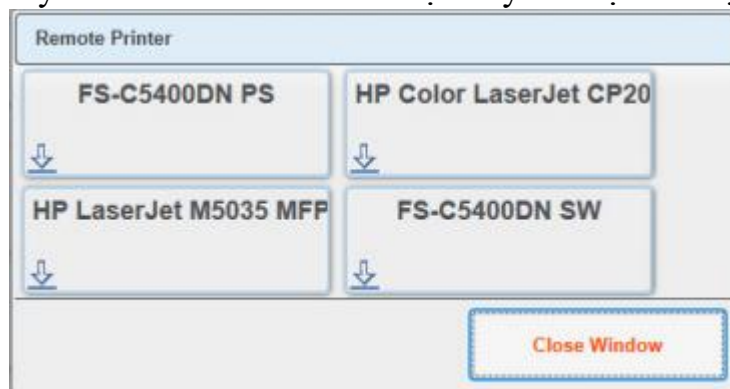


Hình 62: Thiết lập chuyên thư

Key	Chức năng
	Chạm vào đây để đóng cửa sổ và trở về màn hình chính (Hình 35) .
	Chạm vào đây để gửi file cho các mục tiêu chuyên nhượng được chọn.

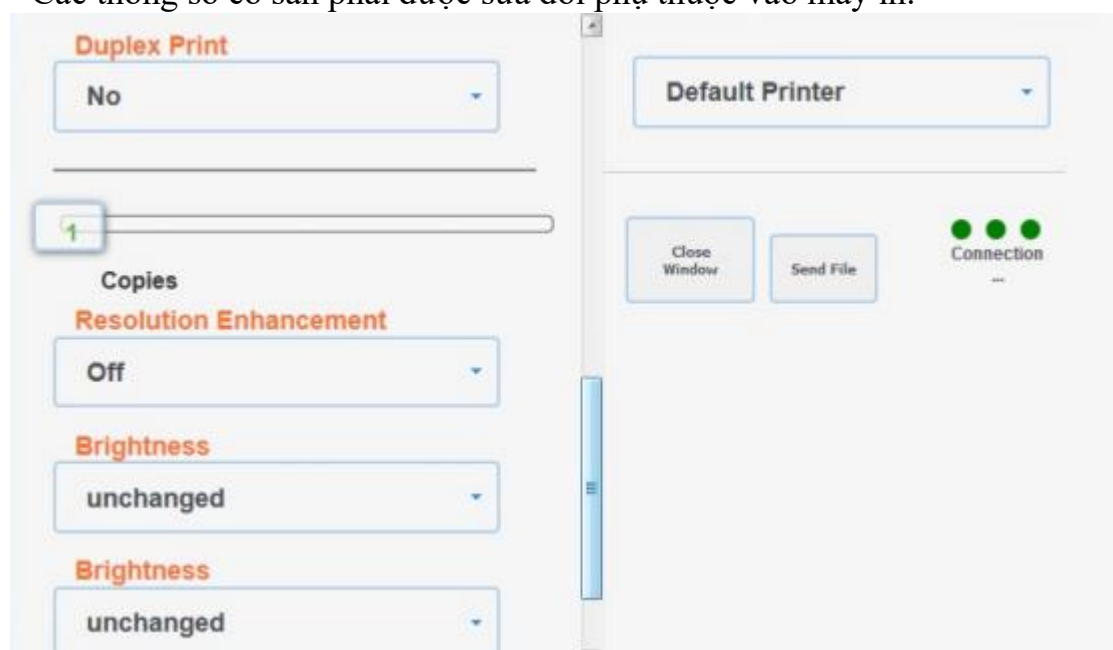
D.2.4.7. Máy in từ xa

- In hình ảnh trên một máy in mạng mà người dùng đã truy cập.
- Nhấp vào nút máy in từ xa để xem các cài đặt máy in được xác định trước có sẵn .




Hình 63: Máy in có sẵn (Ví dụ)

- Nhấp chuột vào một nút để chọn một máy in
- Để liệt kê các thiết lập của máy in đã chọn , hãy nhấp vào biểu tượng mũi tên ở góc dưới bên trái của nút . Điều này sẽ mở ra danh sách tham số.
- Các thông số có sẵn phải được sửa đổi phụ thuộc vào máy in.



Hình 64: Danh sách các thông số máy in

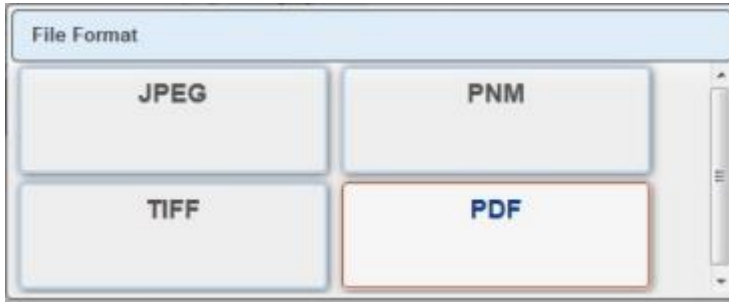
- Click vào mũi tên lựa chọn (nếu hiển thị) bên cạnh các mục để xem danh sách các thiết lập sẵn

Key	Chức năng
	Chạm vào đây để đóng cửa sổ và trở về màn hình chính (Hình 35) .

Send File	Chạm vào đây để gửi file cho các mục tiêu chuyển nhượng được chọn.
------------------	--

D.2.4.8. File Format (Định dạng tập tin)

- Cho phép người dùng lựa chọn các định dạng tập tin.

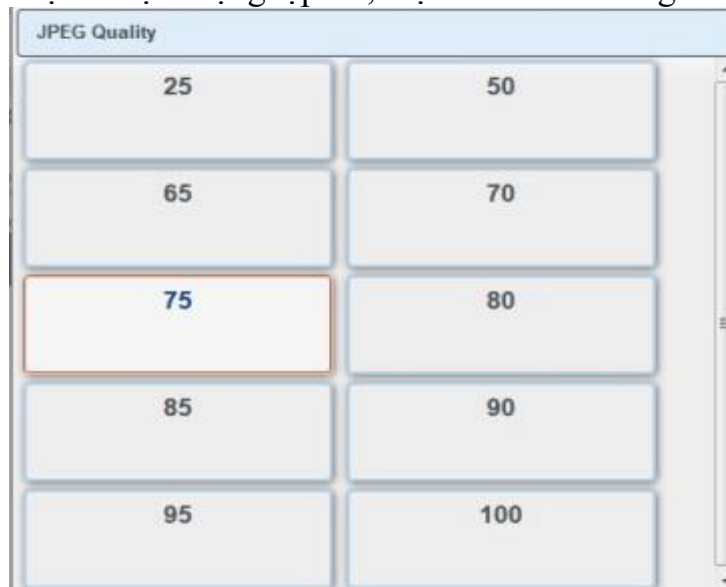


Hình 65: Chọn định dạng tập tin

- Chạm vào nút có định dạng tập tin mong muốn .
- Các định dạng tập tin hiện hành được hiển thị ở dòng dưới cùng của nút

D.2.4.9. Compression (Nén)

- Cho phép người dùng lựa chọn các yếu tố nén được sử dụng khi lưu các tập tin trong định dạng xác định . Các yếu tố nén sẽ khác nhau, tùy thuộc vào định dạng tập tin được chọn .
- Nếu JPG được chọn là định dạng tập tin, một danh sách các giá trị được hiển thị.



Hình 66: Nén JPG

D.2.4.10. File Type (Loại tập)

- Chỉ vận hành nếu máy quét được vận hành ở chế độ công việc (Job Mode)
- Các loại tập tin có thể khác nhau , tùy thuộc vào định dạng tập tin được lựa chọn

File Format File Types

JPEG



TIFF



PNM

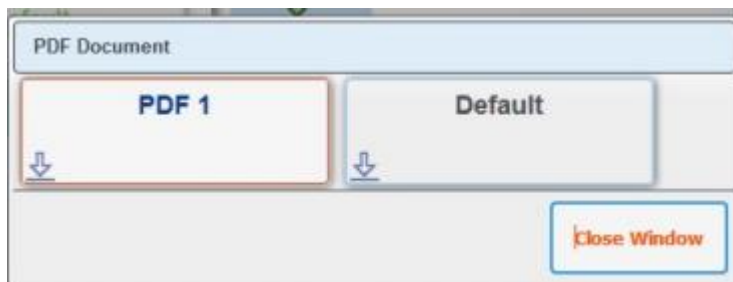


PDF



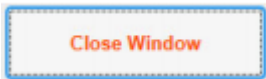
D.2.4.11. PDF Document (Tài liệu PDF)

- Xác định định dạng PDF được sử dụng khi lưu hình ảnh quét dưới dạng file PDF

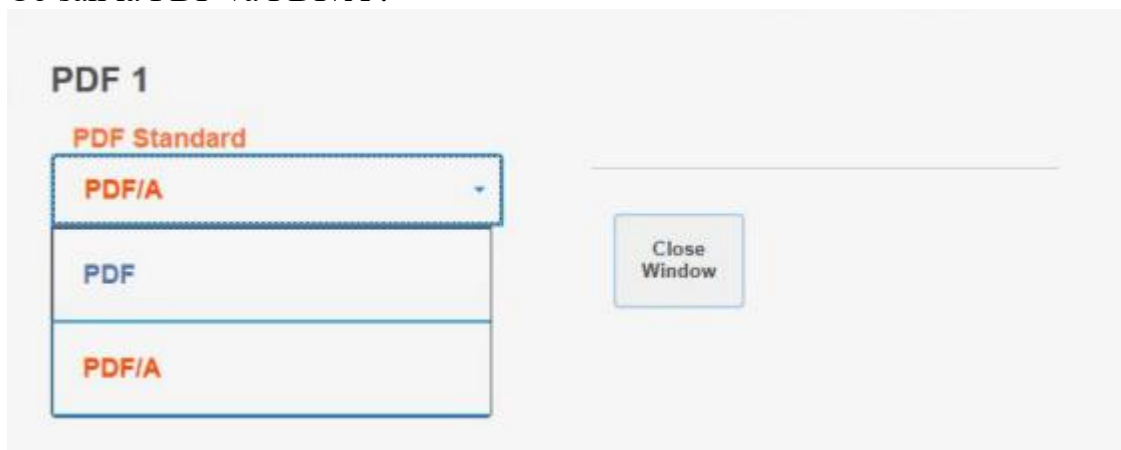


Hình 67: Thiết lập PDF được xác định trước

- Chạm nút với thiết lập mong muốn . Một danh sách với định dạng PDF có sẵn sẽ được hiển thị.
- Chọn giữa định dạng PDF và PDF/A.

Key	Chức năng
	Chạm vào đây để đóng cửa sổ và trở về màn hình chính (Hình 35) .

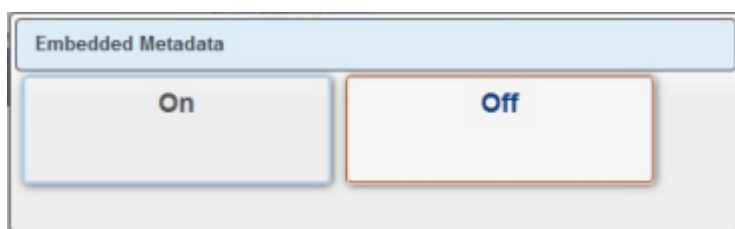
- Để liệt kê các thiết lập, nhấn vào biểu tượng mũi tên ở góc dưới bên trái của nút Có sẵn là PDF và PDF/A .



Hình 68: Danh sách các định dạng PDF có sẵn

D.2.4.12. Embedded Metadata (Đặc tính nhúng)

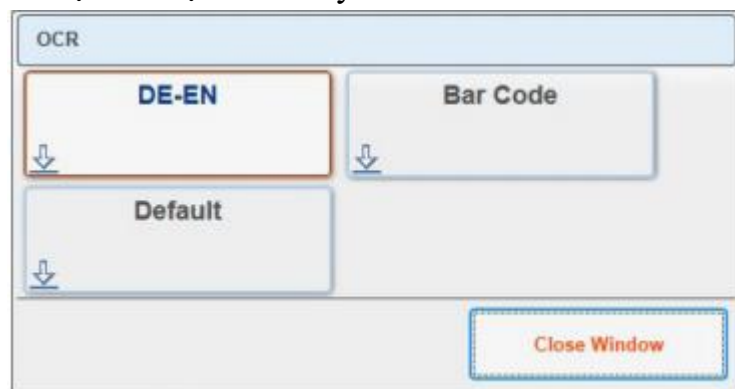
- Kích hoạt nhúng các siêu dữ liệu để các hình ảnh được quét



- Chạm vào nút và chọn Bật nhúng siêu dữ liệu
- Chọn Off để tắt chức năng

D.2.4.13. OCR

- Chọn cài đặt OCR đây



- Số lượng có sẵn OCR cài đặt trước phụ thuộc vào các thiết lập được xác định bởi người quản trị trong menu cài đặt.
- Các thiết lập có sẵn là các thiết lập mặc định.

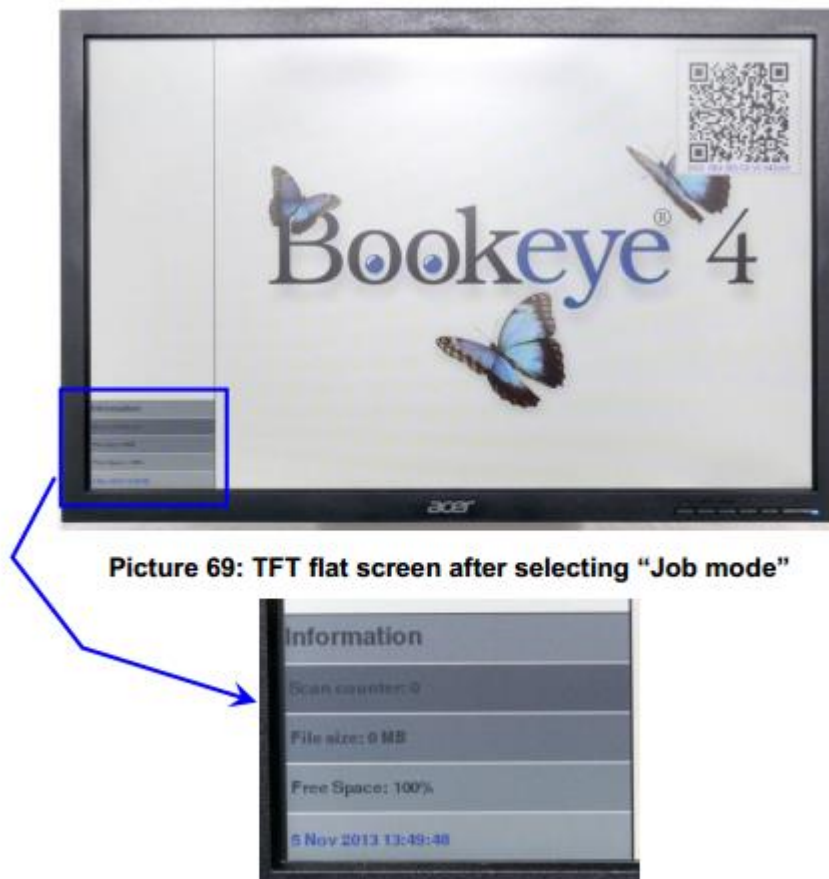
D.2.5. Chế độ công việc (Job Mode) trong ứng dụng ScanWizard

- Chế độ quét mặc định là Đơn (Singer)



Chạm vào biểu tượng này để chuyển sang chế độ công việc (Job Mode)

- Sau khi chọn chế độ công việc màn hình TFT hiển thị một "Thông tin Panel" ở lề trái



- Bảng thông tin có chứa :

Scan counter (Truy quét): Số ảnh kể từ khi bắt đầu chế độ công việc (Job Mode).

File size (Kích thước tập tin): Kích thước của tất cả các hình ảnh quét từ khi bắt đầu chế độ công việc (Job Mode).

Free Space (Không gian trống): Khối lượng lưu trữ còn lại theo phần trăm.

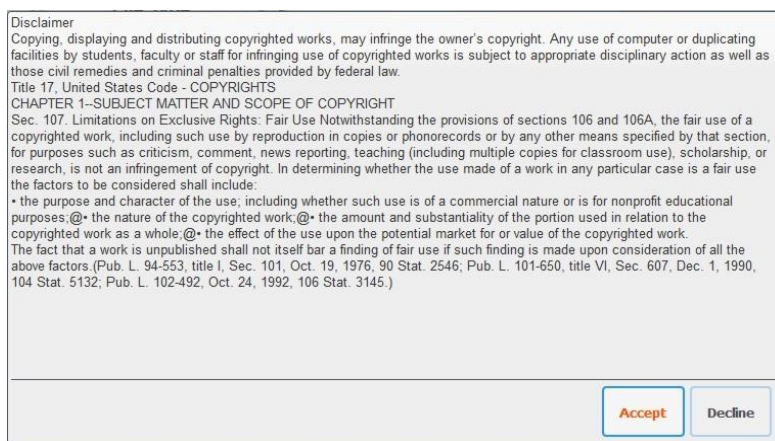
<Date Time>: Thời gian hiện tại

Nếu chế độ Job Mode đang hoạt động, chế độ Scan Wizard bắt đầu thay đổi một chi tiết trên màn hình.



Hình 70: Chế độ Job Mode trên màn hình cảm ứng

- Sau khi chạm Scan Now các màn hình hiển thị trong một cửa sổ riêng biệt từ chối trách nhiệm với những thông tin về bản quyền và các tình huống pháp lý trong khi quét tài liệu
- Từ chối trách nhiệm này phải được chấp nhận . Chạm vào nút tương ứng bên dưới văn bản từ chối trách nhiệm .








S2N_6-xx_en_001.jpg

S2N_6-xx_en_006.jpg

Drehen.jpg





Hình 71: Các ghi chú bản quyền

Trong khi quét ở chế độ công việc , một số biểu tượng ngay bên cạnh phần xem trước sẽ được kích hoạt



	Xóa hình ảnh được chọn
	Đánh dấu nơi trong danh sách các hình ảnh nên được chèn
	Di chuyển lên trên qua danh sách các hình ảnh. Di chuyển một hình ảnh được lựa chọn trở lên trong danh sách.
	Di chuyển xuống qua danh sách các hình ảnh. Di chuyển một hình ảnh được chọn xuống dưới trong danh sách.
	Chọn một hình ảnh từ danh sách. Một khung đánh dấu hình ảnh trong danh sách các hình ảnh hiển thị trên màn hình TFT

- Hình ảnh quét cuối cùng được đánh dấu bằng một biểu tượng "bút chì " trong danh sách trên màn hình ngoài
- Các thanh nút menu (hình 35 , mục 2) vẫn như cũ.




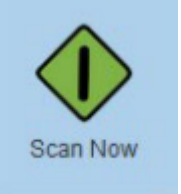
D.2.5.1. Job mode, move image (Chế độ công việc, di chuyển hình ảnh)

	<p>Sử dụng lên / xuống nút để di chuyển các khung màu xanh ở hình ảnh mong muốn đầu tiên.</p>
	<p>Sau đó chạm vào nút này . Các hình ảnh được đánh dấu bằng một khung màu đỏ; các nút riêng của mình và lên- / xuống nút được đánh dấu bằng một khung chấm đỏ .</p>
	<p>Sử dụng lên / xuống nút để di chuyển các hình ảnh được chọn vào vị trí mới của mình .</p>
	<p>Nhấn nút này một lần nữa để khóa các hình ảnh ở vị trí mới .</p>




D.2.5.2. Job mode, rescanning an image

	<p>Sử dụng lên / xuống nút để di chuyển khung màu xanh với hình ảnh đó nên được quét lại</p>
	<p>Các nút Scan Now để thay đổi rescanimage . Chạm vào nút để bắt đầu trình tự quét. Các hình ảnh sẽ được chèn vào vị trí đánh dấu.</p>


D.2.5.3. Job Mode, adding an image to the list at any position (Chế độ công việc , thêm một hình ảnh vào danh sách ở vị trí bất kỳ)

	<p>Sử dụng lên / xuống nút để di chuyển khung hình ảnh màu xanh nơi hình ảnh nên được thêm vào.</p>
	<p>Đánh dấu hình ảnh trước khi đến vị trí các hình ảnh sẽ được chèn vào.</p>
	<p>Chạm vào nút này . Một khung trống sẽ được chèn vào trước khi hình ảnh được đánh dấu.</p>
	<p>Chạm vào nút . Các hình ảnh được quét sẽ được chèn vào vị trí mong muốn .</p>

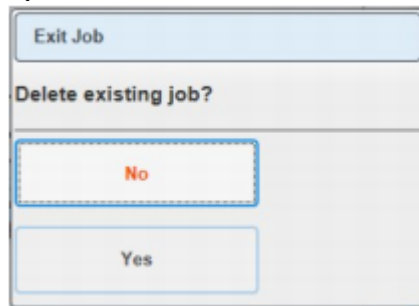
D.2.5.4. Job Mode, deleting an image (Chế độ Job Mode, Xóa một ảnh)

	Sử dụng lên / xuống nút để di chuyển khung màu xanh với hình ảnh đó nên bị xóa
	Chạm vào nút này để chọn hình ảnh. Hình ảnh được đánh dấu bằng một khung màu đỏ; các nút riêng của mình và lên-/ xuống nút được đánh dấu bằng một khung chấm đỏ.
	Chạm vào nút. Hình ảnh sẽ bị xóa. Các hình ảnh, mà sau trong danh sách, sẽ được chuyển trở lên.

D.2.5.4. Quit Job Mode (Thoát chế độ công việc)

	Chạm vào nút này để thoát khỏi chế độ công việc và trở về quét chế độ duy nhất.
---	---


- Trên màn hình cảm ứng một cửa sổ mở ra.



Hình 72: Thoát yêu cầu chế độ công việc

- Chạm vào **Yes** để xác nhận sự kết thúc của chế độ Job mode.
- Nếu không chạm vào **No** để tiếp tục quá trình quét trong chế độ Job Mode.

D.2.6 Return to Select Application Screen (Quay trở lại lựa chọn màn hình cảm ứng)

	Chạm vào nút này tại ứng dụng ScanWizard. Để trở lại màn hình cảm ứng với màn hình Select Application (Hình 34).
---	--

- Chương D.3 tới mục D.3.5 và Subchapter tương ứng của mô tả các chức năng có sẵn của ứng dụng Scan2Net.
- Để thoát khỏi ứng dụng, chạm vào một phần free trong dòng tiêu đề của ứng dụng. Xác nhận các yêu cầu bằng cách chạm vào nút STOP.

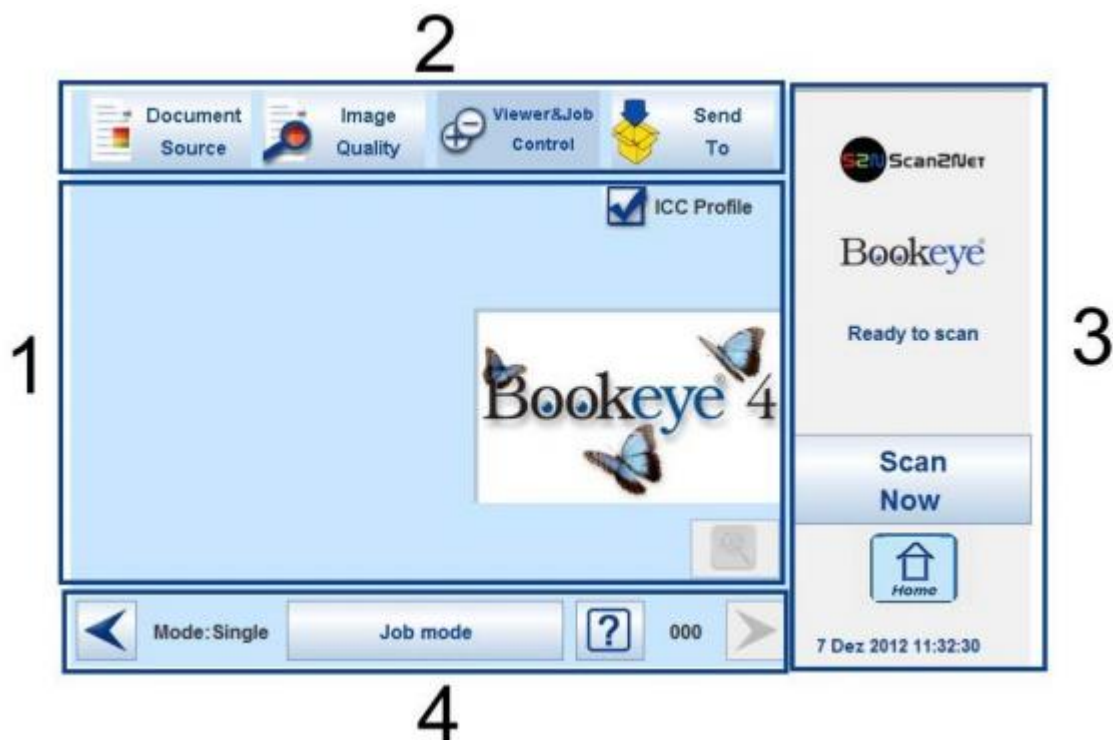
D.3 Scan2Net® Start Screen

Nói chung:

Mô tả của ứng dụng Scan2Net đề cập đến phiên bản **Scan2Net Expert**.

Phiên bản **Scan2Net Easy** đã làm giảm các thông số

Sau khi chạm Scan2Net ứng dụng kiosk bắt đầu với màn hình xem việc kiểm soát



Hình 73: Viewer & Job Control screen

- Màn hình cảm ứng được cấu trúc thành bốn phần, cho phép các nhà khai thác để kiểm soát và chọn chức năng khác nhau của máy quét.

1: Phần này cho thấy các điều khiển chính hoặc các thông số tùy thuộc vào lĩnh vực điều khiển được lựa chọn trong phần 2.

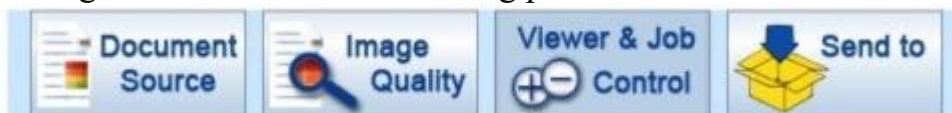
2: Các lĩnh vực điều khiển để chọn màn hình trình đơn trực tiếp.

3: Phần này cho thấy tình trạng của máy quét, ví dụ "**Ready to Scan**", cho phép bắt đầu trình tự quét bằng cách chạm **Scannow**, cho phép quay trở lại màn hình bắt đầu, và hiển thị ngày tháng và thời gian.

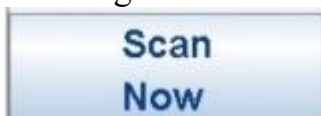
4: Nội dung của phần này thay đổi phụ thuộc vào các lĩnh vực điều khiển được lựa chọn trong phần 2. Các thông tin cụ thể hơn có thể được tìm thấy trong các chương tương ứng.

D.3.1 Control Fields of the Touchscreen (kiểm soát Fields của màn hình cảm ứng)

- Bằng cách chạm vào các nút trong phần 2 mỗi màn hình menu có thể đi thẳng



- Chương D.3.2 tới D.3.5 mô tả các chức năng của menu chi tiết.



Chạm vào nút này để bắt đầu trình tự quét.



Chạm vào nút này để quay trở lại màn hình bắt đầu từ mỗi menu khác.



Hai nút mũi tên để chuyển sang trang kế tiếp hoặc quay lại menu trước.



Chạm vào nút này để quay lại menu chính.



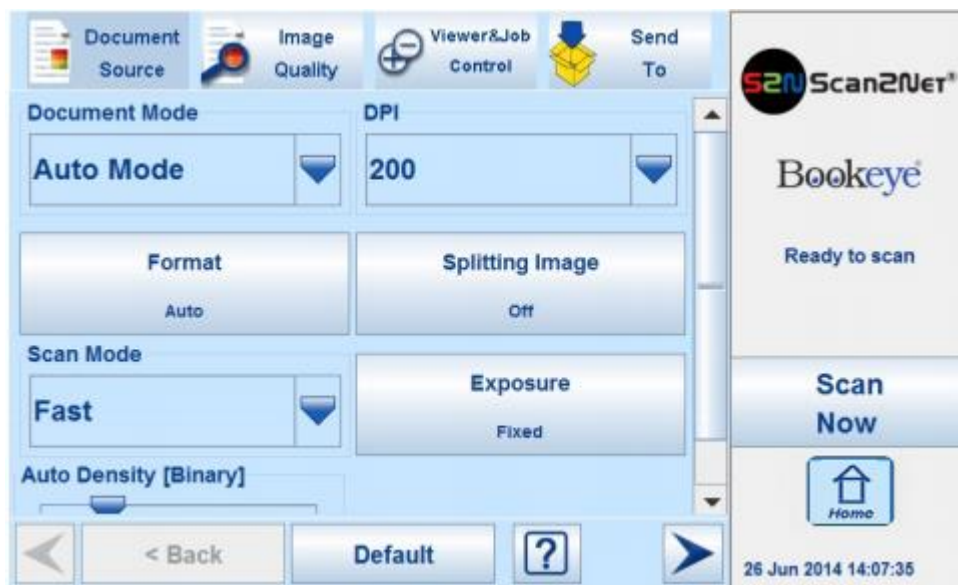
Chạm vào nút này để thiết lập các thông số cho các giá trị mặc định.



Chạm vào nút này sẽ mở ra một cửa sổ khác. Các cửa sổ bổ sung có chứa thông tin ngắn về các chức năng có sẵn.

D.3.2 Touchscreen - Document Source (Màn hình cảm ứng - Tài liệu nguồn)

Touchscreen - Document Source màn hình cho phép chọn từ một loạt các thông số quét.

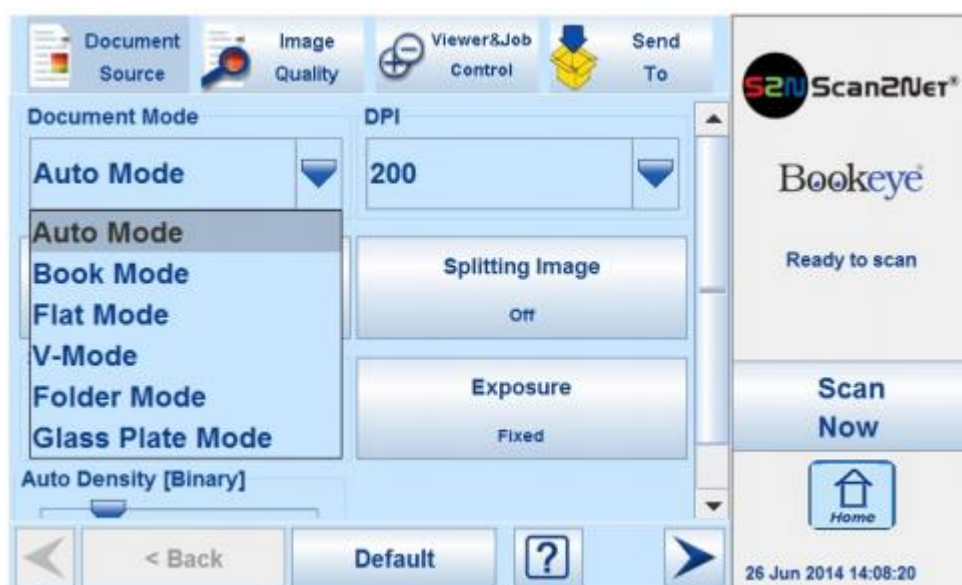


Hình 74: Document Source screen

- Nội dung của các menu mà có thể lựa chọn với các nút có thể khác nhau.
- Điều này phụ thuộc vào chế độ tài liệu được chọn.
- Sự biến động ảnh hưởng đến đặc biệt là nội dung của menu Format. Mô tả chi tiết có thể được tìm thấy trong chương D.3.2.3 và Subchapter sau.

D.3.2.1 Document Mode

- Thiết lập chế độ Document Mode xác định các phương pháp tập trung khi quét tài liệu.



Hình 75: Danh sách các chế độ tài liệu

D.3.2.1.1 Auto Mode (Chế độ tự động)

- Chế độ này sẽ tự động phát hiện vị trí của book cradle (cái nôi sách) và các loại tài liệu được quét. Tiêu cự được thiết lập tùy thuộc vào chế độ tài liệu phát hiện phù hợp nhất.
- Chế độ Auto Mode lựa chọn tự động giữa Flat Mode, Folder Mode or V-Mode.

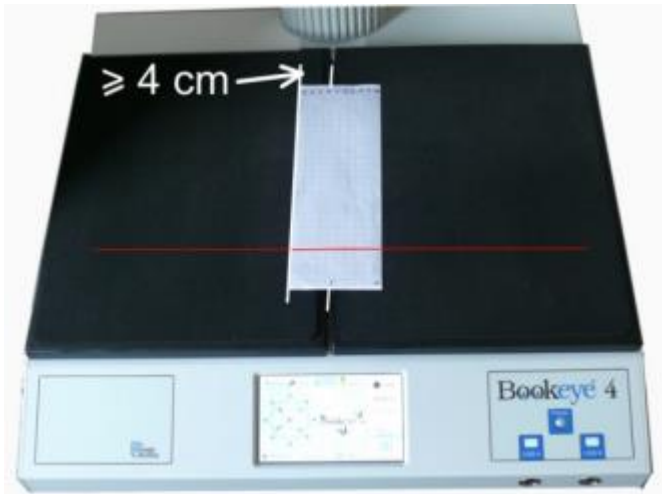
Xin lưu ý:

- Tài liệu phải luôn được đặt ở giữa ngang trên book cradle. Đường tia laser phải được nhìn thấy ở tài liệu.
- Chiều rộng tài liệu tối thiểu phải được mười centimet
- Một tối thiểu là bốn cm chiều rộng văn bản phải được đặt bên trái từ khoảng cách giữa các tấm sổ cái nôi.
- Chức năng Auto Mode. Chế độ cắt hình ảnh vào một hình chữ nhật bao gồm bốn góc tài liệu. Nếu các tài liệu không đúng đắn phù hợp với đường laser, một biên giới nhỏ màu đen sẽ hiển thị trên tài liệu.
- Nếu tài liệu là quá nhỏ, hình ảnh cho thấy các khu vực quét hoàn tất.

D.3.2.1.2 Document Position / Minimum Document Size (Chức vụ Tài liệu/ Kích thước tài liệu tối thiểu)

Xin lưu ý: Những hình ảnh sau đây cho thấy một phiên bản cũ của máy quét Bookeye 4.

- Ví dụ cho vị trí tài liệu chính xác và kết quả hình ảnh.

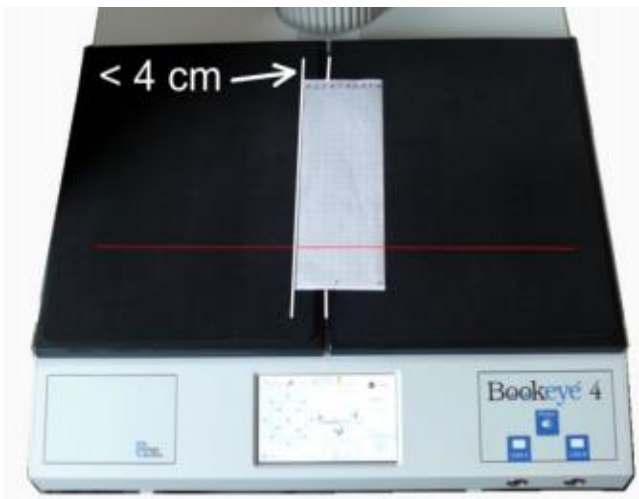


Hình 76: Tài liệu được đặt đúng



Hình ảnh chỉ hiển thị các tài liệu

Ví dụ cho vị trí tài liệu sai sự thật và kết quả hình ảnh

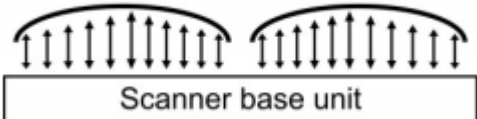
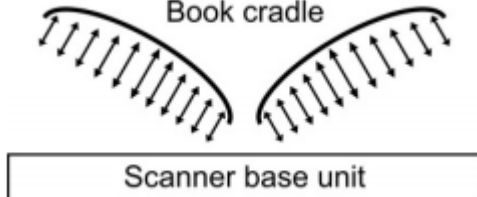


Hình 77: Tài liệu được đặt không đúng

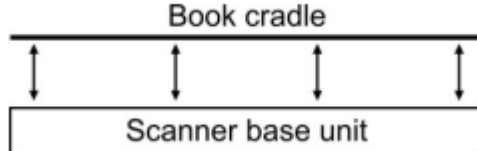


Hình ảnh cho thấy cả hai tấm book cradle

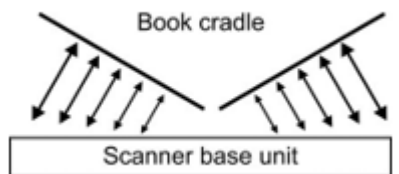
D.3.2.1.3 Book Mode (Chế độ sách)

	<ul style="list-style-type: none"> - Phương thức khuyến nghị cho sách quét. - Các cuốn sách ràng buộc cong sẽ được bồi thường và làm phẳng. Trọng tâm sẽ được thiết lập tùy thuộc vào hình thức của cuốn sách và độ cong của nó.
	<ul style="list-style-type: none"> - Trọng tâm sẽ được thiết lập tùy thuộc vào vị trí của các tấm book cradle (sổ cái nôi). - Nếu các tấm book cradle được thiết lập ở vị trí "V" tiêu cự sẽ được thiết lập tự động theo độ cong cuốn sách được phát hiện.

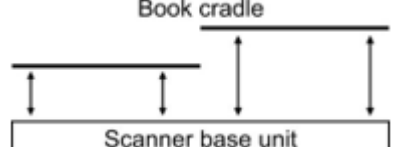
D.3.2.1.4 Flat Mode (Chế độ mặt phẳng)

	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị trọng tâm sẽ được thiết lập phụ thuộc vào chiều cao tài liệu. - Giá trị trọng tâm đo được sẽ được sử dụng cho các khu vực quét hoàn tất.
---	---

D.3.2.1.5 V-Mode (Chế độ hình chữ V)

	<ul style="list-style-type: none"> - Các tấm book cradle (cái nôi cuốn sách) được đặt ở vị trí "V". - Sự tập trung sẽ được tự động thiết lập phụ thuộc vào vị trí "V" của cái nôi sách.
---	---

D.3.2.1.6 Folder Mode (Chế độ thư mục)

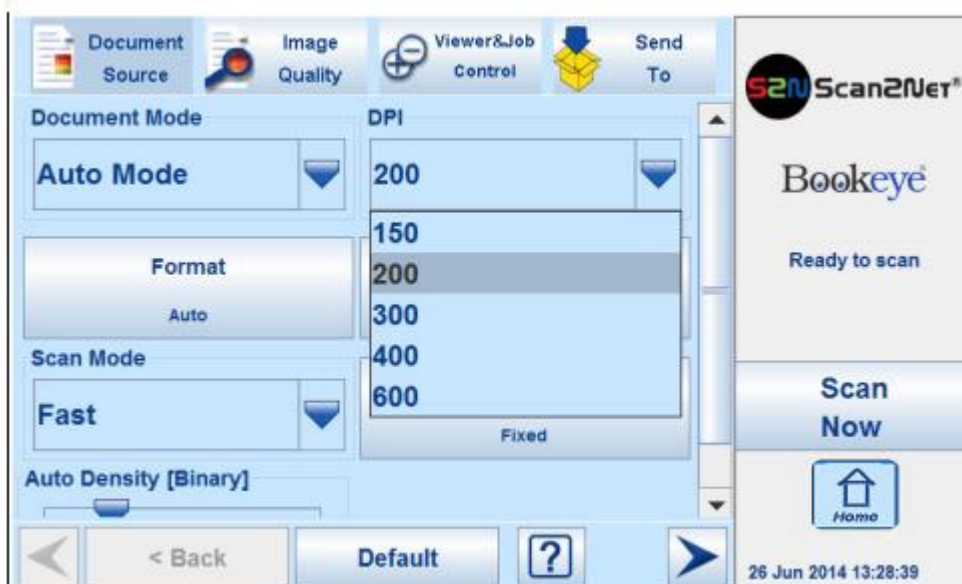
	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ giá trị tập trung riêng biệt cho các tấm book cradle bên trái và bên phải. - Chế độ này được đề nghị khi quét tài liệu với sự khác biệt chiều cao đáng kể cho mỗi bên.
---	--

D.3.2.1.7 Glass Plate Mode (Chế độ tấm kính)

- Không có sẵn với phiên bản máy quét Bookeye® 4 V3
- Chọn chế độ này nếu một tấm kính được gắn vào máy quét. Chế độ Glass Plate Mode điều chỉnh hệ thống để thiết lập các tình huống chiếu sáng đặc biệt khi quét tài liệu kết hợp với các tấm kính hình chữ V hoặc các tấm kính phẳng.

D.3.2.2 DPI (Độ phân giải)

- Thiết lập DPI cho phép lựa chọn một độ phân giải từ danh sách có sẵn các giá trị độ phân giải được hỗ trợ bởi các máy quét Bookeye® 4



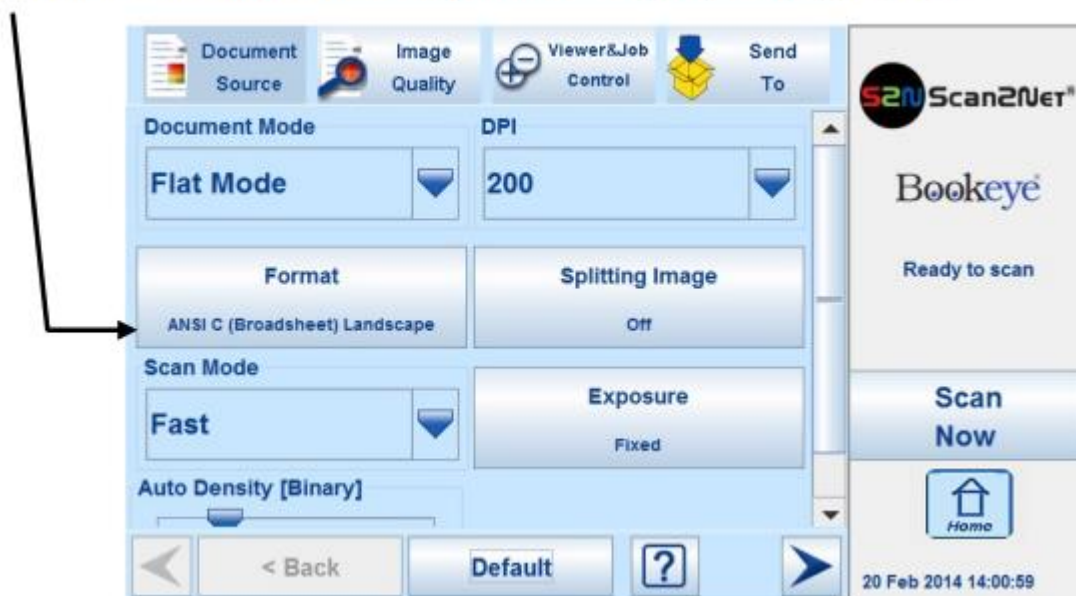
Hình 78: Danh sách các giá trị độ phân giải có sẵn tại máy quét

- Chạm vào mũi tên màu xanh bên cạnh giá trị hiện đang được chọn để mở danh sách các giá trị độ phân giải có sẵn.
- Chọn giá trị độ phân giải mong muốn bằng cách chạm vào các giá trị trong danh sách.
- Danh sách đóng cửa và giá trị được chọn sẽ được hiển thị.

D.3.2.3 Format (Định dạng)

- Nút **Format** cho phép xác định kích thước vùng quét.

Điểm mấu chốt của nút **Format** cho thấy các thiết lập định dạng hiện tại.



Hình 79: Selector for Format settings

- Tùy thuộc vào các chế độ **Document Mode** được lựa chọn, các định dạng có sẵn sẽ khác nhau.
- Chương D.3.2.3.1 mô tả sự phụ thuộc giữa Document Mode và Format.
- Các hình thức này được mô tả chi tiết trong các chương D.3.2.3.3 đến D.3.2.3.7.

D.3.2.3.1 Dependencies between Document Mode and Format (Phụ thuộc giữa chế độ tài liệu và định dạng)

- Bảng dưới đây cho thấy sự phụ thuộc giữa **Document Mode** và các thiết lập sẵn trong **Format**.

Document Mode	Format
Auto Mode	Maximum → Landscape / Portrait left / Portrait right Auto Crop and Deskew Tối đa → Cảnh / Chân dung trái/ Chân dung phải tr
Book Mode	Auto Crop and Deskew
Flat Mode	Maximum → Landscape / Portrait left / Portrait right Auto Crop and Deskew DIN
V-Mode	Maximum → Landscape / Portrait left / Portrait right Auto
Folder Mode	Maximum → Landscape / Portrait left / Portrait right Auto Crop and Deskew DIN
Glass Plate Mode	Maximum → Landscape / Portrait left / Portrait right Auto Crop and Deskew DIN

D.3.2.3.2 Finger Removal Mode

- Chức năng **Finger Removal** có sẵn với tất cả các định dạng ngoại trừ **Maximum**.
- Nó cho phép lựa chọn từ ba thiết lập. Các thiết lập được hiển thị với các hộp kiểm ở dòng dưới cùng của màn hình cảm ứng.



Hình 80: Finger Removal Modes

- Off** - Vô hiệu hóa chế độ **Finger Removal Mode**.
- Book Fan** - Các fan sách ở bên trái và bên phải sẽ được phát hiện và loại bỏ từ hình ảnh.
- On** - Các fan sách ở bên trái và bên phải sẽ được phát hiện và loại bỏ từ hình ảnh. Trong cuốn sách được giữ phẳng bởi một hoặc nhiều ngón tay, các đường viền của các ngón tay sẽ được phát hiện và loại bỏ.
- Các đường viền được phát hiện sau đó sẽ được lấp đầy với màu đen

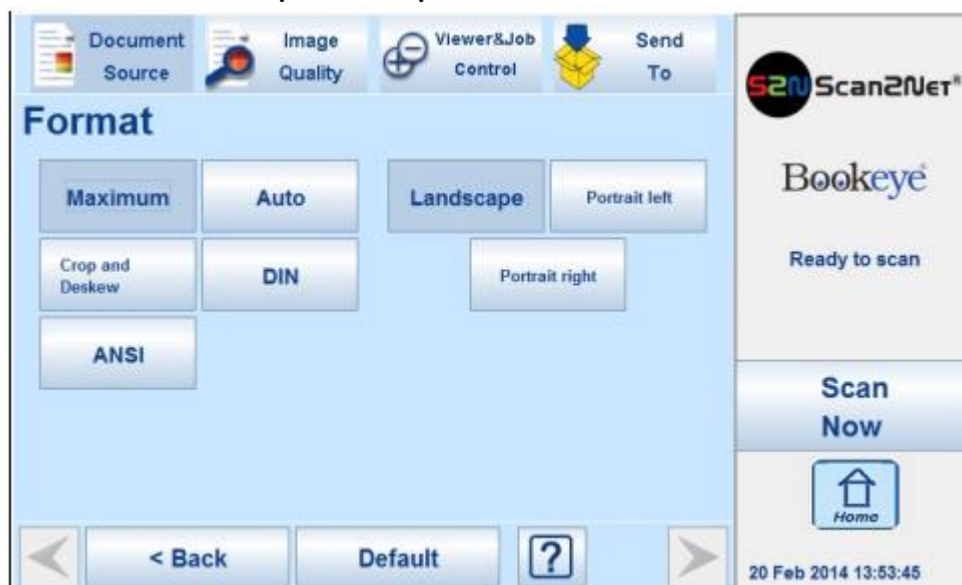
hoặc màu trắng hoặc với một mô hình tự động phát hiện. Các mô hình phụ thuộc vào màu sắc được tìm thấy trong hình dưới và trên các đường viền ngón tay.

- Đọc chương B.6 để biết thông tin chi tiết về các tiêu chuẩn và các yêu cầu của chế độ **Finger Removal**.

Xin lưu ý: Nếu tài liệu là tổ chức ở cả hai bên trong vị trí của nó, nó được khuyến khích để sử dụng bàn đạp để quét.

D.3.2.3.3 Maximum (tối đa)

- Với ba nút **Maximum** được hiển thị



Hình 81: Tham số cho định dạng tối đa

Landscape

- Quét tối đa khu vực quét trong định hướng phong cảnh

Portrait left

- Quét khu vực bên trái từ khoảng cách giữa các tấm book cradle theo hướng dọc.

Portrait right

- Quét khu vực bên phải từ khoảng cách giữa các tấm book cradle theo hướng dọc.



Nhấn vào nút này để trở về từ một menu con của menu chính

D.3.2.3.4 Auto (Chế độ tự động)

- Hoàn thành khu vực quét sẽ được quét.



Hình 82: Book Mode Formats

- Hình ảnh thu được sẽ được giảm đến kích thước tài liệu. Nếu tài liệu không phù hợp với dòng laser đỏ của hình ảnh kết quả sẽ có lẽ màu đen nhỏ nhất có thể.
- Lề đen phụ thuộc vào kích thước của hình chữ nhật trong đó bao gồm các tài liệu đầy đủ .

Ví dụ: Quét với định dạng **Auto**:

Tài liệu tại Book cradle



Kết quả hình ảnh



Nhấn vào nút này để trở về từ một menu con của menu chính.

D.3.2.3.5 Crop and Deskew

- Hoàn thành khu vực quét sẽ được quét.



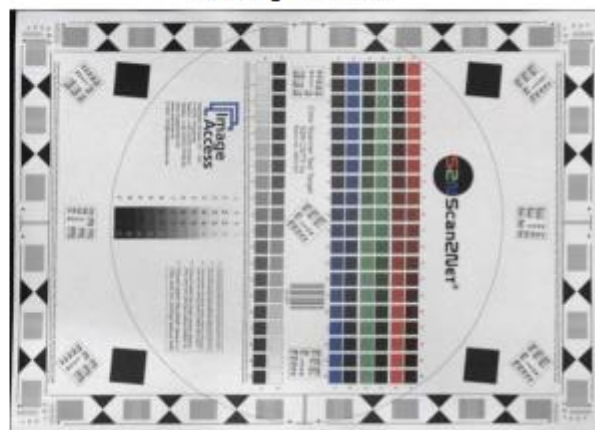
Hình 83: Crop and Deskew tại màn hình cảm ứng

- Chức năng này được dùng để căn chỉnh một tài liệu được đặt không hoàn toàn phù hợp theo chiều ngang và chiều dọc.
 - Hình ảnh thu được cho thấy các tài liệu phù hợp mà không có biên giới nào.
- Ví dụ: Quét với định dạng **Crop and Deskew**

Tài liệu tại Book cradle



Kết quả Scan



Xin lưu ý:

- Trong chế độ tài liệu **Book Mode** chức năng này không làm việc với hai trang đơn vị trí đặt ở bên trái và phải của tấm Book cradle. Hình ảnh sẽ không được sắp xếp như trong ví dụ trên cho kết quả hình ảnh scan.

- Nếu Splitting Image (tách ảnh) (xem chương D.3.2.4) đang hoạt động, hai hình ảnh sẽ được hiển thị. Mỗi hình ảnh cho thấy các tài liệu tương ứng, được bao quanh bởi một hình chữ nhật màu đen. Hình chữ nhật màu đen kèm theo các tài liệu đã hoàn thành. Hình ảnh thu được sẽ không được liên kết (= deskewed).



Nhấn vào nút này để trở về từ một menu con của menu chính.

D.3.2.3.6 DIN

- Khi lựa chọn DIN, một cửa sổ nhỏ bổ sung được hiển thị trong màn hình cảm ứng.
- Nó chứa sẵn các kích cỡ giấy DIN (= ISO).



Hình 84: Định dạng DIN (= ISO) được lựa chọn

- Tùy thuộc vào nút lựa chọn kích thước giấy cho Landscape (phong cảnh), Portrait left (chân dung trái) và Portrait right (Chân dung phải) không hoạt động (= màu xám) hoặc hoạt động.

- Nếu kích thước giấy được chọn quá lớn để có thể quét theo hướng dọc nút cho Chân dung trái và chân dung phải không hoạt động (= màu xám).

Landscape (Phong cảnh): Nhấn vào nút quét kích thước đã chọn trong định hướng phong cảnh. Vị trí quét khu vực là đối xứng với trung ngang ở lề dưới của cái nội sách.

Portrait left / Portrait right (Chân dung trái/ chân dung phải): Nhấn vào nút quét kích thước đã chọn theo hướng dọc. Bắt đầu quét khu vực còn lại tương ứng ngay từ giữa ngang ở lề dưới của cái nội sách.



Nhấn vào nút này để trở về từ một menu con của menu chính.

D.3.2.3.7 ANSI

- Khi lựa chọn ANSI, một cửa sổ nhỏ bổ sung được hiển thị trong màn hình cảm ứng.

- Nó chứa sẵn các kích cỡ giấy ANSI.



Hình 85: Danh sách các định dạng ANSI

- Tùy thuộc vào nút lựa chọn kích thước giấy cho Landscape (phong cảnh), chân dung trái và chân dung phải có thể không hoạt động (= chuyển sang màu xám gray) hoặc hoạt động.

Landscape: Nhấn vào nút quét kích thước đã chọn theo chiều ngang. Khu vực quét đối xứng với trung tâm ở lề dưới của cái nôi sách.

Portrait left / Portrait right: Nhấn vào nút quét kích thước đã chọn theo hướng dọc. Khu vực quét còn lại resp. ngay từ giữa ngang ở lề dưới của cái nôi sách.



Nhấn vào nút này để trở về từ một menu con của menu chính.

D.3.2.4 Splitting Image (Tách hình ảnh)

- Nút **Splitting Image** được sử dụng để chọn tách các tài liệu quét cho những hình ảnh đầu ra



Hình 86: Tách hình ảnh

Left: Chỉ có một nửa trái của định dạng được chọn sẽ hiển thị.

Right: Chỉ có một nửa phải của định dạng được chọn sẽ hiển thị.

Auto



Hình 87: Selecting the „Splitting Start Page“

- Hoàn thành khu vực quét sẽ được quét. Kết quả là kích thước hình ảnh sẽ được phát hiện và nó sẽ được chia thành hai phần đối xứng. Cả hai phần sẽ được hiển thị liên tục như hình ảnh riêng biệt.

- Nhấn **Scan Now** một lần nữa để hiển thị phần thứ hai của tài liệu.

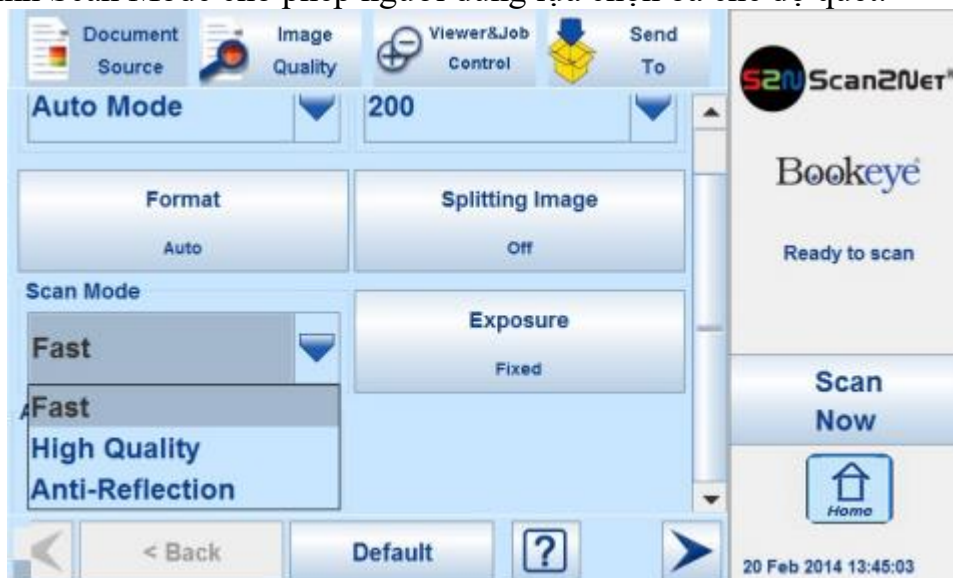
- Nếu chọn **Auto**, một bộ chọn thêm sẽ mở ra. Ở đây, trang đó sẽ được hiển thị đầu tiên có thể được lựa chọn như là một trang khởi đầu.



Nhấn vào nút này để trở về từ một menu con của menu chính.

D.3.2.5 Scan Mode (Chế độ Scan)

- Màn hình Scan Mode cho phép người dùng lựa chọn ba chế độ quét.



Hình 88: Chế độ Scan có sẵn

Một danh sách lựa chọn hiển thị các chế độ có sẵn:

Fast (nhANH)

- Quét với tốc độ bình thường. Tốc độ quét phụ thuộc vào việc lựa chọn độ phân. Điều đó có nghĩa độ phân giải cao, tốc độ quét chậm hơn

High Quality (Chất lượng)

- Tốc độ quét giảm nhưng chất lượng hình ảnh quét được cải thiện.

cao)

Anti-Reflection

- Tốc độ quét giảm. Cả hai đèn đang hoạt động trong chuỗi quét hoàn tất.

- Chế độ này làm giảm sự ánh xạ trong hình ảnh và cải thiện kết quả đáng kể trong việc quét tài liệu với bề mặt phản xạ

Nhìn chung, tốc độ quét phụ thuộc vào độ phân giải lựa chọn. Điều đó có nghĩa, các độ phân giải cao hơn, thì tốc độ quét chậm hơn.

- Để chứng minh những lợi thế của chế độ quét chống phản xạ, sử dụng một tạp chí được in ở giấy bóng.

Ví dụ 1:

Document mode: Flat mode.

Scan mode: Fast



Hình ảnh trên cho thấy có sự phản xạ đáng kể ở khu vực bên trái và bên phải của trung tâm sách.

Document mode: Flat mode.

Scan mode: Anti Reflection



Kết quả Sự phản xạ được giảm đáng kể so với những hình ảnh hiển thị trước.

Ví dụ 2:

Document mode: Book mode.

Scan mode: Fast



Document mode: Book mode.

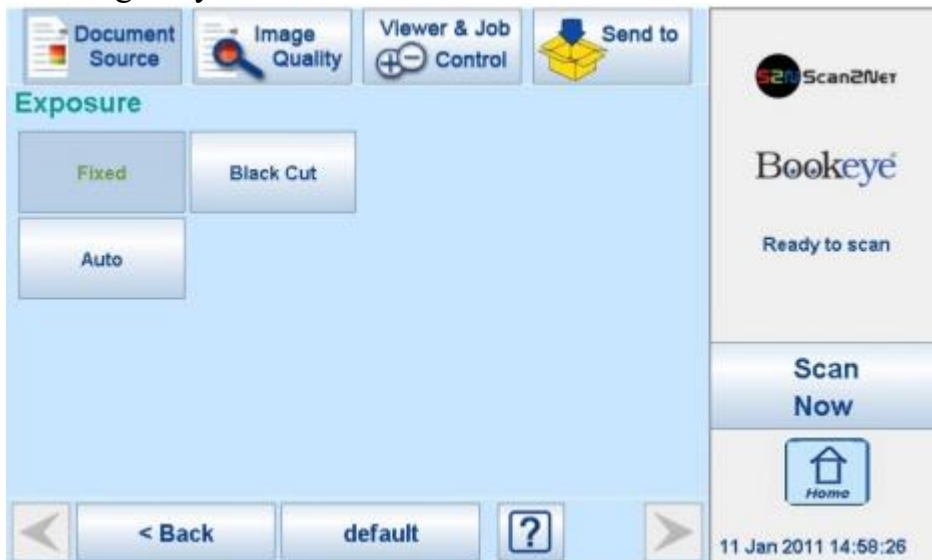
Scan mode: Anti Reflection



- Một lợi thế nữa của chế độ Book mode được thể hiện trong ví dụ 2. Độ cong của các tạp chí quét được là phẳng, kết quả được cải thiện khả năng đọc.

D.3.2.6 Exposure (Phơi sáng)

- Màn hình phơi sáng cho phép lựa chọn các chức năng **Black Cut** và **Auto**.
- **Fixed** chức năng chuyển mạch tắt.



Hình 89: Chế độ Exposure (phơi sáng)

- Khi **Black Cut** hoặc **Auto** được chọn một bàn phím số sẽ mở ra



Hình 90: Bàn phím số để thiết lập giá trị ngưỡng

Black Cut

0 (zero) to 100

- Thiết lập ngưỡng cho màu đen. Tất cả các giá trị điểm ảnh trong hình ảnh dưới đây giá trị đã chọn được thiết lập để màu đen.

- Kết quả: Sự tương phản hình ảnh được cải thiện.

Auto

0 (zero) to 100

- Thiết lập ngưỡng cho màu đen và kích hoạt phơi sáng tự động điều khiển,

- Chức năng này phân tích hình ảnh và phát hiện vùng sáng và vùng tối nhất. Phạm vi độ sáng phát hiện được mở rộng phạm vi tối đa của máy quét. Nếu tất cả các giá trị dưới ngưỡng được định nghĩa là "màu đen".

- Kết quả: Điều khiển độ tương phản tự động và độ tương phản hình ảnh được cải thiện

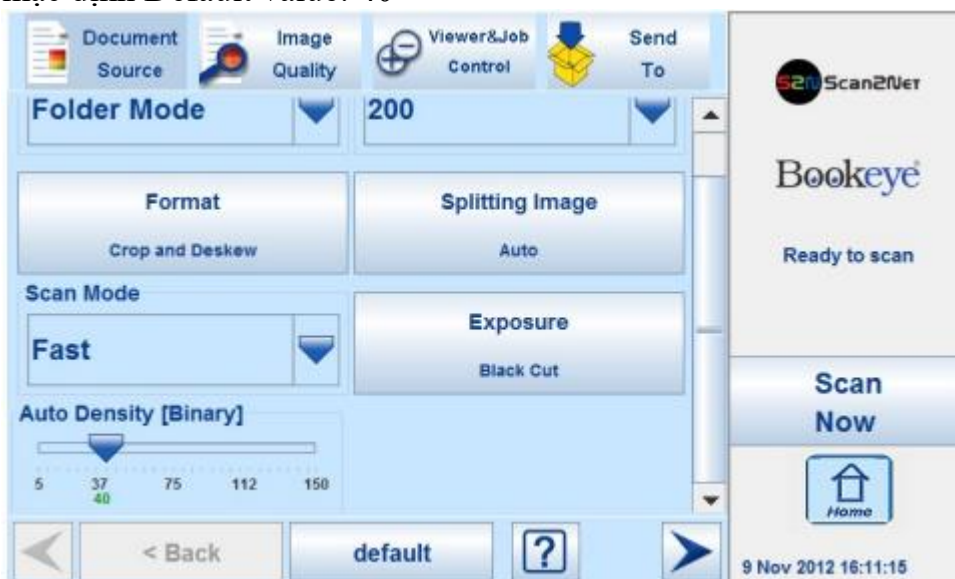
- Để thiết lập một giá trị mới, chạm trong dòng của giá trị hiển thị và xóa các giá trị với nút DEL.

- Nhập giá trị mới với bàn phím và chạm vào **Send** để gửi các giá trị mới.

D.3.2.7 Auto Density [Binary]

- Tham số này xác định độ nhạy của máy quét để phát hiện định dạng tự động.

- Giá trị mặc định Default value: 40



Hình 91: Tự động Mật độ trượt

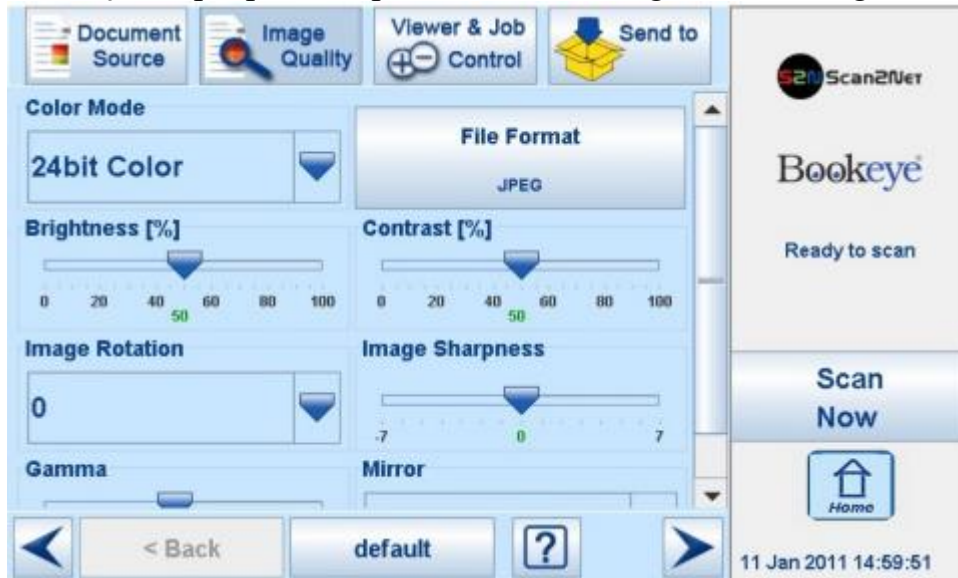
- Khi quét tài liệu tối, giá trị nên được giảm theo từng bước nhỏ cho đến khi đạt được kết quả mong muốn.

Xin lưu ý: Các giá trị số cao, độ tương phản lớn thì phải điều chỉnh giữa nền và tài liệu quét.

- Giá trị mặc định phía dưới màu xanh lá cây: "40".

D.3.3 Touchscreen – Image Quality (Màn hình cảm ứng - Chất lượng hình ảnh)

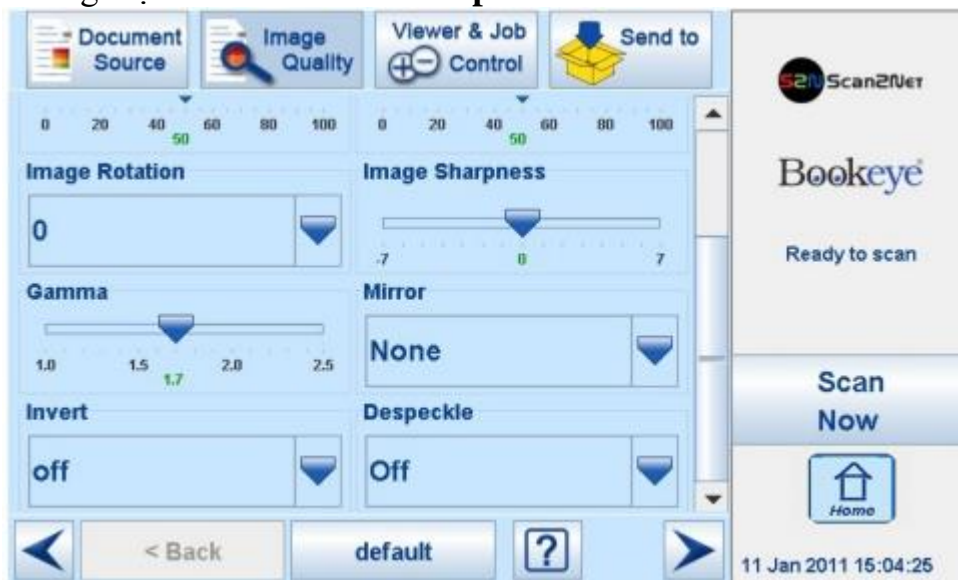
- **Image Quality** cho phép thiết lập một loạt các thông số chất lượng hình ảnh



Hình 92: Chất lượng hình ảnh 1

- Trong chế độ màu **Binary** (nhị phân) hai mục trình đơn bổ sung sẽ được hiển thị.

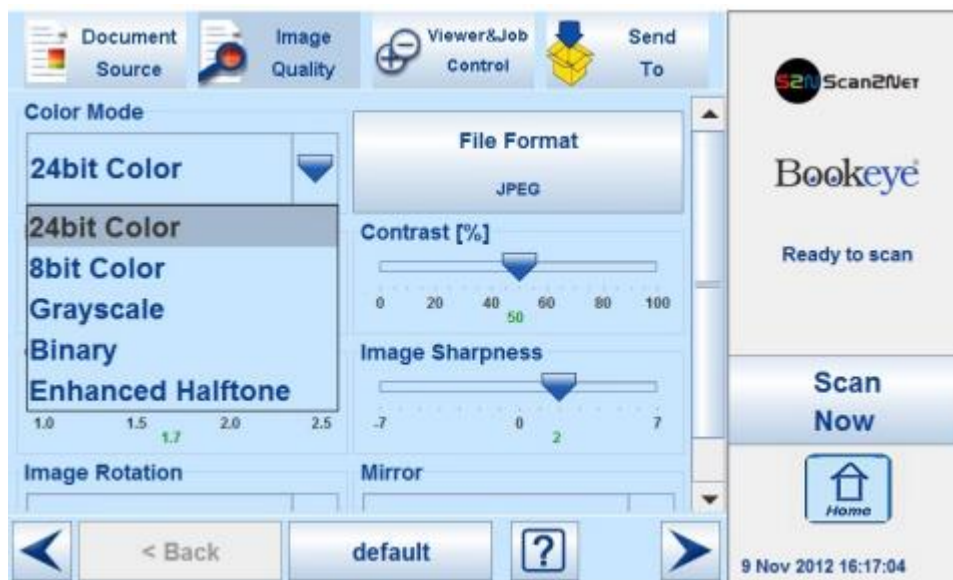
- Đây là những mục menu **Invert** và **Despeckle**.



Hình 93: Chất lượng hình ảnh 2

D.3.3.1 Color Mode (Chế độ màu)

- Bằng cách chạm vào mũi tên lựa chọn **Color Mode** phần danh sách các chế độ màu có sẵn sẽ mở ra.



Hình 94: Danh sách các chế độ màu

- Chạm vào tiêu đề của chế độ màu mong muốn để chọn chế độ. Danh sách này sẽ đóng sau đó.

- Hình 94 cho thấy các chế độ màu có sẵn.

D.3.3.2 File Format (Định dạng tập tin)

- Nhấn nút **File Format** để chọn một định dạng tập tin cho các hình ảnh.

D.3.3.2.1 JPEG



Picture 95: Submenu File Format “jpeg”

- Tùy thuộc vào các định dạng tập tin được lựa chọn, một số thông số bổ sung sẽ được hiển thị.

- Với định dạng tập tin JPEG, một giá trị cho chất lượng hình ảnh có thể được nhập bằng bàn phím số.

- Giá trị này xác định sự thỏa hiệp giữa chất lượng và tỷ lệ nén. Yếu tố chất lượng hình ảnh cao sẽ sản xuất tập tin lớn. Cài đặt mặc định là 75 là một sự thỏa hiệp tốt cho hầu hết các tài liệu.

D.3.3.2.2 TIFF



Hình 96: menu con Định dạng tập tin TIFF

- Với định dạng tập tin TIFF, phương pháp nén các tập tin có thể được lựa chọn với các nút TIFF nén.

CCITT Đề xuất với chế độ màu "Binary" (nhị phân).

G4

JPEG Đề xuất cho tất cả các chế độ màu khác

None Vô hiệu hóa việc nén dữ liệu.

D.3.3.2.3 PNM

- Với định dạng tập tin PNM, không có tham số bổ sung có sẵn.

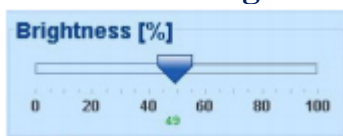
D.3.3.2.4 PDF

- Với định dạng file PDF, các phương pháp nén tương tự có sẵn như với định dạng TIFF (xem hình trên).



Nhấn vào nút này để trở về từ một menu con của menu chính.

D.3.3.3 Brightness (Mức sáng)



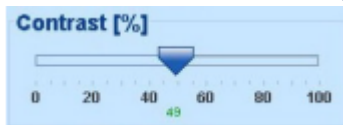
Hình 97: thanh trượt Brightness

- Thanh trượt Brightness xác định độ sáng kết quả của ảnh. giá trị độ sáng thấp hơn dẫn đến hình ảnh tối hơn, giá trị cao hơn dẫn đến hình ảnh tươi sáng hơn.

- Các giá trị gần 0% hoặc 100% có thể dẫn đến hình ảnh xấu không mong muốn.

- Di chuyển các chỉ số thanh trượt đến vị trí mong muốn để thiết lập giá trị.

D.3.3.4 Contrast (Mức tương phản)



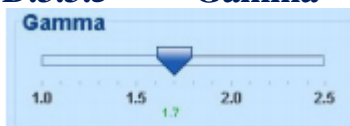
Hình 98: Độ tương phản tại thanh trượt

- Thanh trượt Contrast xác định sự tương phản trong hình ảnh. giá trị tương phản thấp dẫn đến hình ảnh "mượt mà"; giá trị cao hơn cho biết thêm chi tiết và hình ảnh trở nên "crisper".

- Các giá trị gần 0% hoặc 100% có thể dẫn đến hình ảnh xấu không mong muốn.

- Di chuyển các chỉ số thanh trượt đến vị trí mong muốn để thiết lập giá trị.

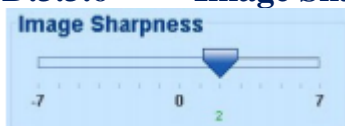
D.3.3.5 Gamma



Picture 99: Gamma slider

- Thanh trượt Gamma xác định hiệu chỉnh gamma trực tiếp bên trong các thiết bị điện tử máy ảnh. Một giá trị của 1,7 là một xấp xỉ tốt cho hầu hết các tài liệu.
- Giá trị gamma lớn cho thấy nhiều chi tiết trong vùng tối và vùng sáng nén của hình ảnh.
- Di chuyển các chỉ số thanh trượt đến vị trí mong muốn để thiết lập giá trị.

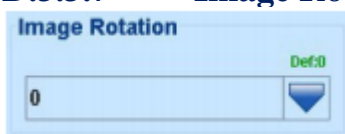
D.3.3.6 Image Sharpness (Hình ảnh độ sắc nét)



Hình 100: Hình ảnh độ sắc nét

- Thanh trượt Image Sharpness một thuật toán mài tự động tiên tiến là sắc hình ảnh trước khi bất kỳ hoạt động khác được thực hiện.
- Giá trị "zèo" vô hiệu hóa chức năng. Rất giá trị cao có thể sản xuất hiện vật tùy thuộc vào loại tài liệu.
- Di chuyển thanh trượt đến các chỉ số vị trí mong muốn để thiết lập giá trị.

D.3.3.7 Image Rotation (Xoay ảnh)



Hình 101: Xoay ảnh

- Giá trị được chọn từ danh sách xác định vòng quay của hình ảnh trong chiều kim đồng hồ. Hình ảnh sẽ được luân chuyển trực tiếp sau khi quét và trước khi hiển thị

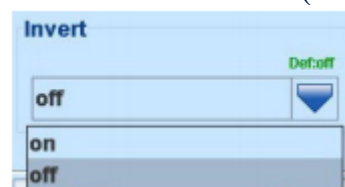
D.3.3.8 Mirror (Gương)



Hình 102: Mirror

- Việc kiểm soát này phản ánh hình ảnh dọc theo trục gương.
- Sử dụng cài đặt này có thể hữu ích nếu quét suốt từ phía sau.

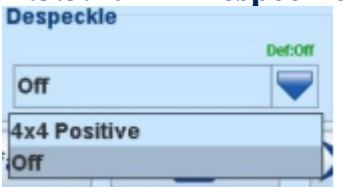
D.3.3.9 Invert (Đảo ngược)



Hình 103: Invert

- Việc kiểm soát này chỉ có sẵn với các chế độ màu **Binary** và **Photo**

D.3.3.10 Despeckle



Hình 104: Despeckle

- (Chỉ có trong chế độ màu Binary)
- các chế độ có sẵn là **4x4p** và **Off**.

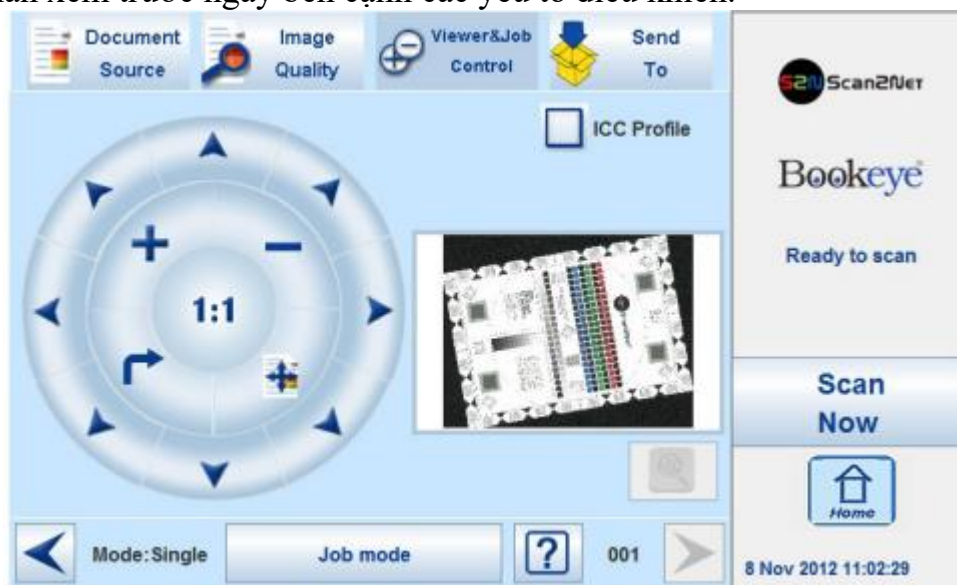
D.3.4 Touchscreen – Viewer & Job Control (Màn hình cảm ứng - Xem & Kiểm soát công việc)

- Màn hình điều khiển Viewer cho phép các nhà điều hành kiểm soát và sửa đổi hình ảnh trên màn hình phẳng TFT.

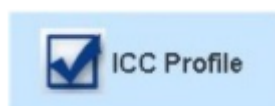


Hình 105: màn hình Viewer & việc kiểm soát

- Phần xem trước (1) đại diện cho màn hình phẳng TFT.
- Hình ảnh quét được hiển thị trên màn hình phẳng TFT và với chất lượng giảm trong phần xem trước ngay bên cạnh các yếu tố điều khiển.

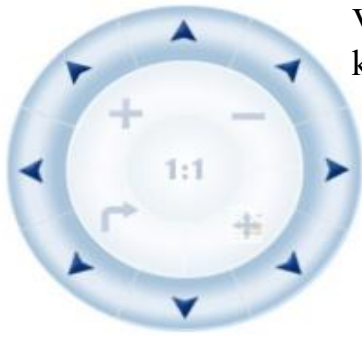


Hình ảnh 106: Hình ảnh quét trong vùng xem trước



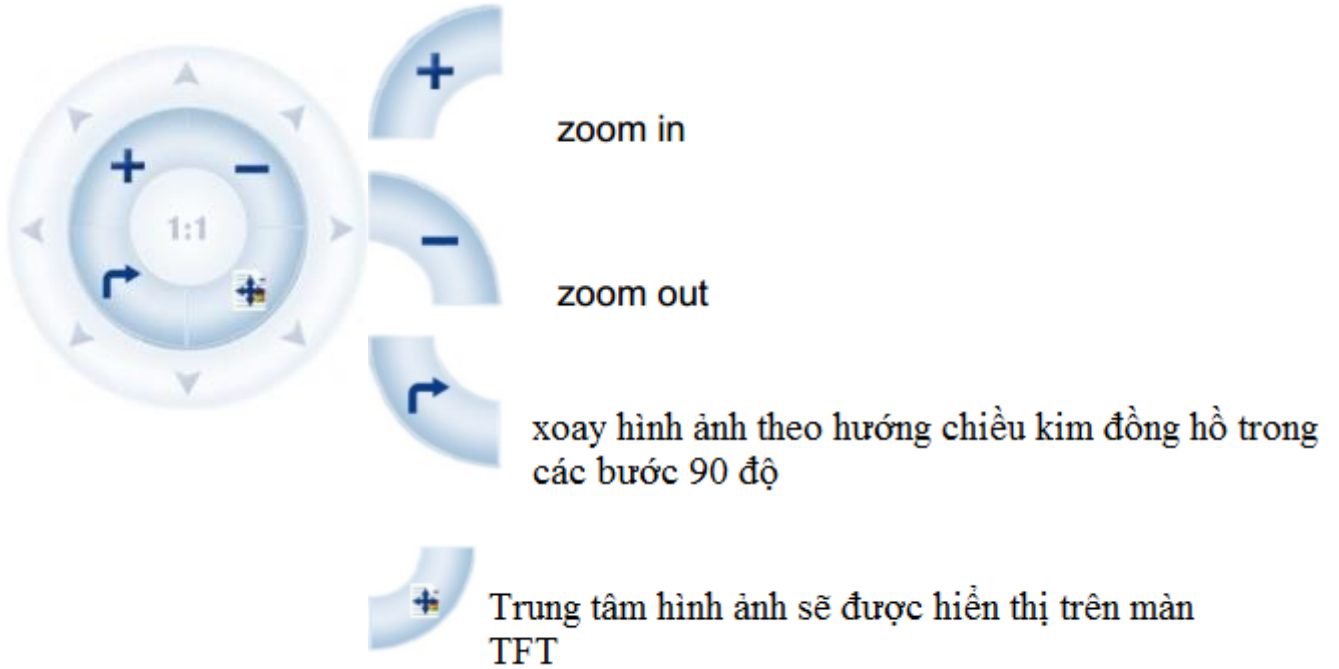
ICC profile cho màn hình ngoài được tích hợp vào hình ảnh nếu được chọn.

Bộ điều khiển được cấu trúc theo ba yếu tố vòng (vòng tròn).



Vòng tròn bên ngoài có chứa các phím để di chuyển các khu vực thu nhỏ trên ảnh.

- Vòng tròn giữa chứa các phím để



- Chạm vào biểu tượng này sẽ hiển thị hình ảnh với kích thước chuẩn (100%), tùy thuộc vào độ phân giải được lựa chọn để quét.



- Chạm vào biểu tượng này sẽ hiển thị hình ảnh hoàn chỉnh trên màn hình phẳng TFT. Hình ảnh sẽ được thu nhỏ đến một kích thước phù hợp với kích thước màn hình.

Bảng 1: Vòng tròn điều khiển và chức năng của nó

D.3.4.1 Zonal OCR

- Máy quét Bookeye® 4 cung cấp một chức năng OCR.
- Trước khi sử dụng OCR, nó là cần thiết để thiết lập các thông số quét như sau:
- Format: |Cut & Deskew:
- Độ phân giải: Giữa 300 dpi và 600 dpi

- Định dạng file: PDF
- Quét tài liệu. Phần xem trước của màn hình cảm ứng cho hình ảnh với độ phân giải giảm. Sau khi quét, nút OCR bên dưới phần xem trước đang hoạt động.



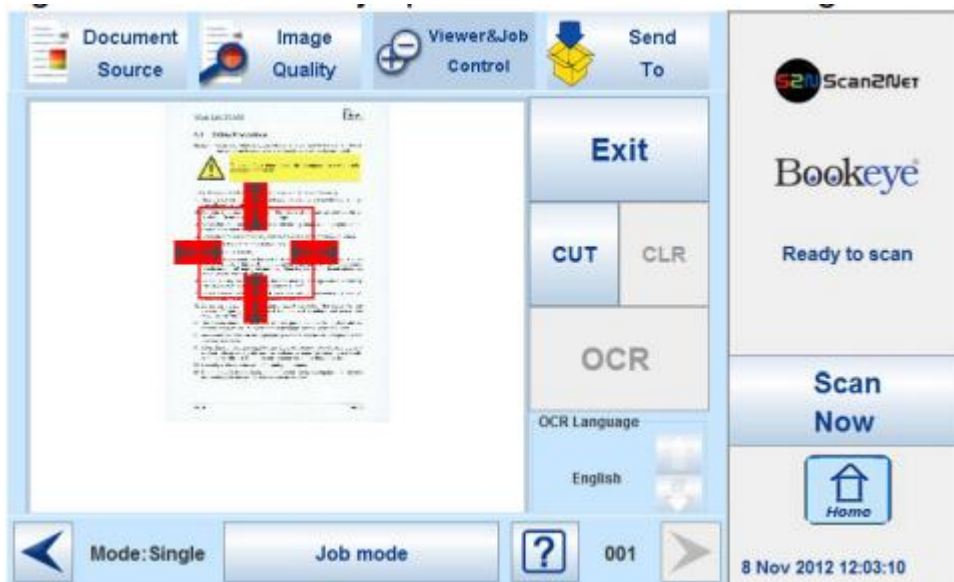
Hình 107: nút kích hoạt OCR

- Nhấn nút OCR. Sự thay đổi màn hình cảm ứng và hiển thị hình ảnh và nút điều khiển cho chức năng OCR.



Hình 108: OCR touchscreen

- Chạm vào hình ảnh ở một vị trí tùy ý. Một hình chữ nhật màu đỏ sẽ được hiển thị



Hình 109: Hình chữ nhật xác định khu vực cho chức năng OCR

Exit: Nhấn Exit để trở về màn hình trước đây.

CUT: Nhấn vào nút Cut. Màn hình tiếp theo sẽ hiển thị khu vực được xác định chi tiết hơn.

CLR: Nhấn CLR để xóa các khu vực được xác định.

OCR: Nhấn OCR để bắt đầu quá trình OCR.

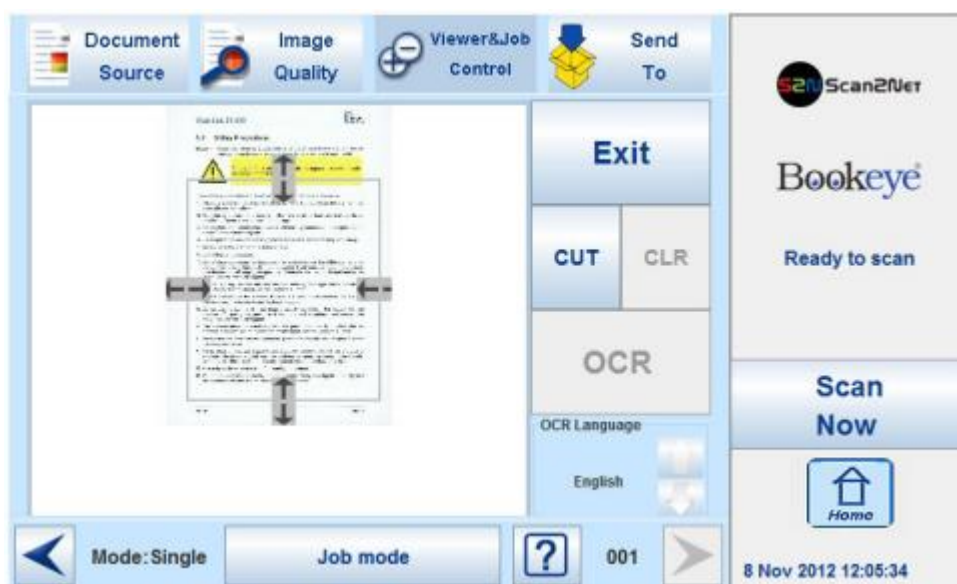
OCR Language: Nhấn mũi tên lên / xuống để chọn một ngôn ngữ được sử dụng cho quá trình OCR.

- Lúc đầu, chỉ **CUT** đang hoạt động.

- Chạm vào mũi tên ở hai bên của hình chữ nhật để xác định kích thước và vị trí của khu vực nơi mà chức năng OCR nên được thực thi.

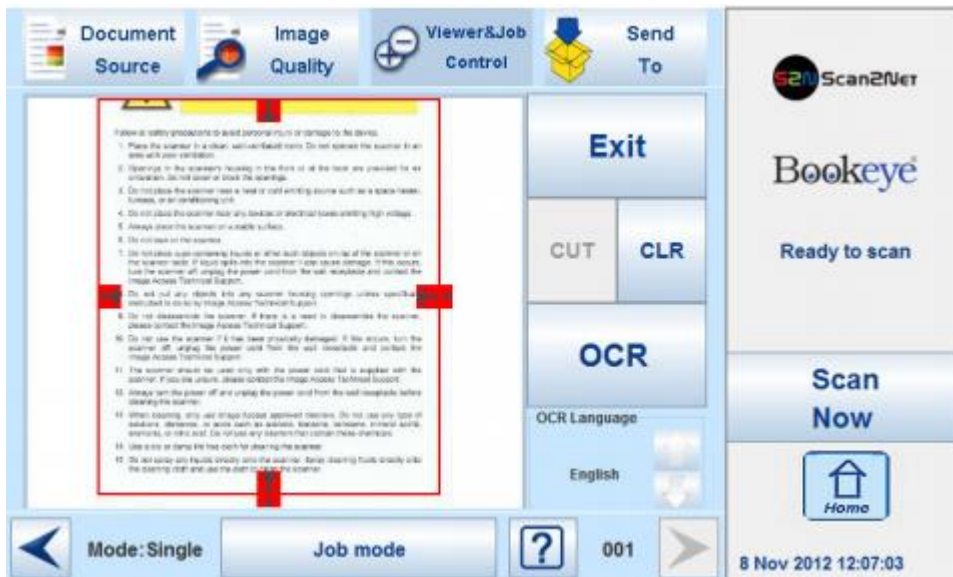
- Đây là bước đầu tiên và có thể được hiểu như là một "pre" -selection.

- Bất cứ khi nào kích thước của hình chữ nhật đã được sửa đổi, nó thay đổi màu sắc từ "đỏ" thành "màu xám".



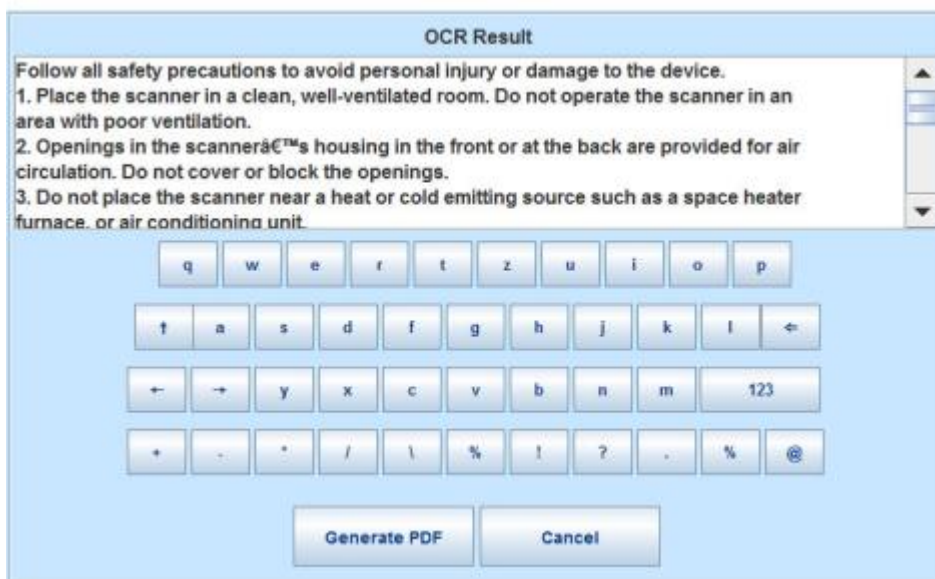
Hình 110: Pre lựa chọn khu vực chọn

- Nhấn CUT để tách khu vực được xác định trước đó từ hình ảnh hoàn chỉnh và hiển thị nó chi tiết



Hình 111: Khu vực đã chọn phóng to

- Màn hình tiếp theo cho thấy khu vực được lựa chọn phóng to và cho phép một lần nữa xác định một khu vực cho quá trình OCR.
- Nhấn OCR để bắt đầu quá trình OCR.
- Nhấn CLR để trở về màn hình cũ và lặp lại các định nghĩa của khu vực OCR.
- Kết quả của quá trình OCR sẽ được hiển thị trong màn hình cảm ứng.



Hình 112: Kết quả OCR

- Kết quả OCR chỉ hiển thị các văn bản đơn giản với đường feeds.
- Văn bản có thể được chỉnh sửa bởi người sử dụng với bàn phím hiển thị ở màn hình cảm ứng.

Generate PDF: Tạo tập tin PDF của văn bản, phát hiện bởi phân tích OCR.

- Màn hình cảm ứng sẽ trở lại **Viewer&Job control screen** (Hình 105).
- Nhấn nút **Send to** để lưu hình ảnh cùng với văn bản dưới dạng file PDF.

D.3.4.2 Job Mode

- Điểm mấu chốt của màn hình **Viewer & Job Control** là khác nhau vào dòng dưới cùng của màn hình khác.



Picture 113: Bottom line with status

- Các chương trình mẫu chốt
- Tình trạng chế độ quét hiện hành,
- nút để chuyển sang chế độ công việc giữa **Singer** và **Job Mode**.
- một truy cập quét giữa biểu tượng dấu hỏi và biểu tượng "mũi tên bên phải".
- Chế độ quét mặc định là **Singer**. Nút cho thấy các chế độ quét có thể lựa chọn.
- Sau khi chọn chế độ công việc màn hình phẳng TFT hiển thị một "Thông tin Panel" ở bên trái.

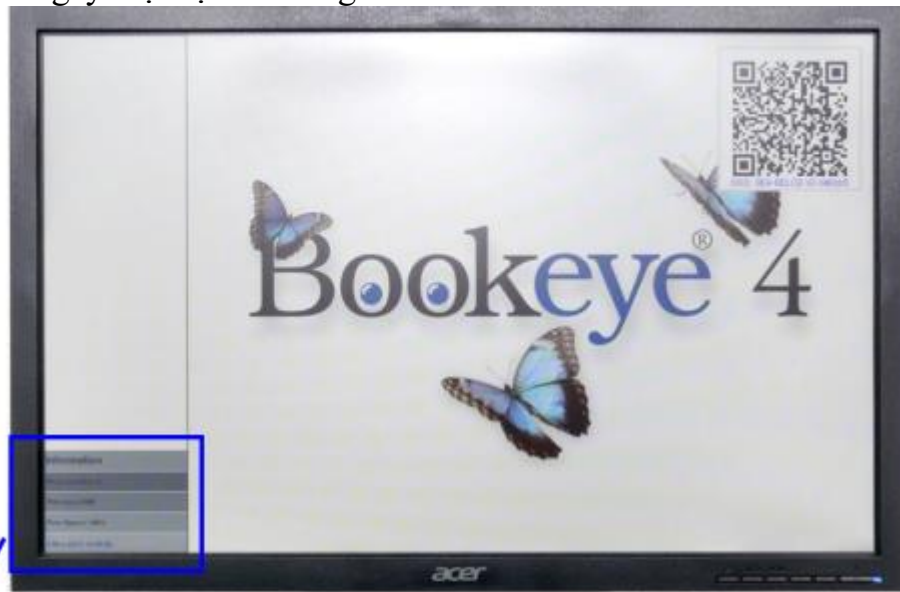
Bảng thông tin có chứa:

Scan counter: Số ảnh kể từ khi bắt đầu chế độ công việc.

File size: Kích thước của tất cả các hình ảnh quét từ khi bắt đầu chế độ công việc.

Free Space: Còn lại khối lượng lưu trữ theo phần trăm.

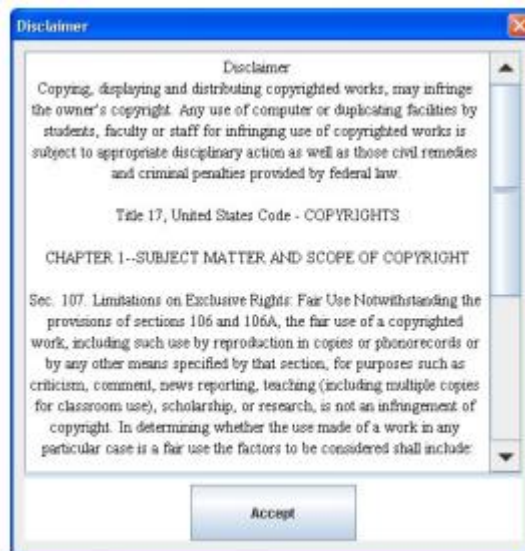
<Date Time>: ngày hiện tại và thời gian



Picture 114: TFT flat screen after selecting "Job mode"



- Trước khi quét màn hình cảm ứng hiển thị một thông báo từ chối trách nhiệm, trong đó có được chấp nhận.



Hình 115: Khước từ khi bắt đầu chế độ Job mode

- Sau khi chấp nhận từ chối trách nhiệm, màn hình **Viewer&Job Control** sẽ mở.
- Nó chứa một số nút điều khiển bổ sung nêu trên và phía dưới của phần xem trước.



Hình 116: Job mode start screen

D.3.4.2.1 Navigating through the list of images (Duyệt qua danh sách hình ảnh)

- Các nút điều khiển cho phép chuyển hướng thông qua danh sách các hình ảnh quét và xử lý hình ảnh trong khi làm việc trong chế độ **Job Mode**.
- Hình ảnh hiện quét luôn được hiển thị trong phần xem trước của màn hình cảm ứng và sẽ được thêm như là hình ảnh cuối cùng vào danh sách hiển thị ở màn hình phẳng TFT.
- Chức năng của các nút điều khiển:



Chuyển lên / xuống qua danh sách các hình ảnh để đánh dấu một tấm ảnh.



Chọn một hình ảnh từ danh sách. Một khung màu đỏ đánh dấu hình ảnh.



Chọn vị trí nơi hình ảnh sẽ được chèn vào.



Xóa hình ảnh được chọn.

- Sau khi một hình ảnh đã được chọn từ danh sách, nó được đánh dấu trong danh sách với một khung tối.
- Các nút điều khiển cho các hành động có sẵn sẽ được kích hoạt, chúng sẽ được hiển thị đầy đủ màu sắc.
- Hình ảnh quét cuối cùng được đánh dấu bằng một biểu tượng "bút chì" trong danh sách. Hình ảnh có thể được sửa đổi với các chức năng trong phần **Image Quality**.



Hình 117: vòng tròn điều khiển trống rỗng

Sau khi chọn một hình ảnh cho rescanning, nút



thay đổi



D.3.4.2.2 Moving an image to another position (Di chuyển ảnh đến một vị trí khác)



- Sử dụng nút lên / xuống nút để đánh dấu hình ảnh được chuyển



- Nhấn nút này để chọn hình ảnh. Hình ảnh có thể được di chuyển với nút lên / xuống đến vị trí mới.

- Nhấn nút này một lần nữa để đặt hình ảnh ở vị trí mới.

D.3.4.2.3 Adding an image at any position to the list (Thêm một hình ảnh bất kỳ vào vị trí)

- Sử dụng nút lên / xuống để di chuyển đến vị trí mà hình ảnh mới sẽ được thêm vào.



- Nút điều khiển này làm tối nền của khung chọn. Hình ảnh thêm sẽ được chèn vào trước các hình ảnh được chọn. Danh sách ảnh sẽ được đánh số lại.



- Nhấn nút **Scan Now** để bắt đầu quét và thêm một hình ảnh mới vào danh sách ở vị trí được chọn.

D.3.4.2.4 Deleting an image from the list (Xóa một hình ảnh từ danh sách)

- Sử dụng nút lên / xuống để di chuyển đến hình ảnh đó sẽ bị xóa.



- Sử dụng nút này để chọn hình ảnh bị xóa.



- Nhấn vào nút này để xóa các hình ảnh được chọn

D.3.4.2.5 Rescan an image (Quét lại một hình ảnh)

- Sử dụng nút lên / xuống để di chuyển đến hình ảnh mà nên được quét lại



- Sử dụng nút này để chọn hình ảnh.



- Nhấn vào nút này để quét lại hình ảnh. Hình ảnh sẽ được chèn vào vị trí chọn.

D.3.4.2.6 Finalizing the Job mode (Hoàn thiện chế độ công việc)

- Trước khi hoàn thiện chế độ Job mode các hình ảnh quét có thể được chuyển đến các địa điểm khác nhau.



Hình 118: Điểm đến để hoàn thiện chế độ công việc

- Các điểm đến là giống hệt nhau đến các địa điểm được mô tả trong chương D.3.5 và Subchapter nó.

- Trước khi chế độ Job mode sẽ được hoàn tất, một thông báo được hiển thị ở màn hình cảm ứng.



- Xác nhận thông điệp để hoàn thiện chế độ **Job Mode** hoặc chọn **No** để trở lại menu.

D.3.4.2.7 Job mode time out (Thời gian chờ chế độ công việc)

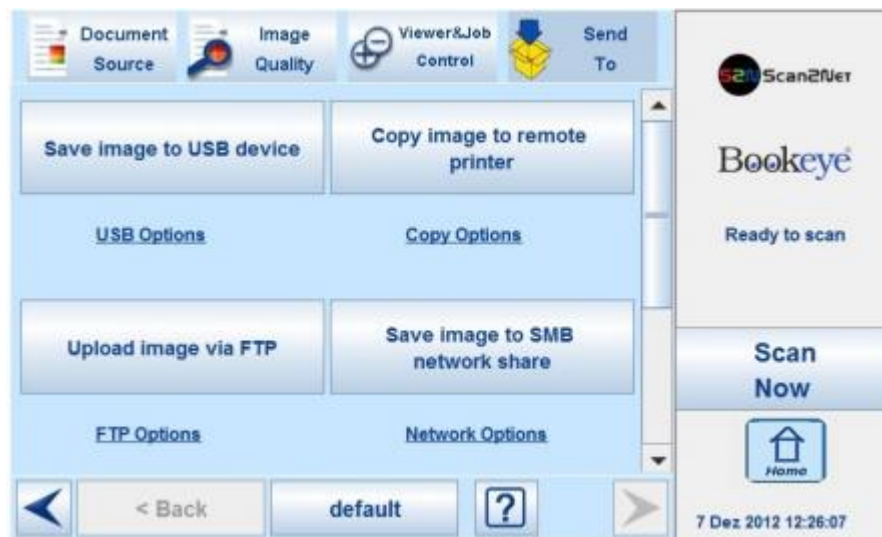
- Sau hai phút không hoạt động chế độ **Job Mode** được hoàn thành tự động.
- Một hộp thông báo hiện lên và cảnh báo âm thanh.



Hình 119: Thông tin khi thời kết thúc

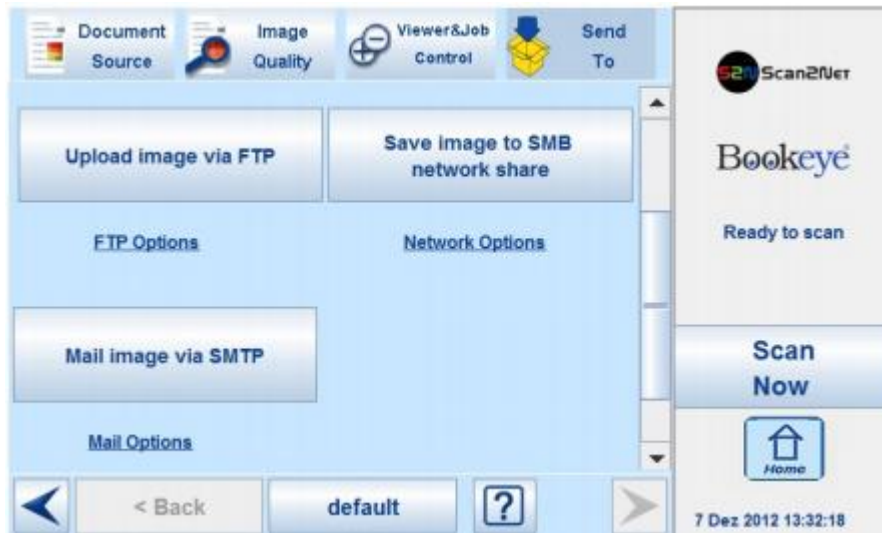
D.3.5 Touchscreen – Send To

- Menu này cung cấp các tùy chọn đầu ra để truyền hình ảnh quét đến đích mong muốn.



Hình 120: "Send To" screen #1

- Do kích thước của màn hình cảm ứng, không phải tất cả các tùy chọn đầu ra có thể được hiển thị cùng một lúc. Bằng cách sử dụng thanh cuộn ở phía bên phải, nội dung của menu có thể được di chuyển.
- Di chuyển thanh cuộn để hiển thị tất cả các tùy chọn đầu ra trên màn hình cảm ứng.



Hình 121: "Send To" screen # 2

- Khi nhấn vào liên kết bên dưới nút tương ứng, nội dung màn hình cảm ứng thay đổi và hiển thị màn hình tùy chọn.
- Các chương D.3.5.2 đến D.3.5.6 mô tả các tùy chọn để thay đổi hoặc thiết lập từ màn hình cảm ứng.

D.3.5.1 Changing a file name or other entries (Thay đổi tên File hoặc mục khác)

- Trong một số các trình đơn tùy chọn tên tập tin có thể được thay đổi.
- Để thay đổi tên tập tin, chạm vào dòng tương ứng.
- Màn hình thay đổi với một bàn phím chữ và số.

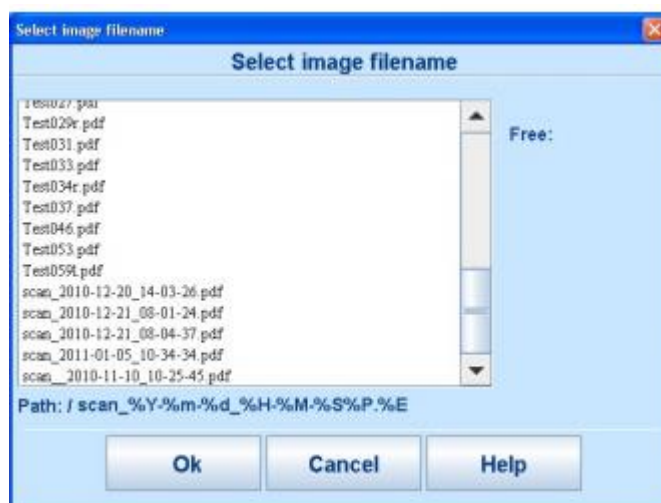


Hình 122: chữ và bàn phím

- 1: Sử dụng các phím mũi tên để đặt con trỏ vào dòng.
 - 2: Sử dụng phím này để xóa các ký tự.
 - 3: Sử dụng nút này để chuyển đổi giữa các bàn phím.
- Ok:** Chạm vào nút này để xác nhận các mục mới và để trở về màn hình trước đây.
Cancel: Chạm vào nút này để loại bỏ các mục mới và để trở về màn hình trước đây.

D.3.5.2 USB Options (Tùy chọn USB)

- Hai cổng USB có sẵn ở phía trước của máy quét để kết nối, chuyển dữ liệu USB.
- Chạm **USB Options** hiển thị các thư mục của một dữ liệu USB kết nối.



Hình 123: Directory of connected USB data carrier

- Trong khi các thư mục chuyển dữ liệu USB được hiển thị, đèn LED của kết nối tương ứng liên tục được nhấp sáng.

- Chạm vào **Ok** hoặc **Cancel** để ngừng hiển thị các thư mục của USB.

Xin lưu ý: Khi đèn LED màu xanh dừng nhấp nháy, dữ liệu truyền có thể vẫn đang được tiến hành. Trước khi rút các USB, nên chờ đợi một vài giây để tránh mất dữ liệu.

D.3.5.2.1 List of suitable USB storage media (Danh sách các phương tiện lưu trữ USB phù hợp)

- Danh sách dưới đây phù hợp để kết nối lưu trữ USB.

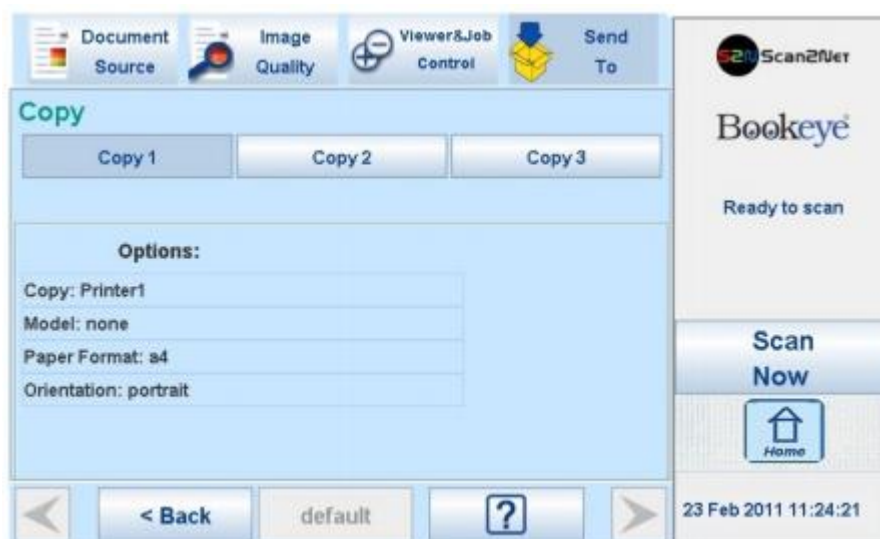
- Thẻ nhớ USB,
- Đĩa cứng USB,
- Đĩa cứng USB mà không cần phân vùng, với một hoặc nhiều phân vùng, định dạng với hệ thống tập tin UDF, FAT, FAT16, VFAT, FAT32, NTFS, EXT2, EXT3 hoặc ReiserFS

- Các hệ thống tập tin EXT4, btrfs, XFS, ZFS hay exFAT hiện sẽ không được hỗ trợ.

D.3.5.3 Copy Options (Tùy chọn Sao chép)

- Chạm **Copy Options** để chuyển sang màn hình với các cấu hình tùy chọn sao chép cài sẵn

- Ba lựa chọn cài đặt trước có thể được lưu trữ và kích hoạt với các nút Copy 1 đến Copy 3.

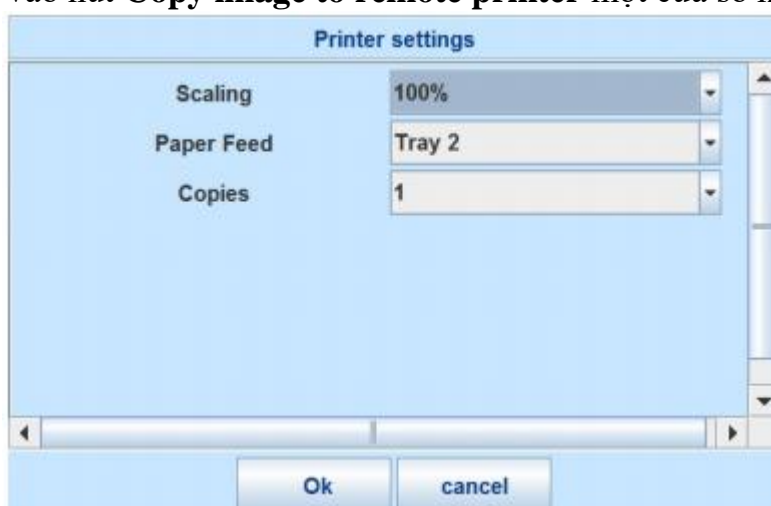


Hình 124: Các thông số của Copy Options

- Các thông số hiển thị trong hình trên chỉ có thể được thay đổi từ giao diện cài đặt **Scan2Net®**, mức độ sử dụng **Power User**.

D.3.5.3.1 Printer Settings

- Sau khi nhấn vào nút **Copy image to remote printer** một cửa sổ khác sẽ mở ra.



Hình 125: Cửa sổ cài đặt máy in

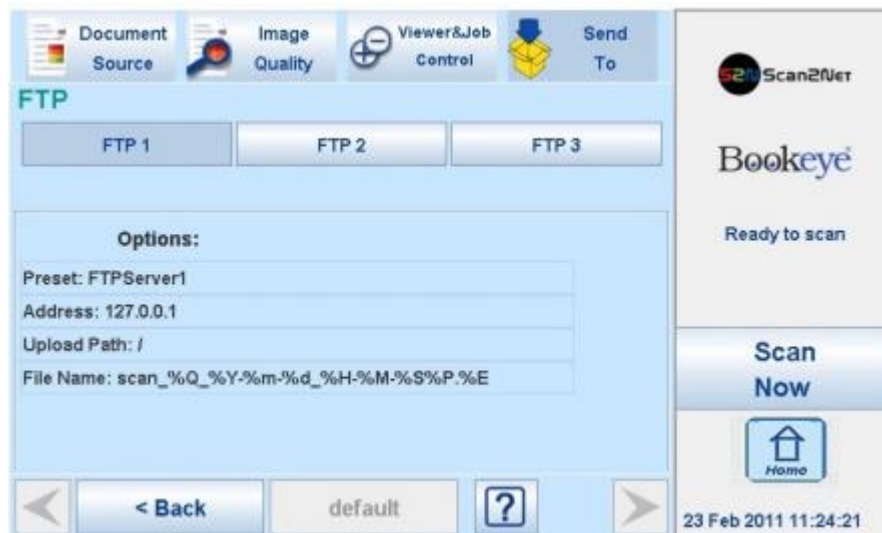
- Ở đây người dùng có thể lựa chọn độ phóng (Scaling) của hình ảnh, nguồn giấy và số lượng bản sao.

- Nội dung của mỗi dòng phụ thuộc vào các tính năng của máy in được kết nối.

D.3.5.4 FTP Options

- Chạm vào **FTP Options** để chuyển sang màn hình với các cấu hình máy chủ FTP cài sẵn.

- Ba máy chủ **FTP** cài sẵn có thể được lưu trữ và kích hoạt với các nút **FTP 1** tới **FTP 3**.

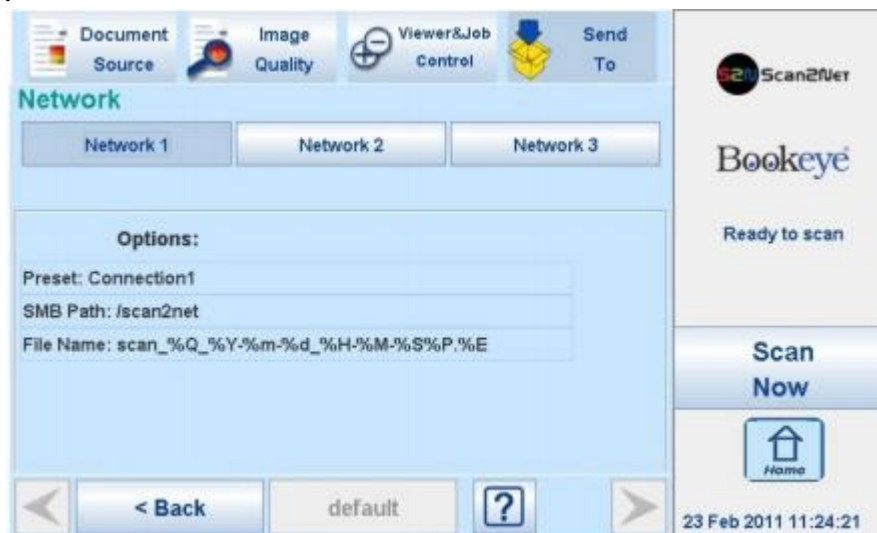


Hình 126: Các thông số FTP Optinos

- Từ màn hình cảm ứng, chỉ cho mục **File Name** có thể được thay đổi.
- Để thay đổi mục, chạm vào dòng tương ứng.
- Chương D.3.5.1 mô tả cách các mục có thể được thay đổi.
- Tất cả các thông số khác phải được thay đổi từ giao diện cài đặt Scan2Net® , mức độ sử dụng **Power User**.

D.3.5.5 Network Options

- Chạm vào **Network Options** để chuyển sang màn hình hiển thị các cấu hình mạng cài sẵn.
- Ba cấu hình cài đặt trước có thể được lưu trữ và kích hoạt với các nút **Network 1** tới **Network 3**.

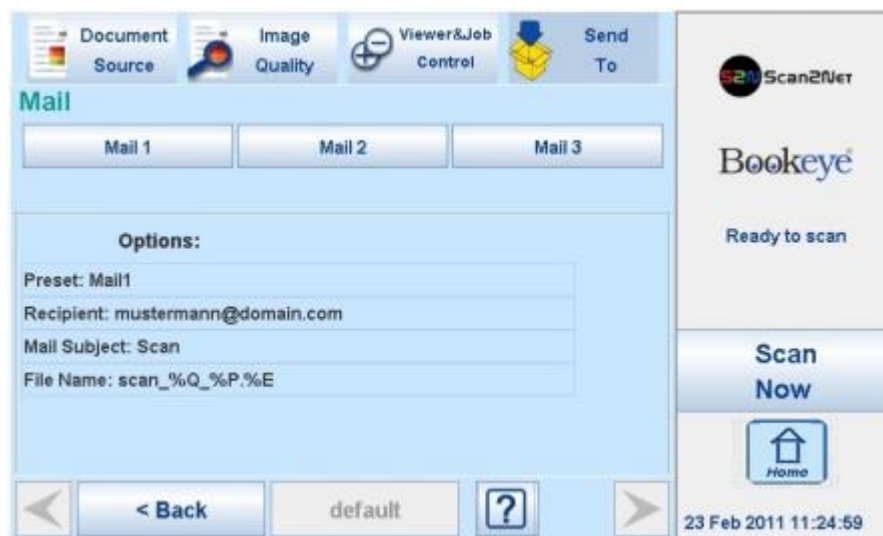


Hình 127: Các thông số của Network Options

- Từ màn hình cảm ứng, chỉ cho mục **File Name** có thể được thay đổi.
- Để thay đổi mục, chạm vào dòng tương ứng.
- Chương D.3.5.1 mô tả cách các mục có thể được thay đổi.
- Tất cả các thông số khác phải được thay đổi từ giao diện cài đặt Scan2Net® , mức độ sử dụng **Power User**.

D.3.5.6 Mail Options

- Chạm vào nút **Mail Options** để chuyển sang màn hình hiển thị các cấu hình email cài sẵn.
- Ba cấu hình cài đặt trước có thể được lưu trữ và kích hoạt với các nút Mail 1 tới Mail 3.



Hình 128: Các thông số của Mail Options

- Để thay đổi các mục, chạm vào dòng tương ứng. Từ màn hình cảm ứng giá trị cho Recipient

Mail Subject File Name

can be changed.

Chương D.3.5.1 mô tả cách các mục có thể được thay đổi.

- Nhiều thông số có thể được thay đổi từ giao diện cài đặt Scan2Net®, mức độ sử dụng **Power User**.

D.3.5.6.1 Transaction modes (Phương thức giao dịch)

- Hai chế độ giao dịch có sẵn cho việc chuyển thư. Các thông số cho các phương thức giao dịch có thể được thiết lập từ giao diện cài đặt Scan2Net.
- Các chế độ, được lựa chọn trong giao diện thiết lập Scan2Net®, ảnh hưởng đến quá trình khi một hình ảnh quét phải được gửi.

Automatic:

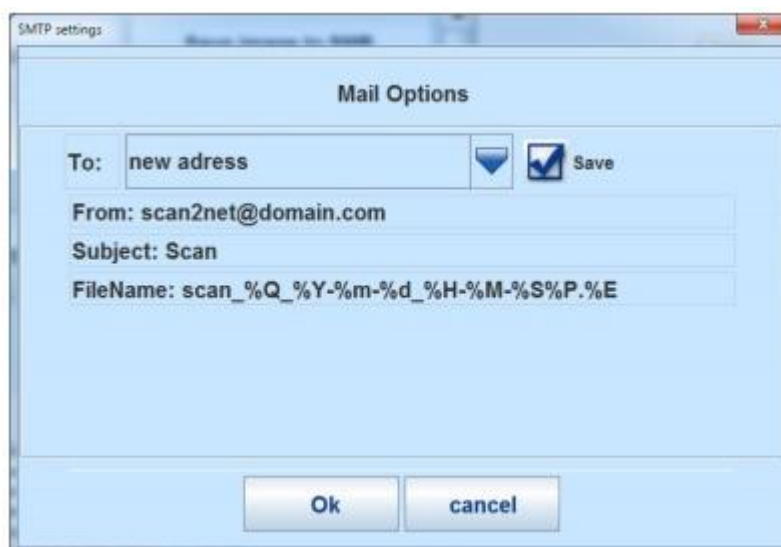
Khi nhấn vào nút **Mail image via SMTP** ở màn hình cảm ứng, hình ảnh sẽ được gửi đến địa chỉ được xác định trong màn hình **Mail Options** (hình 128). Khu vực trạng thái của màn hình cảm ứng phía trên nút **Scan Now** hiển thị thông báo:

Mail image via SMTP.

Interactive:

Khi nhấn vào nút **Mail image via SMTP** ở màn hình cảm ứng, một cửa sổ khác mở ra trong màn hình cảm ứng. Nó được đặt tiêu đề là **Mail Options** và cho phép nhập vào một địa chỉ cho người nhận là địa chỉ quy định. Tất cả các thiết lập khác vẫn như cũ.

- Để nhập một địa chỉ khác, nhấp vào đường link trên cùng.



Hình 129: Chế độ tương tác, các tùy chọn email

- Tất cả các địa chỉ đã nhập sẽ được lưu trong danh sách khi **Save** được lựa chọn với check box. Bấm vào mũi tên lựa chọn để xem danh sách.
- Sử dụng **Interactive** được khuyến khích khi chuyển hình ảnh để thường xuyên thay đổi địa chỉ.

E The User Interface ScanWizard Web Giao diện người dùng Web ScanWizard

- Về cơ bản, máy quét là một máy chủ web và đi kèm với giao diện người dùng dựa trên ngôn ngữ HTML riêng của mình, đặt tên ScanWizard.
- Yêu cầu cơ bản trước khi làm việc với giao diện người dùng ScanWizard tích hợp là cấu hình các trình duyệt như sau:
 - Xóa sạch bộ nhớ Cache của trình duyệt.
 - Nhập địa chỉ IP của máy quét.
- ScanWizard là một giao diện người dùng đơn giản và trực quan cho máy quét Scan2Net® của bạn, mà có thể được truy cập bằng cách sử dụng bất kỳ trình duyệt web chuẩn. ScanWizard là hệ điều hành độc lập và không cần cài đặt bất kỳ nào đó trên máy tính của người dùng.
- Khi quản trị viên hệ thống mạng của bạn được giao thiết lập địa chỉ IP và cài đặt nó trong hệ thống mạng nội bộ trong cơ quan của bạn, thì bất kỳ người sử dụng nào cũng có thể truy cập vào máy quét và vận hành nó sử dụng ScanWizard.
- Khởi động trình duyệt của bạn.
- Nhập địa chỉ IP đã được gán cho máy quét. Các địa chỉ IP mặc định của máy quét: 192.168.1.50
- Menu chính Scan2Net® sẽ được hiển thị trong trình duyệt.



Hình 130: Menu chính Scan2Net®

Launch Scan Application

- Chuyển sang giao diện ScanWizard. Thông tin về các giao diện ScanWizard sẽ được tìm thấy bắt đầu trong chương E.1.

Setup Device

- Chuyển sang menu cài đặt. Nếu bạn có quyền truy cập đến các bộ phận **Administrative** của hệ thống Scan2Net®, nhấn nút này để thiết lập các thiết bị và truy cập thông tin về máy quét. Thông tin về mức độ thiết lập User có thể tìm thấy trong chương F.

Information

- Cung cấp cho bạn một bản tóm tắt ngắn gọn về các thông số thiết bị. Thông tin sẽ được tìm thấy trong chương E.2.

E.1 The ScanWizard User Interface (Giao diện người dùng ScanWizard)

- Sau khi nhấn nút **Launch Scan Application**. Trình duyệt sẽ hiển thị giao diện ScanWizard.



Hình 131: Giao diện ScanWizard (biểu tượng hình ảnh)

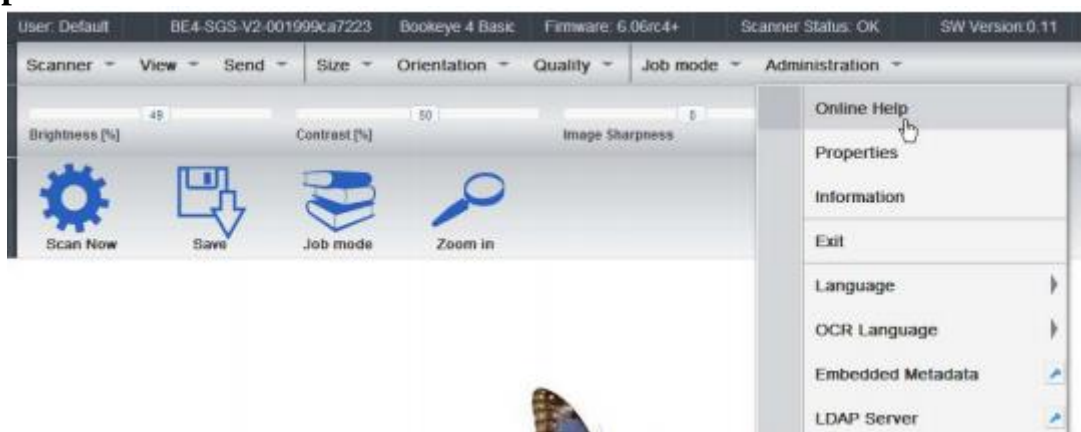
- Bạn có thể đánh dấu các địa chỉ của giao diện ScanWizard trong trình duyệt của bạn để dễ dàng truy cập sau.
- ScanWizard là một chức năng giao diện người dùng phong phú cho phép người dùng cấu hình và vận hành máy quét dễ dàng mà không cần bất kỳ phần mềm bổ sung.
- Ngay cả các chức năng tiên tiến như quản lý công việc và hồ sơ màu sắc có sẵn trong giao diện người dùng ScanWizard.



Hình 132: Bố trí giao diện ScanWizard

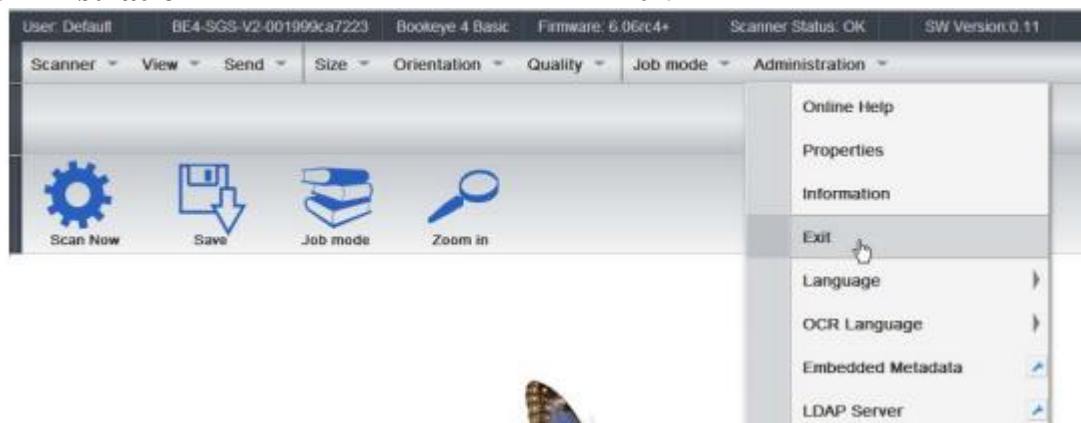
Sử dụng thanh công cụ trình bày trong Hình 132, người sử dụng:

- Lựa chọn các thông số quét và quét,
 - Thao túng các hình ảnh mà không cần phải quét lại,
 - Xử việc khối lượng lớn hoặc lưu hình ảnh tới máy tính.
- Những thanh công cụ được mô tả chi tiết trong các chức năng trợ giúp trực tuyến bao gồm trong giao diện ScanWizard, trong menu "**Administration**", mục "**Online Help**".



Hình 133: Online Help

- Để thoát khỏi giao diện ScanWizard nhấp chuột vào mục trình đơn chính "**Administration**" và sau đó click vào nút "**Exit**".



Hình 134: "Exit" returns to Scan2Net® main menu

- Trình duyệt sẽ trở về Scan2Net® menu chính (Hình 130).

E.2 Information (Thông tin)

- Click vào nút **Information** trong menu chính Scan2Net® (Hình 130) để có được một bản tóm tắt ngắn gọn về các thông số thiết bị.

- Hiện thị thông tin là rất hữu ích để hỗ trợ kỹ thuật. Nó cho thấy ví dụ các loại thiết bị chính xác, phiên bản firmware cài đặt cũng như tùy chọn cài đặt.

- Nhấp vào nút **Back** để quay trở lại màn hình bắt đầu.

- Nhấp vào nút **Launch Scan Application** để chuyển sang menu chính Scan2Net® (Hình 130).



Hình 135: Thông tin

F The Setup Level Thiết lập

Xin lưu ý:

Các ảnh chụp màn hình trong chương này được lấy từ một máy quét WideTEK. Nội dung của tất cả các menu gần như giống hệt với các menu của máy quét Bookeye® 4.

Nếu một menu có nội dung đặc biệt tại máy quét Bookeye® 4, một gợi ý sẽ được đưa ra.

- Mức thiết lập được chia thành ba cấp độ truy cập. Các cấp độ truy cập **Poweruser** và

Admin được bảo vệ bởi một mật khẩu.

- Mức độ truy cập **User** cho phép hiển thị thông tin nhất định về hệ thống như power up time, thời gian còn lại tuổi thọ bóng đèn hoặc phiên bản firmware.

- Hơn nữa mức độ truy cập **User** cho phép thiết lập một số thông số cơ bản.
- Khởi động trình duyệt web và nhập địa chỉ IP của máy quét để có được quyền truy cập vào máy quét. Menu chính Scan2Net® (xem Hình 130) sẽ mở ra.

The Login Screen (Màn hình đăng nhập)

- Trên màn hình menu chính bấm nút **Setup Device**
- Màn hình tiếp theo cho thấy mức độ đăng nhập, **User**, **Poweruser** và **Admin**.
- **Xin lưu ý:** Các mức đăng nhập **Power User** và **Admin** được mật khẩu bảo vệ. Chỉ kỹ thuật viên được đào tạo mới được sử dụng.



Hình 136: Màn hình đăng nhập

F.1 Access Level User

- Nhấp vào nút **User**. Điều này sẽ mở màn hình hiển thị bên dưới.



Hình 137: User screen

- Màn hình **User** được chia thành hai phần.
- + Phần **Device Information** cho thấy một số chi tiết của máy quét và cung cấp thông tin hoạt động chung.
- + Phần **User Setting** cho phép người sử dụng để xác định một số thông số cơ bản của máy quét.
- Nút **System Shutdown** để máy quét.

F.1.1 Device Info

- Trong mục **Device Information**, bấm vào nút **Device Info** và danh sách sau đây (Hình 138) sẽ được hiển thị.
- Nhấp vào nút bên dưới tiêu đề **Device Info** để có được thông tin scanner cụ thể



Hình 138: Màn hình Device Info

- Bảng sau đây từ khóa hiển thị trạng thái hiện tại của máy quét Bookeye® 4.
- Thông tin quan trọng nhất đối với người sử dụng là phiên bản firmware trong bảng thứ hai.



Hình 139: Thông tin Firmware

- Các thông tin khác có thể được quan tâm nó cần thiết cho kỹ thuật viên sửa chữa thiết bị tại chỗ hoặc gọi cho dịch vụ đường dây nóng của hãng (Hotline).
- Để trở về màn hình **USER** (Hình 137) di chuyển xuống dưới và nhấn vào nút **Back to Main Menu**.
- Để trở lại màn hình đăng nhập (Hình 136) nhấp vào nút **Setup Menu**
- Nhấp vào nút **Launch Scan Application** để trở về giao diện người dùng **ScanWizard**.

F.1.2 Operation Info

Trong mục **Device Information** bấm nút **Operation Info** sẽ hiển thị quầy quét khác nhau và thời gian trôi qua.



Hình 140: Operation Info screen

- Bảng dưới đây cho một mô tả ngắn gọn.

Field	Description (Miêu tả)
Scan Count (Đếm Scan)	- Tổng số quét thực hiện từ máy quét khi rời nhà máy. Mỗi chu kỳ CCD quét được tính, bất kể nó là một pre-scan hoặc full scan.
Power Up Cycles	- Tổng số Power up chu kỳ thực hiện từ máy quét khi rời nhà máy. Chỉ có các chu kỳ Power up được tính, được gọi bằng nút on / off
Job count (Số công việc)	Tổng số kích hoạt chế độ công việc để quét
Operating Time (Thời gian hoạt động)	Tổng thời gian hoạt động từ máy quét khi rời nhà máy. Đây là chỉ về thời gian hoạt động, thời gian chờ không được tính.
Lamp Operating Time (Thời gian hoạt động của đèn)	Tổng thời gian vận hành đèn từ máy quét khi rời nhà máy.
Remaining Lamp Operating Time (Thời gian hoạt động của đèn)	Thời gian còn lại của đèn. Với điều kiện làm việc bình thường tuổi thọ bóng đèn là đủ cho tuổi thọ của thiết bị.

- Để trở về màn hình **USER** (Hình 137) di chuyển xuống dưới và nhấn vào nút **Back to Main Menu**.

- Để trở lại màn hình đăng nhập (Hình 136) nhấp vào nút **Setup Menu**

- Nhấp vào nút **Launch Scan Application** để trở về giao diện người dùng **ScanWizard**.

F.1.3 User Settings

Trong phần **User Settings** nhấn vào nút **User Settings** và màn hình sau đây sẽ được hiển thị.



Hình 141: User Settings start screen

- Màn hình **Power Saving** tiết kiệm điện sẽ được hiển thị như màn hình khởi động của phần **User Settings**.

- Nhấn vào liên kết bên dưới tiêu đề để thiết lập các thông số tương ứng

- Để trở về màn hình **USER** (Hình 137) di chuyển xuống dưới và nhấn vào nút **Back to Main Menu**.
- Để trở lại màn hình đăng nhập (Hình 136) nhấp vào nút **Setup Menu**
- Nhấp vào nút **Launch Scan Application** để trở về giao diện người dùng **ScanWizard**.

F.1.3.1 Language Selector

- Sử dụng Chọn chức năng **Language Selector** để cài ngôn ngữ cho giao diện người dùng và các ngôn ngữ OCR của máy quét Bookeye® 4



Hình 142: Màn hình Chọn ngôn ngữ

- Click vào mũi tên lựa chọn bên cạnh **Language** và một danh sách các ngôn ngữ có sẵn sẽ mở ra.
- Chọn ngôn ngữ bạn muốn cho giao diện người dùng với một cú nhấp chuột.
- Các thiết lập thay đổi ngay lập tức sau khi lựa chọn.
- Nhấp vào nút **Back to Main Menu** để quay về màn hình **USER** (Hình 137) tương ứng tiêu đề nút trong ngôn ngữ đã chọn.

F.1.3.2 File Name

- Sử dụng chức năng Filename để xác định một tên mặc định.



Hình 143: File name

- Khi xác định tên mặc định, các biến có thể được sử dụng. Để có được một danh sách các biến, click vào link [Wildcard characters](#).



Hình 144: Danh sách các ký tự đại diện

- Bên dưới trường "File Name" tên tập tin định nghĩa được hiển thị. Để hiển thị tên tập tin với các biến được định nghĩa, tải lại trang.

F.1.3.3 Power Saving (Tiết kiệm điện năng)

- Sử dụng chức năng Power Saving để đặt giờ cho chế độ chờ và phương pháp chế độ chờ. Các thiết lập có sẵn được hiển thị trên màn hình.
- Click vào **Power Saving**.



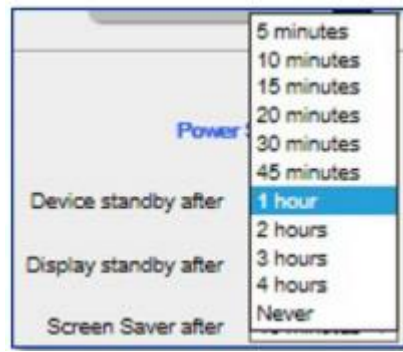
Hình 145: Tiết kiệm điện

- Click vào mũi tên lựa chọn để mở danh sách các giá trị có sẵn cho chế độ chờ tương ứng. Danh sách các giá trị có sẵn thay đổi theo chế độ chờ lựa chọn.

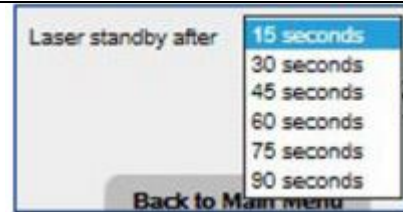
Standby mode (Chế độ chờ)

| **Available values** (Giá trị có sẵn)

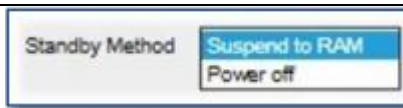
Device standby after
(Thiết bị chế độ chờ sau)
Display standby after
(Hiển thị chế độ chờ sau)
Screen Saver after
(Screen Saver)



Laser standby after



Standby Method
(Phương pháp chế độ chờ)



Never: Không bao giờ vô hiệu hóa sức mạnh tiết kiệm năng của menu item tương ứng.

- Để trở về màn hình trước đó nhấp vào nút **Back to Main Menu**

F.1.3.4 Volume

- Nhấp vào nút Volume để thiết lập âm lượng loa của máy quét.



Hình 146: mức âm lượng

- Một màn hình sẽ mở ra và cho thấy một hình ảnh tượng trưng cho mức âm lượng.
- Click vào quy mô để thiết lập mức âm lượng hoặc nhấp chuột phải với con chuột vào mũi tên và di chuyển mũi tên với giá trị mong muốn trong khi giữ nút chuột ép.

- Để trở về màn hình **USER** (Hình 137) di chuyển xuống dưới và nhấn vào nút **Back to Main Menu**.

- Để trở lại màn hình đăng nhập (Hình 136) nhấp vào nút **Setup Menu**

- Nhấp vào nút **Launch Scan Application** để trở về giao diện người dùng **ScanWizard**.

F.1.3.5 Foot Pedal

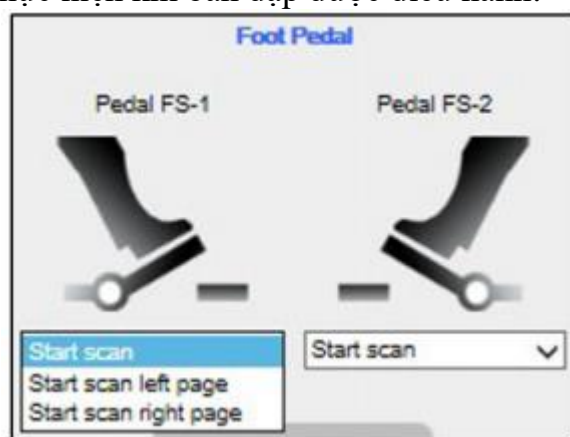
- Nhấp vào nút **Foot Pedal** để xác định một chức năng cho bàn đạp chân.



Hình 147: Các thiết lập chân đạp

- Máy quét có một cổng kết nối ở phía mặt sau để kết nối một bàn đạp chân (Ảnh 5, # 4). Biểu tượng cho bàn đạp chân thứ hai sẽ được sử dụng trong một phiên bản firmware sau.

- Nhấp vào bên dưới biểu tượng của Pedal FS-1 và chọn từ danh sách thả xuống mà hành động nên được thực hiện khi bàn đạp được điều hành.



Hình 148: Chức năng cho bàn đạp chân

Drop-down list item (Danh sách thả xuống mục)	Function (Chức năng)
Start scan	Bắt đầu quét với kích thước quét khu vực được lựa chọn.
Start scan left page	Bắt đầu quá trình quét và hiển thị trang bên trái của kích thước khu vực quét được lựa chọn.
Start scan right page	Bắt đầu quá trình quét và hiển thị trang bên phải của kích thước khu vực quét được lựa chọn.

F.1.3.6 Glass Plate (Tấm kính)

- Nhấp vào nút **Glass Plate** để kích hoạt lựa chọn tấm kính.

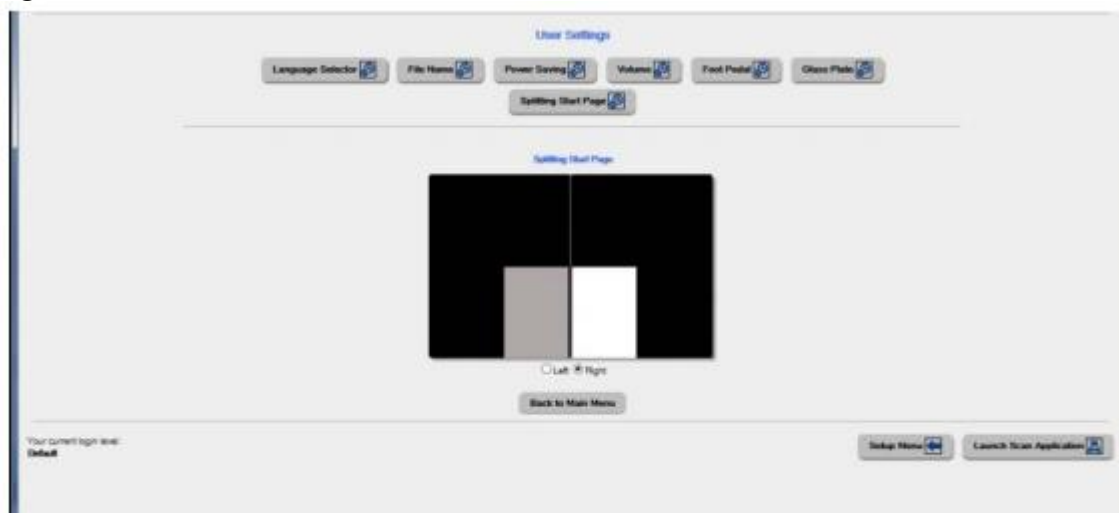


Hình 149: Tùy chọn tấm kính

- Nếu một tấm kính tùy chọn được cài đặt, mục trình đơn này cho thấy các thiết lập cung cấp cùng với các tấm kính.
- Tính năng này sẽ được sử dụng trong một phiên bản phần mềm sắp tới.

F.1.3.7 Splitting Start Page (Tách trang bắt đầu)

- Nhấp vào nút **Splitting Start Page** và chọn trang bên trái hoặc trang bên phải là trang bắt đầu.



Hình 150: Splitting trang đầu

- Trong một số trường hợp, nó là cần thiết để bắt đầu tách hình ảnh tài liệu theo thứ tự ngược, nghĩa là bắt đầu với phía bên phải theo sau phía bên trái trong bước thứ hai.
- Để trở về màn hình **USER** (Hình 137) di chuyển xuống dưới và nhấn vào nút **Back to Main Menu**.
- Để trở lại màn hình đăng nhập (Hình 136) nhấp vào nút **Setup Menu**
- Nhấp vào nút **Launch Scan Application** để trở về giao diện người dùng **ScanWizard**.

G Technical Data / Caractéristiques techniques Thông số kỹ thuật

G.1 Scanner Specifications

G.1.1 Bookeye® 4 V3

Scan Area / Document Size

Maximum Scan Area [mm]	390 x 480 mm
	15.4 x 18.9 inch
Scanner resolution	400 x 400 dpi 600 x 600 dpi (V3 Professional)
Optical resolution	400 dpi 600 x 400 dpi (V3 Professional)
Pixel dimension	9.3 x 9.3 μ m
Minimum document size	100 x 100 mm / 4 x 4 inch

Luminosity

Light intensity while scanning:	Max. 1800 LUX
Standby, idle	0 LUX (lamps off)

Lamps

Light source	High Power White LEDs, classified according IEC 60825-1:Class 1
Warm up time	None. Maximum brightness immediately.
Temperature-related alteration	None
IR-/ UV radiation	None
Lifetime	50,000 hours (typ.)

Color modes

Grayscale digitization	12 bit
Color digitization	36 bit
Scan modes	24 bit color, 8 bit grayscale, bitonal, enhanced halftone

G.1.2 Bookeye® 4 V2

Scan Area / Document Size

Maximum Scan Area [mm]	620 x 460 mm
	24.4 x 18 inch
Scanner resolution	400 x 400 dpi (Basic, Kiosk, Office) 600 x 600 dpi (Professional)
Optical resolution	400 dpi (Basic, Kiosk, Office) 600 dpi (Professional)
Pixel dimension	9.3 x 9.3 µm
Minimum document size	100 x 100 mm / 4 x 4 inch

Luminosity

Light intensity while scanning:	Max. 1800 LUX
Standby, idle	0 LUX (lamps off)

Lamps

Light source	High Power White LEDs, classified according IEC 60825-1:Class 1
Warm up time	None. Maximum brightness immediately.
Temperature-related alteration	None
IR-/ UV radiation	None
Lifetime	50,000 hours (typ.)

Color modes

Grayscale digitization	12 bit
Color digitization	36 bit
Scan modes	24 bit color, 8 bit grayscale, bitonal, enhanced halftone

G.2 Electrical Specifications

External Power Supply

Voltage	100 – 240 V AC
Frequency	47 – 63 Hz

Inrush current	120 A max / 264 V AC
Efficiency	85 %
Idle consumption	≤ 0.5 W
Operating temperature	0 to 65 °C / 32 to 150 °F
Operating humidity	20 ... 80 % RH, non-condensing
ECO standard	CEC level V

Scanner

Voltage	24 V DC
Current	Max. 5 A

Power Consumption

Sleep	≤ 0.5 W
Standby	2.5 W
Ready to scan, monitor on	75 W
Scanning	130 W

G.3 Dimensions and Weight

G3.1 Bookeye® 4 V3

Scanner outer dimensions	780 x 500 x 580 mm (H x W x D) 30.7 x 19.7 x 22.9 inch
Scanner outer dimensions, book cradle opened	780 x 595 x 580 mm (H x W x D) 30.7 x 23.5 x 22.9 inch
Weight of scanner	Approx. 30 kg / 66 lbs.

Transport Box:

Dimension transport box :	720 x 880 x 620 mm (H x W x D) 28.4 x 34.7 x 24.5 inch
Dim. of transport box with carrier handles:	720 x 910 x 620 mm (H x W x D) 28.4 x 35.9 x 24.5 inch
Weight transport box:	10 kg / 22 lbs.
Total shipping weight	40 kg / 88 lbs.

G3.2 Bookeye® 4 V2

Scanner outer dimensions Book cradle closed	780 x 670 x 670 mm (H x W x D) 30.7 x 26.4 x 26.4 inch
Scanner outer dimensions, book cradle opened	780 x 765 x 670 mm (H x W x D) 30.7 x 30.2 x 26.4 inch
Scanner outer dimensions with V glass plate, book cradle closed	780 x 670 x 740 mm (H x W x D) 30.7 x 26.4 x 29.2
Weight of scanner	Approx. 40.5 kg / 90 lbs.
Weight of scanner with V glass plate	52.5 kg / 116 lbs.

Transport Box:

Dimension transport box :	1010 x 810 x 835 mm (H x W x D) 39.8 x 31.9 x 32.9 inch
Weight transport box:	44.5 kg / 98 lbs.
Total shipping weight	85 kg / 188 lbs.
Total shipping weight Bookeye® 4 V2 Professional Archive	106.5 kg / 235 lbs.